

48	Khu dân cư 6 buôn đồng bào	Đường quy hoạch từ 6 - 10m		700			
		Khu dân cư các trục đường còn lại		680			
49	Khu dân cư 6 buôn đồng bào, thôn An Cư (trừ đã có tên đường)	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		760			
		Đường quy hoạch từ 17m		740			
		Đường quy hoạch từ 13m		720			
		Đường quy hoạch từ 10m		700			
		Đường quy hoạch từ 06m		680			
		Các trục đường còn lại		660			
50	Khu dân cư buôn Êga	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		480			
		Đường quy hoạch từ 17m		440			
		Đường quy hoạch từ 13m		420			
		Đường quy hoạch từ 10m		400			
		Đường quy hoạch từ 06m		380			
		Các trục đường còn lại		360			
51	Khu dân cư suối cạn thuộc thôn 6			300			
52	Khu dân cư thôn Đoàn Kết	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		480			
		Đường quy hoạch từ 17m		450			
		Đường quy hoạch từ 13m		420			
		Đường quy hoạch từ 10m		370			
		Đường quy hoạch từ 06m		350			
		Các trục đường còn lại		330			
53	Khu dân cư thôn 1, thôn 7	Đường quy hoạch từ 6 - 10m		430			
		Các trục đường còn lại		410			
54	Khu dân cư thôn 10 Cư Ni, thôn Ea Sinh 1, Ea Sinh 2	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		250			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		200			
		Các trục đường còn lại		150			
55	Khu dân cư thôn 11, thôn 12 Cư Ni	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		450			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		380			
		Các trục đường còn lại		300			
56	Khu dân cư thôn 12	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		340			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		240			
		Các trục đường còn lại		200			
57	Khu dân cư thôn 2 Xuân Phú, thôn 7 Xuân Phú	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		360			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		300			
		Các trục đường còn lại		240			
58	Khu dân cư thôn 2, thôn 3	Đường quy hoạch từ 6 - 10m		630			

		khu dân cư Các trục đường còn lại		610			
59	Khu dân cư thôn 5 Cư Ni và thôn 6 Cư Ni	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		450			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		350			
		Các trục đường còn lại		250			
60	Khu dân cư thôn 5 và thôn Hợp Thành	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		240			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		200			
		Các trục đường còn lại		150			
61	Khu dân cư thôn 5, buôn Sủk và buôn Tông Sinh	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		850			
		Đường quy hoạch từ 17m		830			
		Đường quy hoạch từ 13m		810			
		Đường quy hoạch từ 10m		790			
		Đường quy hoạch từ 06m		770			
		Các trục đường còn lại		750			
62	Khu dân cư thôn 6	Đường quy hoạch từ 6 - 10m		310			
		Các trục đường còn lại		290			
63	Khu dân cư Thôn 6, thôn 9 Ea Đar và thôn 10, thôn 15 Ea Đar	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		830			
		Đường quy hoạch từ 17m		600			
		Đường quy hoạch từ 13m		500			
		Đường quy hoạch từ 10m		300			
		Các trục đường còn lại		250			
64	Khu dân cư thôn 7 Cư Ni, thôn 8 Cư Ni, thôn 9 Cư Ni	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		450			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		350			
		Các trục đường còn lại		250			
65	Khu dân cư thôn 7, thôn 8, thôn Hữu Nghị, thôn 1, thôn 2 và thôn 14	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		830			
		Đường quy hoạch từ 17m		750			
		Đường quy hoạch từ 13m		600			
		Đường quy hoạch từ 10m		400			
		Các trục đường còn lại		300			
66	Khu dân cư thôn 8, thôn 9, thôn 10	Đường quy hoạch từ 06m		300			
		Các trục đường còn lại		270			
67	Khu dân cư thôn Chư Cúc	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		500			
		Đường quy hoạch từ 17m		470			
		Đường quy hoạch từ 13m		450			
		Đường quy hoạch từ 10m		380			
		Đường quy hoạch từ 06m		360			
		Các trục đường còn lại		350			
68	Khu dân cư thôn Cư An, Hợp Thành	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		440			
		Đường quy hoạch từ 17m		420			

		Đường quy hoạch từ 13m		400			
		Đường quy hoạch từ 10m		380			
		Đường quy hoạch từ 06m		360			
		Các trục đường còn lại		340			
69	Khu dân cư thôn Cư Nghĩa	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		360			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		340			
		Các trục đường còn lại		260			
70	Khu dân cư thôn Ninh Thanh 1	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		480			
		Đường quy hoạch từ 17m		450			
		Đường quy hoạch từ 13m		390			
		Đường quy hoạch từ 10m		370			
		Đường quy hoạch từ 06m		350			
		Các trục đường còn lại		330			
71	Khu dân cư thôn Ninh Thanh 2	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		340			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		240			
		Các trục đường còn lại		200			
72	Khu dân cư thôn Quảng Cư 1 A, Quảng Cư 1 B, Quảng Cư 2	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		300			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		260			
		Các trục đường còn lại		200			
73	Khu trụ sở cơ quan xã Ea Kar (thôn 6 và thôn 9)	Đường quy hoạch từ 17m trở lên		5.800	3.480	2.320	1.740
		Đường quy hoạch dưới 17m		4.800	2.880	1.920	1.440
74	Khu trung tâm hành chính mới xã Ea Kar (Thôn 6 và thôn 9)	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		2.500	1.500	1.000	750
		Đường quy hoạch dưới 20m		2.000	1.200	800	600
75	Khu vực các Buôn Tơng Kroa, Tân Tiến, Ea Kung, Đông Tâm, Tân Lộc	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		250			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		200			
		Các trục đường còn lại		150			
76	Khu vực các thôn 1 Ea Kmút, thôn 2 Ea Kmút, Thôn 3 Ea Kmút, Thôn 4 Ea Kmút (721)	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		340			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		240			
		Các trục đường còn lại		200			
77	Khu vực các thôn 22, thôn 23 (trừ đã có tên đường)	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		250			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		200			
		Các trục đường còn lại		150			
78	Khu vực các thôn Điện Biên 1, Điện Biên 2, Điện Biên 3	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		200			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		180			
		Các trục đường còn lại		150			

79	Khu vực các thôn Tứ Xuân, Sơn Lộc, Đoàn Kết 2	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		400			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		350			
		Các trục đường còn lại		260			
80	Khu vực các thôn: thôn 1 Xuân Phú, 3 Xuân Phú, 4 Xuân Phú	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		400			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		350			
		Các trục đường còn lại		240			
81	Khu vực các thôn: thôn Hàm Long, Hạ Điền, Suối Cát, Trung Nguyên, Trung Hòa, Thanh Phong, Thanh Ba, Cao Sơn	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		220			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		180			
		Các trục đường còn lại		150			
82	Khu vực thôn 3, thôn 4, thôn 11, thôn 13, thôn 16	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		300			
		Đường quy hoạch từ 17m		280			
		Đường quy hoạch từ 13m		260			
		Đường quy hoạch từ 10m		240			
		Các trục đường còn lại		220			
83	Kim Đồng	Trần Hưng Đạo	Trần Thánh Tông	3.000	1.800	1.200	900
84	Lạc Long Quân	Trần Hưng Đạo	Trần Bình Trọng	2.600	1.560	1.040	780
85	Lê Đại Hành	Nguyễn Tất Thành	Lê Thị Hồng Gấm	1.200	720	480	360
		Lê Thị Hồng Gấm	Hết đường	6.800	4.760	3.400	
86	Lê Hồng Phong	Lê Thị Hồng Gấm	Đình Núp	1.600	960	640	480
		Đình Núp	Phan Bội Châu	1.250	750	500	380
87	Lê Lợi	Nguyễn Tất Thành	Lê Thị Hồng Gấm	3.240	2.270	1.620	
		Lê Thị Hồng Gấm	Trần Quang Khải	1.850	1.110	740	560
88	Lê Quý Đôn	Hai Bà Trưng	Đình Núp	1.600	960	640	480
		Đình Núp	Nguyễn Thị Minh Khai	1.250	750	500	380
89	Lê Thánh Tông	Nguyễn Tất Thành	Huỳnh Thúc Kháng	1.500	900	600	460
90	Lê Thị Hồng Gấm	Hoàng Văn Thụ	Nguyễn Trãi	3.000	1.950	1.450	
		Nguyễn Trãi	Âu Cơ	4.500	2.700	1.800	1.350
		Âu Cơ	Mai Hắc Đế	4.000	2.400	1.600	1.200
		Mai Hắc Đế	Mạc Đĩnh Chi	4.500	2.700	1.800	1.350
		Mạc Đĩnh Chi	Trần Phú	5.000	3.500	2.500	
		Trần Phú	Đường xuyên qua Trần Quang Khải	2.500	1.500	1.000	750
		Đường xuyên qua Trần Quang Khải	Lê Đại Hành	1.850	1.110	740	560
91	Lương Thế Vinh	Nguyễn Văn Trỗi	Phạm Ngũ Lão	1.300	780	520	390
92	Lý Thường Kiệt	Trần Hưng Đạo	Quang Trung	4.000	2.400	1.600	1.200
93	Mạc Đĩnh Chi	Nguyễn Tất Thành	Lê Thị Hồng Gấm	3.000	1.950	1.450	
		Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Chí Thanh	2.500	1.500	1.000	750

94	Mạc Thị Bưởi	Ngô Gia Tự	Nguyễn Văn Cừ	1.450	870	580	440
95	Mai Hắc Đế	Nguyễn Tất Thành	Lê Thị Hồng Gấm	5.670	3.960	2.830	
		Lê Thị Hồng Gấm	Đinh Núp	3.500	2.450	1.750	
		Đinh Núp	Phan Bội Châu	2.000	1.200	800	600
96	Ngô Gia Tự	Nguyễn Tất Thành	Cổng thoát nước ở phía Nam Nhà máy nước đá	7.000	4.900	3.500	
		Cổng thoát nước ở phía Nam Nhà máy nước đá	Phạm Ngũ Lão	5.100	3.570	2.550	
		Phạm Ngũ Lão	Trần Huy Liệu	3.500	2.450	1.750	
		Trần Huy Liệu	Nguyễn Văn Cừ	2.800	1.680	1.120	840
		Nguyễn Văn Cừ	Giáp đập Nông trường 720	2.000	1.200	800	600
97	Ngô Quyền	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Trãi	1.500	900	600	460
		Nguyễn Trãi	Mai Hắc Đế	1.650	990	660	500
		Mai Hắc Đế	Trần Phú	1.800	1.080	720	540
98	Nguyễn Bình Khiêm	Ngô Gia Tự	Nguyễn Văn Cừ	1.350	810	540	400
99	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Trãi	1.650	990	660	500
		Nguyễn Trãi	Mai Hắc Đế	1.800	1.080	720	540
		Mai Hắc Đế	Trần Phú	1.890	1.130	700	
100	Nguyễn Công Trứ	Lê Thị Hồng Gấm	Đinh Núp	1.300	780	520	390
		Đinh Núp	Nguyễn Thị Định	1.100	660	440	330
101	Nguyễn Du	Trần Quang Khải	Lê Đại Hành	1.200	720	480	360
102	Nguyễn Khuyến	Trần Bình Trọng	Trần Hưng Đạo	1.300	780	520	390
103	Nguyễn Thái Học	Ngô Gia Tự	Nguyễn Văn Cừ	1.350	810	540	400
104	Nguyễn Thị Định	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Trãi	1.100	660	440	330
		Nguyễn Trãi	Trần Phú	1.300	780	520	390
105	Nguyễn Thị Minh Khai	Hai Bà Trưng	Lê Thị Hồng Gấm	2.500	1.500	1.000	750
		Lê Thị Hồng Gấm	Đinh Núp	2.000	1.200	800	600
		Đinh Núp	Nguyễn Thị Định	1.500	900	600	450
		Nguyễn Thị Định	Tỉnh lộ 3 (Km 2)	1.100	660	440	330
106	Nguyễn Trãi	Hai Bà Trưng	Lê Thị Hồng Gấm	5.400	3.780	2.700	
		Lê Thị Hồng Gấm	Đinh Núp	4.500	2.700	1.800	1.350
		Đinh Núp	Nguyễn Thị Định	3.000	1.950	1.450	
107	Nguyễn Tri Phương	Nguyễn Bình Khiêm	Nguyễn Văn Cừ	1.550	930	620	460
108	Nguyễn Văn Cừ (vành đai cũ)	Nguyễn Bình Khiêm	Nguyễn Thái Học	1.450	870	580	440
		Nguyễn Thái Học	Ngô Gia Tự	1.500	900	600	450
109	Nguyễn Văn Trỗi	Trần Hưng Đạo	Lương Thế Vinh	1.500	900	600	450
110	Phạm Ngũ Lão	Ngô Gia Tự	Trần Hưng Đạo	1.800	1.080	720	540
111	Phan Bội Châu	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Trãi	1.100	660	440	330
		Nguyễn Trãi	Mai Hắc Đế	1.200	720	480	360
		Mai Hắc Đế	Trần Phú	1.300	780	520	390
112	Quang Trung	Nguyễn Tất Thành	Lý Thường Kiệt	11.500	8.000	5.700	
		Lý Thường Kiệt	Km 0 + 350 (ngã ba đi đội 6, thôn 1A - xã Cư Ni)	9.750	6.750	4.870	
		Km 0 + 350 (ngã ba đi đội 6, thôn 1 A - xã Cư Ni)	Bà Triệu	7.450	5.320	3.800	

113	Tỉnh lộ ĐT 699	UBND xã Xuân Phú cũ	Đường đi vào vùng dự án Cao su Nông trường 720	1.250	750	500	380
		Đường đi vào vùng dự án Cao su Nông trường 720	Ranh giới xã Ea Kar - xã Phú Xuân	1.000	700	450	340
114	Tỉnh lộ ĐT 699	Ranh thị trấn Ea Kar cũ	Hết ranh giới UBND xã	1.350	810	540	400
		Hết ranh giới UBND xã	Đường đi vùng dự án Cao su Nông trường 720	1.250	750	500	380
		Đường đi vùng dự án Cao su Nông trường 720	Ranh giới xã Ea Kar - Xã Phú Xuân	1.000	700	500	400
115	Trần Bình Trọng	Lạc Long Quân	Bà Triệu	2.300	1.400	1.000	
116	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Tất Thành	Y Thuyền Ksor	10.800	7.560	5.400	
		Y Thuyền Ksor	Trần Huy Liệu	5.600	3.850	2.750	
117	Trần Huy Liệu	Trần Hưng Đạo	Ngô Gia Tự	1.800	1.080	720	540
		Trần Hưng Đạo	Ngô Gia Tự	1.800	1.080	720	540
118	Trần Nhân Tông	Cao Bá Quát	Nguyễn Văn Cừ	1.500	900	600	450
119	Trần Phú	Nguyễn Tất Thành	Lê Thị Hồng Gấm	8.100	5.670	4.050	
		Lê Thị Hồng Gấm	Hồ Xuân Hương	6.100	4.270	3.050	
		Hồ Xuân Hương	Hết Km 1	4.000	2.400	1.600	1.200
		Hết Km 1	Hết cây xăng Nam Tây Nguyên	1.800	1.080	720	540
		Hết cây xăng Nam Tây Nguyên	Đường hẻm (hết ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Nhung - Lên)	1.500	900	600	450
		Đường hẻm (Hết ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Nhung - Lên)	Hết đường	1.600	960	640	480
120	Trần Quang Khải	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Trãi	1.500	900	600	450
		Nguyễn Trãi	Trần Phú	1.800	1.080	720	540
		Trần Phú	Hết ranh giới đất hội trường thôn 4	1.500	900	600	450
		Hết ranh giới đất hội trường thôn 4	Lê Đại Hành	1.200	720	480	360
121	Trần Thánh Tông	Lý Thường Kiệt	Lạc Long Quân	3.000	1.950	1.450	
122	Tuyến đường chính thôn Hạ Điền. Thanh Phong. Thanh Ba	Hạ Điền	Cầu đi xã Ea Sar	250	180	140	
123	Tuyến đường chính thôn Hàm Long	Giáp sông Krông Năng	Giáp xã Phú Xuân	300	250	200	
124	Võ Thị Sáu	Cao Bá Quát	Nguyễn Văn Cừ	1.050	630	420	320
125	Y Ngông	Nguyễn Tất Thành	Đinh Núp	2.600	1.560	1.040	780
		Đinh Núp	Phan Bội Châu	1.800	1.080	720	540
126	Y Thuyền Ksor	Ngô Gia Tự	Trần Hưng Đạo	1.800	1.080	720	540
		Trần Hưng Đạo	Trần Bình Trọng	1.500	900	600	460
		Trần Bình Trọng	Quang Trung	1.500	900	600	460
127	Đối với các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau			150			
A42	XÃ EA Ô						
1	Đường D10	Ngã ba Nông trường 716	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Chuyển	1.100	720	440	330
2	Đường liên thôn (thôn 1 đến thôn 6 C)	Ngã ba cây chay	Hết khu tái định cư số 1	250	160	120	
		Hết khu tái định cư số 1	Ngã ba nhà ông Võ	160	120		

		Ngã ba ông Cảnh	Ngã ba hội trường thôn 6 C	200	150	120	
3	Đường liên thôn 2A-2C	Đường xã Ea Ô - Ea Pál (đất nhà ông Bùi Văn Hiền)	Ngã tư kiểm lâm	200	150	120	
		Đường liên xã Ea Ô - Ea Pál (hội trường thôn 2 A)	Ngã ba nhà ông Ngô Văn Hải	250	160	120	
4	Đường liên thôn 6B Cư Elang	Ngã ba nhà ông Võ	Đường vào nhà ông Quyết	200	130		
		Đường vào nhà ông Quyết	Đập Ea Rót	150	120		
5	Đường liên xã Ea Kar - Ea Ô (Cư Ni - Ea Ô cũ)	Cầu Ea Ô	Ngã ba Nông trường 716	3.500	2.280	1.400	1.050
		Ranh giới thửa đất nhà bà Chi	Nghĩa địa thôn 23 - xã Ea Kar	500	330	200	150
6	Đường liên xã Ea Ô - Ea Kar (xã Ea Ô - Ea Kmút cũ)	Ngã ba ông Hành	Đường N7 (sau trường THCS Phan Đình Phùng)	8.300	5.400	3.320	2.490
		Đường N7 (sau trường THCS Phan Đình Phùng)	Cầu Điện Biên (xã Ea Kar)	300	200	120	
7	Đường liên xã Ea Ô - Ea Pál	Ngã ba Nông trường 716	Hết ranh giới UBND xã Ea Ô	3.500	2.280	1.400	1.050
		Hết ranh giới đất UBND xã Ea Ô	Ngã ba bà Chi	2.000	1.300	800	600
		Ngã ba bà Chi	Ngã ba lò gạch	1.200	780	480	360
		Ngã ba Lò Gạch	Ngã ba ông Sóc	400	260	160	120
		Ngã ba Ông Sóc	Giáp xã Cư Yang (xã Cư Bông cũ)	240	160	120	
8	Đường liên xã Ea Ô - Vụ Bồn (Ea Ô - Nông trường 718 cũ)	Ngã ba Nông trường 716	Ngã ba cây xăng Nông trường 716	12.580			
		Ngã ba cây xăng Nông trường 716	Ngã ba đường đi xã Ea Kar (Ngã ba ông Hành)	15.000			
		Ngã ba đường đi xã Ea Kar (Ngã ba ông Hành)	Đầu ranh giới đất hội trường thôn 14	700	460	280	210
		Đầu ranh giới đất hội trường thôn 14	Giáp ranh giới xã Vụ Bồn	400	260	160	120
9	Đường N2 (khu vực đấu giá)			3.000	1.950	1.200	900
10	Đường N3, D14	Đường xã Ea Ô (xã Ea Ô - Cư Elang cũ)	Đường vào kho Công ty 716	8.300	5.400	3.320	2.490
		Đường vào kho Công ty 716	Đường D10	1.500	980	600	450
11	Đường thôn 7 B	Đường xã Ea Ô (xã Ea Ô - Cư Elang cũ) (Ngã ba Hiền Sự)	Giáp suối lờ (xã Cư Elang cũ)	250	160	120	
12	Đường vào kho Công ty 716	Tỉnh lộ 12 A	Kho Công ty 716	2.500	1.630	1.000	750
13	Đường xã Ea Ô (xã Ea Ô - Cư Elang cũ)	Khu vực đất đấu giá phía Tây chợ giáp nhà Văn hóa xã	Đường D14	8.300	5.400	3.320	2.490
		Đường D14	Giáp ranh giới cánh đồng lúa nước 716	2.000	1.300	800	600
		Giáp ranh giới cánh đồng lúa nước 716	Hết thôn 9, xã Ea Ô (Giáp xã Cư Elang cũ)	300	200	120	
		Cầu thôn 4. thôn 6 B	Giáp ranh giới thôn 6C (xã Cư Elang cũ)	300	200	120	
14	Đường xã Ea Ô (xã Ea Ô - Cư Elang cũ)	Giáp xã Ea Ô	Ngã ba nhà ông Cảnh	150	100	60	50
		Ngã ba nhà ông Cảnh	Cầu buôn Ea Rót	410	270	160	120
		Cầu buôn Ea Rót	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trọng	210	140	120	
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trọng	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Võ	240	160	120	
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Võ	Hết ranh giới làng mới (hết ranh giới thửa đất số 01, tờ bản đồ 117 cả hai bên đường)	150	120		

		Hết ranh giới làng mới (hết ranh giới thửa đất số 01, tờ bản đồ 117 cả hai bên đường)	Ngã ba nhà ông Minh	150	120		
		Ngã ba nhà ông Minh	Ngã ba (trạm Kiểm lâm cũ)	150	120		
		Ngã ba (trạm Kiểm lâm cũ)	Thôn 6A - xã Ea Ô	130	120		
		Trạm Kiểm lâm cũ	Ngã ba thôn 4 và thôn 2 C-Ea Ô	120	110		
15	Đường xã số 4 (Cư Elang - Ea Ô cũ)	Từ thôn 6 A - xã Ea Ô	Ngã ba hội trường thôn 6C (xã Cư Elang cũ)	140	120		
		Ngã ba hội trường thôn 6 C (xã Cư Elang cũ)	Khu khai hoang cánh đồng lúa nước	130	120		
16	Khu dân cư thôn 8 và Thôn 12			350	230	140	120
17	Khu dân cư Trung tâm xã			700	460	280	210
18	Khu vực các thôn 1A, 1 B, 2 A, 2 B, 2 C, 9			150	120		
19	Khu vực các thôn 3 A, 3 B, 4, 5, 6A, 6 B, 7 A, 7 B, 10, 11, 14			150	120		
20	Khu tái định cư số 1 (Thôn Yang San)			200	150		
21	Khu vực các thôn 2, 3, thôn 4 Cư Elang, 6 E, 6 D, Ea Rót, Văn Kiêu			150	120		
22	Đối với các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau			120			
A43	XÃ EA KNÓP						
1	Chu Huy Mân	Phan Chu Trinh	Hùng Vương	300	210	150	120
2	Đình Tiên Hoàng	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Trần Đại Nghĩa	900	630		
		Trần Đại Nghĩa	Võ Nguyên Giáp (nhà ông Sơn Long)	460	320		
3	Đoàn Khuê	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Hết đường	300	210	150	120
4	Đường bê tông có độ dài khoảng 100m (sau Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk)	Đường Phan Chu Trinh	Ngã tư đường bê tông (khu vực đã bán đấu giá)	5.700	3.990		
5	Đường liên xã đi Ea Păl	Km 68 Quốc lộ 26	Hết ranh giới đất Trường Tô Hiệu	750	520	370	300
		Hết ranh giới đất Trường Tô Hiệu	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Bình (thôn Trung Hòa)	360	250	180	140
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Bình (thôn Trung Hòa)	Cổng chào thôn Quyết Tiến 1	270	200	160	120
		Cổng chào thôn Quyết Tiến 1	Hết thửa đất nhà ông Nhữ Văn Phúc	290	210	170	130
		Hết thửa đất nhà ông Nhữ Văn Phúc	Ranh giới xã Ea Păl	220	170	140	120
6	Đường Nguyễn Đình Thi	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Đường phía Bắc chợ Bình Minh	1.000	700		
		Đường phía Bắc chợ Bình Minh	Đập số 01	440	308		
		Đập số 01	Hết đường	250	170		
7	Đường phía Bắc chợ	Nguyễn Đình Thi	Đường phía Tây chợ	650	450		
8	Đường phía Tây chợ	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Đường phía Bắc chợ Bình Minh	1.000	700		
9	Đường vào xã Cư Yang	Đập nước	Cổng văn hóa Thôn 6 B	650	450	320	260
		Cổng văn hóa thôn 6 B	Ranh giới đường vào hội trường thôn 9	550	380	270	220
		Ranh giới đường vào hội trường thôn 9	Ranh giới Ea Knốp - Ea Păl	430	300	220	170
10	Đường xã (đi Ea Sô cũ)	Km 66 Quốc lộ 26	Ngã ba trạm điện (thôn An Bình)	270	200	160	120

		Ngã ba trạm điện (thôn An Bình)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Thịnh	220	170	140	120
11	Đường xã (Ea Sô đi xã Ea Tih cũ)	Ngã ba nối đường ĐH 07.15 trung tâm xã	Hết ranh giới nhà máy sản xuất gạch, ngôi không nung	200	160	120	
		Hết ranh giới nhà máy sản xuất gạch, ngôi không nung	Cầu Ea Sô đi xã Ea Tih cũ	150	130	110	
12	DX_01 (Xã Ea Sar cũ)	Cầu sông Krông Năng	Ngã ba nhà máy sợi Tài Anh Đường	480	330	290	190
		Ngã ba nhà máy sợi Tài Anh Đường	Hết cổng trường Cao Bá Quát	300	210	180	120
		Hết cổng trường Cao Bá Quát	Ngã ba đường đi đập Bằng Lăng	580	400	350	230
		Ngã ba đường đi đập Bằng Lăng	Ranh giới Ea Sô cũ - Ea Sar cũ	290	210	170	130
13	DX_01 (Xã Ea Sô cũ)	Đường đi thôn 6 ranh giới 2 xã Ea Sar và xã Ea Sô	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Bảy Lý	280	200	160	110
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Bảy Lý	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hùng Thủy	380	270	210	150
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hùng Thủy	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nhân	270	190	140	110
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nhân	Ngã ba thôn Ea Sô 1	360	250	200	150
14	Hải Thượng Lân Ông	Tôn Đức Thắng	Tôn Thất Tùng	750	520	370	280
15	Hàm Nghi	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Phan Chu Trinh	750	520	370	280
16	Hùng Vương (đường đi thôn 5, thôn 10)	Nguyễn Văn Linh	Văn Tiến Dũng (ngã ba công văn hóa thôn 10)	700	490	350	280
		Văn Tiến Dũng (ngã ba công văn hóa thôn 10)	Công văn hóa thôn 5	450	310	220	180
		Công văn hóa thôn 5	Hết đường	250	170	140	110
17	Khu dân cư các thôn Ea Sar 1, Ea Sar 3, Ea Sar 4, Ea Sar 8, thôn 6, Ea Sar 9, Ea Sar 10 và buôn Ea Sar			110			
18	Khu dân cư các thôn Ea Sar 2, thôn Ea Sar 5			120			
19	Khu dân cư Đoàn Kết 1, Trung Tâm, Trung An, Trung Hòa			170			
20	Khu dân cư Thôn 1			380			
21	Khu dân cư Thôn 2, 3, 6 A, 6 B, 7, 8, 9, 12, 14			250			
22	Khu dân cư Thôn 4, 5			320			
23	Khu dân cư thôn Đoàn Kết 2, Quyết Thắng 1, Quyết Thắng 2, An Bình			160			
24	Khu vực các thôn Ea Sô 1, thôn Ea Sô 2, thôn Ea Sô 4, thôn Ea Sô 5, buôn Ana Săn, buôn Ea Brăh, Ea Puk			110			
25	Khu vực các thôn Trung An, Quyết Tâm, Đồng Tâm, Quyết Thắng 1, Quyết Thắng 2, Tiến Đông			150			
26	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Ranh giới xã Ea Kar - Ea Knốp	Phạm Hồng Thái (Km 62 + 700)	1.800	1.260	900	720
		Phạm Hồng Thái (Km 62 + 700)	Lê Trọng Tấn (Km 63)	3.000	2.100	1.500	1.200
		Lê Trọng Tấn (Km 63)	Nguyễn Đình Chiểu (Km 63 + 400 - quán nhà bà Mười)	4.450	3.110	2.220	1.780
		Nguyễn Đình Chiểu (Km 63 + 400)	Hàm Nghi (đường vào thôn 3)	6.250	4.370	3.120	2.500
		Hàm Nghi (đường vào thôn 3)	Tôn Đức Thắng (Hết Công viên 22-12)	7.300	5.110	3.650	2.920
		Tôn Đức Thắng (Hết Công viên 22-12)	Nguyễn Sơn (Km 64)	6.250	4.370	3.120	2.500
		Nguyễn Sơn (Km 64)	Đinh Tiên Hoàng (công văn hóa thôn 4B)	4.000	2.800	2.000	1.600

		Đỉnh Tiên Hoàng (công văn hóa thôn 4B)	Lý Thái Tô (Công văn hóa thôn 4B)	3.900	2.730	1.950	1.560
		Lý Thái Tô (Công văn hóa thôn 4B)	Ranh giới Ea Knốp - Ea Tih cũ	2.400	1.680	1.200	960
27	Lê Trọng Tấn	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Hết đường	250	170	140	110
28	Lý Nam Đế (đường bên cạnh Bưu điện)	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Trần Đại Nghĩa	1.100	770	550	440
		Trần Đại Nghĩa	Võ Nguyên Giáp (ngã tư nhà ông Lâm - Liễu)	600	420	300	240
29	Lý Thái Tô	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Trần Đại Nghĩa	750	520		
		Trần Đại Nghĩa	Xưởng Điều 333	380	270		
30	Nguyễn Đình Chiểu	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Hết đường	250	170	140	110
31	Nguyễn Hữu Thọ	Hàm Nghi	Hết đường	380	270	190	150
32	Nguyễn Sơn	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Trần Đại Nghĩa	690	480	360	280
		Trần Đại Nghĩa	Võ Nguyên Giáp	380	270	190	150
33	Nguyễn Văn Linh (đường vào xã Cư Yang)	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Hết ranh giới Ngân hàng BIDV chi nhánh Ea Knốp	7.500	4.500		
		Hết ranh giới Ngân hàng BIDV chi nhánh Ea Knốp	Võ Nguyên Giáp (đường vào Nhà máy đường)	4.500	2.700	1.600	800
		Võ Nguyên Giáp (đường vào Nhà máy đường)	Đường vào cơ khí cũ (thôn 1)	1.300	910	650	520
		Đường vào cơ khí cũ	Đập nước (thôn 1)	820	570	410	320
34	Phạm Hồng Thái (đường vào bãi vàng)	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Ngã ba đường vào thôn 2	480	340	240	190
		Ngã ba đường vào thôn 2	Hết nhà bà Ký	430	300	230	170
35	Phạm Hùng	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Ngã ba nhà ông Trần Giang Thi	320	220		
		Ngã ba nhà ông Trần Giang Thi	Đến cầu nhà ông Quốc	250	170		
36	Phan Chu Trinh	Nguyễn Văn Linh	Hàm Nghi	5.700	3.990	2.850	2.280
		Hàm Nghi	Chu Huy Mân	2.100	1.470	1.050	840
		Chu Huy Mân	Hết đường	1.000	700	500	400
37	Quốc lộ (26 Ea Tih)	Ranh giới thôn 8 - Quyết Thắng 1 - Quyết thắng 2	Km 67 + 700 (nhà ông Bảy Tuấn)	1.600	1.120	800	640
		Km 67 + 700 (nhà ông Bảy Tuấn)	Km 68 + 500 (nhà ông Tân Nhưng)	2.000	1.400	1.000	800
		Km 68 + 500 (nhà ông Tân Nhưng)	Km 69 + 400	1.100	770	550	440
		Km 69 + 400	Ranh giới xã Ea Knốp - xã Cư Pao	850	550	400	340
38	Quốc lộ 29 (Xã Ea Sar cũ)	Ranh giới Ea Sô cũ - Ea Sar cũ	Ngã tư nhà Lương Thanh Giáo	130	120	115	110
		Ngã tư nhà Lương Thanh Giáo	Hết ranh giới Ea Knốp - Phú Xuân	220	170	140	120
39	Quốc lộ 29 (Xã Ea Sô cũ)	Đường vào nhà ông Nguyễn Văn Quýnh	Cầu sông Ea Dăh	280	200	160	110
		Quốc lộ 29B (từ đất nhà bà Trương Thị Phụng)	Hết nhà ông Nguyễn Văn Quýnh	500	300	200	170
		Hết nhà ông Nguyễn Văn Quýnh	Hết ranh giới nhà ông Đồn	300	210	170	120
		Hết ranh giới nhà ông Đồn	Đầu ranh giới nhà ông Sùng Chí Thanh	150	130	110	
		Đầu ranh giới nhà ông Sùng Chí Thanh	Hết đất nhà ông Hồ A Chú	150	140	130	
		Hết đất nhà ông Hồ A Chú	Giáp ranh giới xã Ea Sar	140	130	120	

40	Tăng Bạt Hổ	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Hội trường thôn 13	250	170	140	110
41	Tôn Đức Thắng (đường vào UBND xã)	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Võ Nguyên Giáp	620	430	310	240
		Võ Nguyên Giáp	Hết đường	450	310	220	180
42	Tôn Thất Thuyết	Nguyễn Văn Linh	Tôn Đức Thắng	380	270	190	150
		Tôn Đức Thắng	Hết đường	300	210	150	120
43	Tôn Thất Tùng (đường bùng binh)	Nguyễn Văn Linh	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	3.900			
		Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Võ Nguyên Giáp (thôn 1)	1.300			
44	Trần Đại Nghĩa (đường liên thôn 1.thôn 4a. Thôn 4b)	Tôn Đức Thắng	Lý Thái Tổ	380	270	190	150
		Lý Thái Tổ	Trần Quang Diệu (phía đông trường Nguyễn Trãi)	250	170	140	110
45	Trần Kiên	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Trần Đại Nghĩa	650	450	320	260
		Trần Đại Nghĩa	Hết đường	380	270	190	150
46	Trần Quang Diệu (phía đông trường Nguyễn Trãi)	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Trần Đại Nghĩa	380	270	190	150
		Trần Đại Nghĩa	Hết đường	280	270	190	150
47	Trần Quốc Toàn (đường đi đập Ea K'nốp)	Nguyễn Văn Linh	Chu Huy Mân (sau lưng trường Hùng Vương)	600	420	300	240
		Chu Huy Mân (sau lưng trường Hùng Vương)	Ngã ba sân bóng đá Mini Hải Kiều	320	220	160	130
		Ngã ba sân bóng đá Mini Hải Kiều	Hết đường	250	170	140	110
48	Văn Tiến Dũng	Hùng Vương	Hết đường	280	190	140	110
49	Võ Nguyên Giáp	Nguyễn Văn Linh	Lý Nam Đế	400	280	200	160
50	Đối với các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau			110			
A44	XÃ CƯ YANG						
1	Đường DX_01	Ranh giới Ea Păl - Cư Yang	Ranh giới thôn 1 và thôn 2	250	180	130	110
		Ranh giới thôn 1 và thôn 2	Cầu C13	330	230	160	140
		Cầu C13	Hết ranh giới đất Trại Y tế xã (Cư Yang cũ)	500	360	260	220
		Hết ranh giới đất Trại Y tế xã (Cư Yang cũ)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Võ Hoàng Lan	800	560	400	350
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Võ Hoàng Lan	Cầu thôn 6	920	640	460	400
		Cầu thôn 6	Cầu thôn 9	190	160	140	
		Cầu thôn 9	Hết thôn 14	130	120	110	
2	Đường DX_02	Cầu qua sông Krông Păk	Ngã ba nhà ông Hoàn	170	150	130	110
		Ngã ba nhà ông Hoàn	Hết ranh giới đất Đài tưởng niệm	260	180	150	120
		Hết ranh giới đất Đài tưởng niệm	Hết ranh giới đất trường THCS Phan Đăng Lưu	200	170	150	130
		Hết ranh giới đất trường THCS Phan Đăng Lưu	Giáp buôn Trưng	140	130	120	110
3	Đường DX_03	Ngã ba thôn 9 (hết ranh giới thửa đất nhà bà Phạm Thị Quế)	Ranh giới xã Cư Yang - xã Krông Á	130	120	110	
4	Đường liên thôn	Ngã ba nhà ông Hoàn	Hết ranh giới đất Trường tiểu học Lý Thường Kiệt	200	170	150	130
		Hết ranh giới đất Trường tiểu học Lý Thường Kiệt	Ranh giới thửa đất nhà ông Phan Thanh Tính	160	140	120	

5	Khu dân cư thôn 5, 6			150	110		
6	Khu tái định cư số 2 (thôn Tân Thành)			180	130		
7	Khu vực các thôn, buôn còn lại			110			
8	Đối với các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau			110			
A45	XÃ EA PĂL						
1	Đường đi cánh đồng Hợp tác xã Nông trường 714	Ngã ba trường TH Võ Thị Sáu	Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 44 (nhà ông Nguyễn Đức Linh)	1.000	700	450	180
		Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 44 (nhà ông Nguyễn Đức Linh)	Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 25 (nhà ông Phan Văn Toàn)	500	430	300	130
		Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 25 (nhà ông Phan Văn Toàn)	Cánh đồng Hợp tác xã Nông trường 714	140	130	120	
2	Đường liên thôn từ thôn 15 đi thôn 3 và thôn 16	Ngã ba đường liên xã Ea Păl - Cư Prông	Ngã ba đi thôn 16	180	160	140	120
		Ngã ba đi thôn 16	Cầu thôn 16	150	140	130	
		Ngã ba thôn 16	Cổng chào thôn 3	120	115	110	
3	Đường liên xã Ea Knốp - Ea Păl	Đường liên xã Ea Păl - Cư Yang	Hồ C5	500	430	300	130
		Hồ C5	Ngã ba Phước Thành	250	200	170	140
		Ngã ba Phước Thành	Ranh giới Ea Knốp - Ea Păl	240	190	160	130
4	Đường liên xã Ea Knốp đi Buôn M'um (xã Ea Tih - Cư Prông cũ)	Giáp ranh giới xã Ea Knốp	Ngã ba Phước Thành	180	160	140	120
		Ngã ba Phước Thành	Cầu 13 tấn	160	145	135	
		Cầu 13 tấn	Ranh giới thửa đất Trạm Y tế (ngã ba nhà ông Thờ)	250	200	170	140
		Ranh giới thửa đất Trạm Y tế (ngã ba nhà ông Thờ)	Ngã ba đường chiến lược cũ (cổng thôn văn hóa 15)	300	220	190	160
		Ngã ba đường chiến lược cũ (cổng thôn văn hóa 15)	Hết thôn 15	250	200	170	140
		Hết thôn 15	Cầu thôn 10	160	145	135	
5	Đường liên xã Ea Ô - Ea Păl	Ngã tư 714	Hết ranh giới trường THPT Nguyễn Thái Bình (xã Cư Ní cũ)	660	470	330	160
		Hết ranh giới trường THPT Nguyễn Thái Bình (xã Cư Ní cũ)	Ngã ba ông Sóc	300	220	190	160
6	Đường thôn 6A đi thôn Hạ Long	Ngã ba nhà ông Tám	Ngã ba đi thôn 10	120	115		
7	Đường xã (Cư Prông - Ea Păl cũ)	Ngã ba đường liên xã Cư Prông - Ea Păl (nhà bà Vân)	Cầu mới	150	140	130	
8	DX_01 (Đường liên xã Ea Knốp - Ea Păl cũ)	Ranh giới xã Ea Knốp - xã Ea Păl	Ngã ba Nhà máy Găng tay	600	460	320	150
		Ngã ba Nhà máy Găng tay	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Thụng	850	560	400	170
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Thụng	Ngã tư 714	1.100	750	500	200
		Ngã tư 714	Hết ranh giới đất trụ sở Nông trường 714 cũ	1.100	750	500	200
		Hết ranh giới đất Trụ sở Nông trường 714 cũ	Hết ranh giới trường THCS Phan Chu Trinh	1.100	750	500	200
		Hết ranh giới trường THCS Phan Chu Trinh	Hết ranh giới trường TH Võ Thị Sáu	1.200	800	550	220
		Hết ranh giới trường TH Võ Thị Sáu	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hồ Sỹ Xoan	6.000			

		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hồ Sỹ Xoan	Cầu Thống Nhất	1.000	700	450	180
		Cầu Thống Nhất	Ranh giới Ea Păl - Cư Yang	250	200	170	140
9	Khu dân cư các thôn 1, 4, 6 A, 6 B, 6 C, 8, 10, 11, 14, thôn Hạ Long, buôn M'um			120			
10	Khu dân cư thôn 2, 5, 7, 9, 12, 13			150	140	130	
11	Đối với các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau			120			
A46	XÃ M'DRẮK						
1	Nguyễn Tất Thành (Quốc Lộ 26)	Cầu số 22 Km 63+655 (Cầu Y Thun, ranh giới xã Cư M'Ta)	Bùi Thị Xuân	2.700	750	650	500
		Bùi Thị Xuân	Đường vào Huyện Đội và đường ngang dưới khu chợ M'Drắk	3.500	850	700	600
		Đường vào Huyện Đội và đường ngang dưới khu chợ M'Drắk	Cầu ông Tri (hết ranh thửa đất số 62, TĐĐ số 28; thửa đất số 313, TĐĐ số 27)	6.000	950	850	750
		Cầu ông Tri (hết ranh thửa đất số 62, TĐĐ số 28; thửa đất số 313, TĐĐ số 27)	Đến ranh giới Ủy ban Dân số Kế hoạch hóa và Gia đình và trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	3.600	800	700	350
		Đến ranh giới Ủy ban Dân số Kế hoạch hóa và Gia đình và trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Hết ranh Công ty TNHH MTV lâm nghiệp M'Drắk và hết ranh thửa đất số 1078, TĐĐ số 204	1.200	400	350	
		Hết ranh Công ty TNHH MTV lâm nghiệp M'Drắk và hết ranh thửa đất số 1078, TĐĐ số 204	Cầu số 24 (Km 68 + 829 QL26)	850	300	200	
		Cầu số 24 (Km 68 + 829 QL26)	Giáp ranh Cụm công nghiệp M'Drắk và ranh quy hoạch Khu dân cư thôn 9 (thôn 3 xã Krông Jing cũ)	550	250	200	
		Giáp ranh Cụm công nghiệp M'Drắk và ranh quy hoạch Khu dân cư thôn 9 (thôn 3 xã Krông Jing cũ)	Suối Ea Tê	250	150	100	
2	Quốc lộ 19C	Suối Ea Tê	Hết địa bàn xã M'Drắk (Giáp ranh xã Cư Pao)	350	180	140	
		Quốc Lộ 26	Cầu buôn M'lók A	900	380	320	
		Cầu buôn M'lók A	Ngã tư QL19C (TL13 cũ) với đường Trường Sơn Đông	450	170	150	
3	Trường Sơn Đông	Ngã tư QL19C (TL13 cũ) với đường Trường Sơn Đông	Hết địa bàn xã M'Drắk (Giáp xã Ea Riêng)	300	200	170	
		Giáp xã Ea Riêng	Ngã 3 cây sung (hết thửa đất số 46; 67, TĐĐ số 99) (Thôn 5 xã Ea Lai cũ)	120	90	80	
		Ngã 3 cây sung (hết thửa đất số 46; 67, TĐĐ số 99) (Thôn 5 xã Ea Lai cũ)	Cuối khu dân cư thôn 5 xã Ea Lai cũ (hết thửa đất số 117; 142, TĐĐ số 112)	200	100	90	80
		Cuối khu dân cư thôn 5 xã Ea Lai cũ (hết thửa đất số 117; 142, TĐĐ số 112)	Hết thửa đất số 100; 105, TĐĐ số 149	180	100	90	80
		Hết thửa đất số 100; 105, TĐĐ số 149	Ngã ba QL19C giao với đường Trường Sơn Đông (hết thửa đất số 329; 855, TĐĐ số 180)	250	100	90	80
		Ngã ba QL19C giao với đường Trường Sơn Đông (hết thửa đất số 329; 855, TĐĐ số 180)	Ngã ba giao với đường Quốc lộ 19C	420	100	90	80
		Ngã ba giao với đường Quốc lộ 19C	Hết thửa đất số 132; 145, TĐĐ số 197	250	100	90	

		Hết thửa đất số 132; 145, TBD số 197	Cầu M'Năng (Km 521 + 772 TSD)	320	150	120	100
		Cầu M'Năng (Km 521 + 772 TSD)	Hết thửa đất số 1145; 1170, TBD số 211	250	150	120	100
		Hết thửa đất số 1145; 1170, TBD số 211	Hết địa bàn xã M'Drăk (Giáp xã Krông Á)	180	100	90	80
4	Tỉnh lộ 13	Ngã ba đoạn giao đường Quốc lộ 19C	Ngã ba hết đất khu dân cư buôn Hoang (hết thửa đất số 102, 129, TBD số 187)	200	100	90	80
		Ngã ba hết đất khu dân cư buôn Hoang (hết thửa đất số 102, 129, TBD số 187)	Ngã số 4 (suối Ea Pa)	120	90	80	
		Ngã số 4 (suối Ea Pa)	Hết thửa đất số 34, 35, TBD số 93	150	100	90	
		Hết thửa đất số 34, 35, TBD số 93	Ngã số 5, hết địa bàn xã M'Drăk (giáp ranh giới xã Cư Prao)	100	90	80	
5	An Dương Vương (Đài TT-TH)	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Phan Bội Châu	1.100	650	550	
6	Bà Triệu	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Trần Hưng Đạo	1.200			
		Trần Hưng Đạo	Hết đường	850	500	400	
7	Bùi Thị Xuân	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Cầu buôn Phao	900	450	400	
		Cầu buôn Phao	Hết thửa đất số 193, TBD số 10 xã M'Drăk, và thửa đất số 58 TBD số 20 xã Cư M'Ta	600	400	360	
	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200 m đến hết vị trí thửa đất. Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:				350	340	330
8	Các trục đường khu Xí nghiệp gỗ	Hoàng Diệu	Hết đường (sau Trạm Thú y)	900			
		An Dương Vương	Đường Giải Phóng	900			
		Các trục dọc song song với đường Hoàng Diệu và Giải Phóng	Đến đường trước trường THCS Hùng Vương	900			
9	Đường ngang dưới khu chợ M'Drăk	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Trần Hưng Đạo	1.200	750	600	
10	Đường Vành Đai (Trừ Khu Quy hoạch thôn 16 (Tổ dân phố 6 cũ) và Quy hoạch dân cư mới thôn 18 (Tổ dân phố 9 cũ)	Giáp Quốc lộ 26 (ngã ba buôn Tai)	Đến đường Khu Quy hoạch dân cư mới thôn 18 (Tổ dân phố 9 cũ) (thửa đất số 652, TBD số 12)	450	250	200	
		Đến đường Khu Quy hoạch dân cư mới thôn 18 (Tổ dân phố 9 cũ) (thửa đất số 652, TBD số 12)	Nguyễn Trãi	1.100	500	400	
		Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	900	480		
		Ngô Quyền	Hết địa bàn xã M'Drăk (giáp ranh giới xã Cư M'Ta)	600	400	360	
11	Đường vào Huyện đội	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Cổng Huyện đội	1.500	750	650	
12	Giải Phóng	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Đường Vành đai	1.200	700	500	
		Nguyễn Tất Thành (QL26)	Quang Trung	850	500		
13	Hoàng Diệu về 2 phía	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Quang Trung	1.100	700	600	
		Nguyễn Tất Thành (QL26)	An Dương Vương	1.100	700	600	
14	Hùng Vương về 2 phía	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Phan Bội Châu	1.700	700	600	

		Nguyễn Tất Thành (QL26)	Quang Trung	1.800			
15	Kì ốt chợ	Các lô chợ lồng và 16m2		1.440			
		Các lô 24m2		1.080			
16	Lê Duẩn	Đường vào Huyện đội	Nguyễn Trãi	1.100			
17	Lê Lợi về 2 phía	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Hết thửa đất số 55, TBD số 33 và giáp thửa đất số 622, TBD số 13	900			
		Nguyễn Tất Thành (QL26)	Lý Thường Kiệt	850	500		
18	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Tất Thành (Tòa án)	Đường Vành đai	1.500	700	600	
		Đường Vành đai	Hết đường	500	360		
19	Ngô Quyền (về 2 phía QL 26)	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Đường Vành đai	1.100	700	600	
		Nguyễn Tất Thành (QL26)	Đến hết đường	800	450	400	
20	Nguyễn Trãi (Trừ Khu Quy hoạch thôn 16 (Tổ dân phố 6 cũ)	Nguyễn Tất Thành	Đường Vành đai	1.200	650	550	
		Đường Vành đai	Hết đường	750	400	360	
21	Phan Bội Châu (Trừ Khu quy hoạch Tổ dân phố 6 cũ)	Giải Phóng	Ngô Quyền	1.500	750	600	
22	Quang Trung	Ngã ba giao với đường Quốc Lộ 19C	Ngã tư giao với đường Giải Phóng	850			
		Ngã tư giao với đường Giải Phóng	Trần Hưng Đạo	1.100	700	600	
23	Tôn Thất Tùng.	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Phan Bội Châu	1.700	750	700	
24	Trần Hưng Đạo (sau chợ Thị trấn)	Quang Trung	Bà Triệu	900	650	550	
		Bà Triệu	Đường Lê Lợi	750	500		
25	Trần Phú	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Quang Trung	1.150			
		Quang Trung	Đến giáp suối Krông Jing	800			
26	Khu QH dân cư mới thôn 16 (Tổ dân phố 6 cũ) (giáp BCH quân sự)						
	Đường QH tuyến số 1 (Đường vành đai)	Ngã tư Nguyễn Trãi và Đường Vành Đai	Giáp đất nhà ông Tráng	3.300			
	Đường QH tuyến số 2 (Đường Nguyễn Trãi)	Phan Bội Châu	Đường Vành Đai	3.300			
	Đường QH tuyến số 3 (Đường Phan Bội Châu)	Ngã tư Nguyễn Trãi và Phan Bội Châu	Đường QH tuyến số 4	3.300			
	Đường QH tuyến số 4	Phan Bội Châu	Đường Vành Đai	2.700			
	Đường QH tuyến số 5	Nguyễn Trãi	Hết đường quy hoạch	2.700			
27	Khu QH dân cư mới thôn 18 (Tổ dân phố 9 cũ) (gần trường THCS Hùng Vương)						
	Đường QH mới	Ngã ba đường Giải Phóng và Phan Bội Châu	Đường Vành đai	1.170			
	Đường QH mới	Ngã tư đường Phan Bội Châu và An Dương Vương	Hết đường QH	1.170			
	Đường ngang thông ra đường Giải Phóng			540			
	Đường đối diện lò mổ			540			
	Đường dọc quy hoạch dân cư khu F			480			
28	Khu QH dân cư thôn 16 (Tổ dân phố 11 cũ)						

		Ngã tư đường Lý Thường Kiệt và Đường Vành Đai	Hết đường quy hoạch	480	360		
	Đường nối đến đường D1	Ngã tư đường Ngô Quyền và Đường Vành Đai	Hết đường quy hoạch	480	400	360	
		Ngã 3 Đường Vành Đai	Hết thửa đất số 422, 441, TĐĐ số 16	480	400	360	
	Khu QH dân cư thôn 16 (Tổ dân phố 11 cũ) (Trước Trạm y tế - Sau sân vận động)						
29	Tuyến đường số 2 (đối diện Trạm y tế)	Đầu tuyến	Cuối tuyến	3.300			
	Tuyến đường số 3 (sau sân vận động)	Đầu tuyến	Cuối tuyến	3.000			
30	Các trục đường nối đường Phan Bội Châu với đường Vành Đai (3 tuyến)	Phan Bội Châu	Đường Vành Đai	800			
31	Tuyến đường vòng quanh Quảng Trường	Đoạn ngã 3 giao Nguyễn Tất Thành (QL26)	Đến ngã 3 giao đường Bùi Thị Xuân	900	500	450	
32	Tuyến trục đường song song với đường Quang Trung (Thôn 11)	Ngã tư đường Quang Trung và Giải Phóng	Hết đường	650	450	400	
33	Trục đường từ ngã tư Phan Bội Châu và Ngô Quyền đến đường Vành Đai	Ngã tư Phan Bội Châu và Ngô Quyền	Đến Đường Vành đai	650	450		
	Các Trục chính Khu dân cư thôn 13, thôn 14 (Tổ dân phố 3, 4 cũ)			500	400	360	
34	Đối với các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200 m đến hết vị trí thửa đất. Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:				350	340	330
	Điểm quy hoạch chi tiết điểm dân cư Thôn 15 (Tổ dân phố 5 cũ) (Huyện đoàn cũ)						
35	Đường Phan Bội Châu	Đầu tuyến quy hoạch (lô 01)	Cuối tuyến quy hoạch (lô 08)	6.500			
	Hội trường Thôn 15 (Tổ dân phố 5 cũ) Đường Ngô Quyền (thửa số 148 TĐĐ số 37)						
36	Đường Ngô Quyền	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Đường Vành Đai	4.700			
	Hội chữ thập đỏ (cũ). thửa đất số 275, TĐĐ số 32						
37	Nguyễn Tất Thành (Quốc Lộ 26)	Bùi Thị Xuân	Đường vào Huyện Đội và đường ngang dưới khu chợ M'Drăk	18.000			
	Điểm quy hoạch dân cư Thôn 18 (Tổ dân phố 9 cũ) (Bến xe Cũ). thửa đất số 225, TĐĐ số 27						
38	Nguyễn Tất Thành (Quốc Lộ 26)	Cầu ông Tri (hết ranh thửa đất số 62, TĐĐ số 28; thửa đất số 313, TĐĐ số 27)	Giải Phóng	19.000			
	Đường Hoàng Diệu	Nguyễn Tất Thành (Quốc Lộ 26)	An Dương Vương	7.500			
39	Đường đi xã Krông Á (Đoạn nối Quốc Lộ 26 đến đường Trường Sơn Đông)	Quốc lộ 26	Hết thửa đất số 1000, 1007, TĐĐ số 204	470	250	200	150
		Hết thửa đất số 1000, 1007, TĐĐ số 204	Giáp đường Trường Sơn Đông	350	160	140	100
40	Đường vào trường THCS Trần Hưng Đạo	Quốc lộ 26	Hết đường	350	300		
41	Đường giao thông từ đường Trường Sơn Đông đến đường đi xã Krông Á	Hết thửa đất số 1570, 1609, TĐĐ số 203	Hết thửa đất số 405, 478, TĐĐ số 203	200	120	100	
		Hết thửa đất số 628, 1564, TĐĐ số 203	Hết thửa đất số 585, 1628, TĐĐ số 203	200	120	100	
42	Đường liên thôn 6 đi thôn 8	Ngã ba đường Trường Sơn Đông	Giáp ranh Tỉnh lộ 13 (đường đi xã Cư Pao)	140	90	80	
43	Đường liên thôn 1 đi Buôn Bìk	Ngã ba giao với đường Trường Sơn Đông	Đến Ngã ba giao với Tỉnh Lộ 13	110	90	80	
44	Đường thôn 6 đi xã Ea Riêng	Ngã ba UBND xã Ea Lai cũ và đường Trường Sơn Đông	Đến Giáp xã Ea Riêng	110	90	80	

45	Đường trục thôn 1 đi Ea Riêng (2 tuyến)	Ngã ba đường Trường Sơn Đông (Nhà ông Nguyễn Đình Thông, thôn 1)	Hết địa bàn xã M'Drăk (Giáp thôn 2 xã Ea Riêng)	110	90	80	
		Ngã ba đường Trường Sơn Đông (Nhà ông Nguyễn Văn Thắng, thôn 1)	Hết địa bàn xã M'Drăk (Giáp thôn 2 xã Ea Riêng)	110	90	80	
46	Đường giao thông đoạn Nối đường Trường Sơn Đông với Đường liên thôn 1 đi Buôn Bik	Ngã ba đường Trường Sơn Đông (thôn 4)	Ngã ba đoạn giao với đường liên thôn 1 đi Buôn Bik	110	90	80	
47	Đường thôn 5 đi Ea Riêng	Ngã ba đường Trường Sơn Đông	Hết địa bàn xã M'Drăk (Giáp xã Ea Riêng)	100	90	80	
48	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:				90	85	80
A47	XÃ EA RIÊNG						
1	Đường Quốc lộ 19C (Trừ Khu quy hoạch dân cư mới thôn 1 (thôn 20 cũ); Khu QH dân cư mới thôn 9)	Giáp ranh với xã M'Drăk	Ngã 3 trạm điện	385	120	96	
		Ngã 3 trạm điện	Ngã 3 C6 (đường đi xã Ea H'mlay cũ) (thửa đất số 96, TĐĐ số 36)	400	125	100	
		Ngã 3 C6 (đường đi xã Ea H'mlay cũ) (thửa đất số 96, TĐĐ số 36)	Ngã 3 trụ sở UBND xã (thửa đất số 32, TĐĐ số 56)	425	130	105	
		Ngã 3 trụ sở UBND xã (thửa đất số 32, TĐĐ số 56)	Ngã 3 Cổng chào chợ xã (thửa đất số 204, TĐĐ số 57)	725	225	180	
		Ngã 3 Cổng chào chợ xã (thửa đất số 204, TĐĐ số 57)	Hết ranh giới trường THCS Lê Đình Chinh (thửa đất số 27, 69 TĐĐ số 114)	860	275	220	
		Hết ranh giới trường THCS Lê Đình Chinh (thửa đất số 27, 69 TĐĐ số 114)	Cầu Ea Riêng Km166+970 QL19C (gần kho chế biến Công ty TNHH MTV cà phê 715A)	786	250	200	
		Cầu Ea Riêng Km166+970 QL19C (gần kho chế biến Công ty TNHH MTV cà phê 715A)	Hết thửa đất số 9, 56 TĐĐ số 50	326	130	100	
		Hết thửa đất số 9, 56 TĐĐ số 50	Cổng Công ty TNHH MTV cà phê 715C (thửa đất số 56, TĐĐ số 245)	110	72	66	
		Cổng Công ty TNHH MTV cà phê 715C (thửa đất số 56 TĐĐ số 245)	Ngã ba đường tránh vào thủy điện Krông Hin (hết thửa đất số 53, 98 TĐĐ số 247)	220	110	80	
		Ngã ba đường tránh vào thủy điện Krông Hin (hết thửa đất số 53, 98 TĐĐ số 247)	Ngã 3 đường vào thủy điện Ea M'Doal 2 (hết thửa đất số 77, 80 TĐĐ số 168)	110	72	66	
		Ngã 3 đường vào thủy điện Ea M'Doal 2 (hết thửa đất số 77, 80 TĐĐ số 168)	Ngã 3 đường vào hội trường thôn 8 (hết thửa đất số 96, 105 TĐĐ số 162)	120	82	72	
		Ngã 3 đường vào hội trường thôn 8 (hết thửa đất số 96, 105 TĐĐ số 162)	Cầu Ea M'Doal Km152+940 QL19C	110	72	66	
		Cầu Ea M'Doal Km152+940 QL19C	Hết địa bàn xã (Giáp ranh giới xã Sông Hinh)	120	82	72	
2	Đường giao thông chính đi xã Ea H'mlay cũ (Đoạn từ Ngã ba đối diện kho chế biến Công ty TNHH MTV cà phê 715A, đến Trường Sơn Đông, xã M'Drăk) (Trừ Khu	Ngã ba giao QL19C, đối diện kho chế biến Công ty TNHH MTV cà phê 715A	Ngã 4 trường THPT Nguyễn Trường Tộ và Khu QH dân cư mới thôn 9 (thôn 13 cũ)	280	140	85	

	QH dân cư mới thôn 9 (thôn 13 cũ))	Ngã 4 trường THPT Nguyễn Trường Tộ và Khu QH dân cư mới thôn 9 (thôn 13 cũ)	Hết ranh giới đất nhà ông Lưu Đình Lực (thửa đất số 490, TĐĐ số 216 và thửa đất số 94, TĐĐ số 157)	140	85	70	
		Hết ranh giới đất nhà ông Lưu Đình Lực (thửa đất số 490, TĐĐ số 216 và thửa đất số 94, TĐĐ số 157)	Ngã tư đường xuống đập 36	280	126	90	
		Ngã tư đường xuống đập 36	Hết Trạm 661, Quản lý bảo vệ rừng (thửa đất số 216, TĐĐ số 188 và thửa đất số 167, TĐĐ số 147)	160	98	80	
		Hết Trạm 661, Quản lý bảo vệ rừng (thửa đất số 216, TĐĐ số 188 và thửa đất số 167, TĐĐ số 147)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Báo (thửa đất số 266, TĐĐ số 184 và thửa đất số 133, TĐĐ số 147)	280	126	90	
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Báo (thửa đất số 266, TĐĐ số 184 và thửa đất số 133, TĐĐ số 147)	Ngã ba đường vào Cổng chào Thôn 15 (đường vào trường tiểu học Nguyễn Bình Khiêm) (thửa đất số 27, TĐĐ số 148)	160	88	72	
		Ngã ba đường vào Cổng chào Thôn 15 (đường vào trường tiểu học Nguyễn Bình Khiêm) (thửa đất số 27, TĐĐ số 148)	Hết Điểm trường mầm non Hoa Thủy Tiên, thôn 14 (thửa đất số 68, 75, TĐĐ số 144)	130	81	65	
		Hết Điểm trường mầm non Hoa Thủy Tiên, thôn 14 (thửa đất số 68, 75, TĐĐ số 144)	Ngã ba đường nhựa (hết nhà ông Lê văn Liên, thôn 14, thửa đất số 204, TĐĐ số 176 và thửa đất số 56, TĐĐ số 144)	140	85	70	
		Ngã ba đường nhựa (hết nhà ông Lê văn Liên, thôn 14, thửa đất số 204, TĐĐ số 176 và thửa đất số 56, TĐĐ số 144)	Đường Trường Sơn Đông (Hết địa bàn xã, giáp xã M'Drắk)	130	81	65	
		Ngã ba đường nhựa (hết nhà ông Lê văn Liên, thôn 14, thửa đất số 204, TĐĐ số 176 và thửa đất số 56, TĐĐ số 144)	Dốc đỏ (Hết địa bàn xã, giáp xã M'Drắk)	130	81	65	
		Ngã ba giao với đường vào Công ty TNHH MTV cà phê 715B	Ngã ba đường xuống đập thôn 13 (nhà ông Khai)	180	108	85	
3	Đường đi xã Cư M'Ta	Ngã ba Trạm biến áp, đoạn giao QL19C	Hết địa bàn xã (Giáp ranh giới xã Cư M'Ta)	125	81	65	
		Ngã ba UBND xã, đoạn giao QL19C	Hết địa bàn xã (Giáp ranh giới xã Cư M'Ta)	130	91	70	
4	Đường giao thông thôn 1 đi thôn 6 xã M'Drắk	Ngã 3 đường QL19C (đối diện Trạm điện)	Hết địa bàn xã (giáp xã M'Drắk)	126	82	66	
5	Đường Liên thôn 6, 11, 12	Ngã 3 C6 (đoạn giao QL19C)	Cổng chào Thôn 11 (Nhà ông Đoàn Minh Trí) (thửa đất số 54, TĐĐ số 28 và thửa đất số 3, TĐĐ số 214)	135	95	70	
		Cổng chào Thôn 11 (Nhà ông Đoàn Minh Trí) (thửa đất số 54, TĐĐ số 28 và thửa đất số 3, TĐĐ số 214)	Ngã ba thôn 12 (đến thửa đất số 256, 257, TĐĐ số 188)	150	83	68	
6	Đường giao thông chính thôn 24	Ngã 3 đường QL19C (đường vào HT thôn 24)	Làng Mông xã Cư M'Ta	110	72	66	
7	Đường giao thông khu dân cư thôn 19			110	72	66	
8	Khu QH dân cư mới thôn 9	Tuyến 5: Ngã ba QL 19C	Đường QH tuyến số 6	275			
		Tuyến 4: Ngã ba QL 19C	Đường QH tuyến số 6	368			
		Tuyến 3: Ngã ba QL 19C	Đường QH tuyến số 6	368			
		Tuyến 2: Ngã ba QL 19C	Đường QH tuyến số 6	368			
		Tuyến 6: Ngã ba QL QH tuyến 5	Ngã ba đường QH tuyến số 2	265			

9	Khu QH dân cư mới thôn 9 (thôn 13 cũ)	Tuyến 2: Đường giao thông chính đi Ea H'Mlay	Ngã ba đường QH tuyến số 3	220			
		Tuyến 4: Đường giao thông chính đi Ea H'Mlay	Ngã ba đường QH tuyến số 3	220			
		Tuyến 3: Đường giao thông chính đi Ea H'Mlay	Ngã ba đường QH tuyến số 3	220			
10	Khu quy hoạch dân cư mới thôn 1 (thôn 20 cũ)	Đầu tuyến QH	Hết tuyến QH	800			
11	Khu QH dân cư mới thôn 4	Đường QH tuyến 2: giao thông chính	Đường quy hoạch	140	90	70	
12	Dãy 2 dân cư thôn 9			135	95	70	
13	Dãy 2 dân cư thôn 18			220			
14	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200 m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:			65			
A48	XÃ CƯ M'TA						
1	Quốc lộ 26	Cầu số 14 (Km 52 + 546 QL26), giáp xã Ea Trang	Đến hết Trạm kiểm lâm (thôn 18)	120	90		
		Đến hết Trạm kiểm lâm (thôn 18)	Km 59 + 520 QL26 (Cầu số 18)	220	150	130	110
		Km 59 + 520 QL26 (Cầu số 18)	Km 61 + 1115 QL26 (Cầu số 21)	320	180	150	110
		Km 61 + 1115 QL26 (Cầu số 21)	Hết ranh giới đất Trạm Thủy văn	1.000	400	350	200
		Hết ranh giới đất Trạm Thủy văn	Cầu số 22, Km 63+655 QL26 (Cầu Y Thun, ranh giới xã M'Drắk)	1.500	320	250	150
2	Đường Liên xã Cư M'Ta đi xã Ea Riêng	Km 59 + 520 QL26 (Cầu số 18)	Hết nghĩa địa thôn 2 (đối diện đường đi vào nhà ông Hợp thôn 2)	150	100	90	
		Hết nghĩa địa thôn 2 (đối diện đường đi vào nhà ông Hợp thôn 2)	Đến hết đất Công an xã Cư Króa cũ (Hết thửa đất số 203, TĐĐ số 154)	130	90	80	
		Đến hết đất Công an xã Cư Króa cũ (Hết thửa đất số 203, TĐĐ số 154)	Đến giáp xã Ea Riêng	120	90	80	
3	Đường Vành đai	Quốc lộ 26 (từ nhà bà Vang)	Giáp ranh giới xã M'Drắk	400	250	200	
4	Đường Bùi Thị Xuân	Cầu buôn Phao	Đến đường rẽ vào thôn Quyết Thắng (nhà ông Long)	300	130	100	80
		Đến đường rẽ vào thôn Quyết Thắng (nhà ông Long)	Giáp ranh xã Ea Riêng	110	95	85	80
5	Đường nối Quốc lộ 26 đến Đường Vành Đai	Cầu số 22 Km 63+655 QL26 (Cầu Y Thun, ranh giới xã M'Drắk)	Đến Đường Vành đai	300	150	130	100
6	Đường buôn Bhao đi thôn Quyết Thắng	Từ đường Bùi Thị Xuân (nhà ông Long)	Hội trường thôn Quyết Thắng	150	100	90	80
7	Đường giao thông liên thôn 2, thôn Quyết Thắng	Từ đường liên xã Cư Króa (cũ) đi xã Ea Riêng	Đường buôn Bhao đi thôn Quyết Thắng	100	90	80	
8	Đường giao thông liên thôn 5 đi thôn 7	Ngã 3 đường liên xã Cư Króa (cũ) đi xã Ea Riêng (nhà ông Tý)	Hết khu dân cư thôn 7 (ngầm ngã 3 suối)	100	90	80	
9	Đường giao thông thôn 2 đi QL26	Ngã 3 đường liên xã Cư Króa (cũ) đi xã Ea Riêng (trường mẫu giáo Hoa Sim)	Giáp QL 26 (đường Bít cũ)	100	90	80	

10	Đường thôn 6 đi xã Ea Riêng	Ngã 3 đoạn đường giao thông liên thôn 5 đi thôn 7 (Nhà bà Nguyễn Thị Giang, thôn 6)	Giáp xã Ea Riêng	100	90	80	
11	Điểm Khu quy hoạch chi tiết điểm dân cư buôn Đăk, xã Cư M'Ta						
-	Tuyến đường số 01	Từ lô A1	Đến lô A10	1.600			
		Từ lô B11	Đến lô B19	2.400			
		Từ lô D29	Đến lô D48	2.200			
-	Tuyến đường số 05	Từ lô C20	Đến lô C28	2.400			
-	Tuyến đường số 06	Từ lô E49	Đến lô E53	2.000			
12	Điểm quy hoạch chi tiết điểm dân cư thôn Hồ, xã Cư M'Ta						
-	Mặt tiền QL 26	Từ lô 01	Đến lô 5 và Lô 20	8.000			
-	Đường quy hoạch	Từ sau dây mặt tiền Quốc lộ 26	Đến hết đường	2.200			
13	Khu quy hoạch chi tiết điểm dân cư thôn Tân Lập, xã Cư M'Ta						
-	Đường vành đai	Lô A1	Lô A6	2.500			
-	Đường quy hoạch	Lô B7	Lô B18	1.330			
14	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:			80			
A49	XÃ KRÔNG Á						
1	Đường Trường Sơn Đông	Giáp ranh xã M'Drăk	Hết ranh giới trường Mầm non Hoa Anh Đào (Bên trái thửa đất số 59, bên phải thửa đất số 220 TBĐ số 132 (TBĐ số 11 Krông Á cũ)	220	100	70	
		Hết ranh giới trường Mầm non Hoa Anh Đào (Bên trái thửa đất số 59, bên phải thửa đất số 220 TBĐ số 132 (TBĐ số 11 Krông Á cũ)	Nhà ông Chu Văn Nổ (hết đường sân bay - bên phải thửa đất số 20, bên trái thửa đất số 19 TBĐ số 157 (36 cũ)	170	90	70	
		Nhà ông Chu Văn Nổ (hết đường sân bay - bên phải thửa đất số 20, bên trái thửa đất số 19 TBĐ số 157 (36 cũ)	Đầu khu dân cư thôn 8 (đến thửa số 7, TBĐ số 24)	80	70	65	
		Đầu khu dân cư thôn 8 (đến thửa số 7, TBĐ số 24)	Cầu đi vào thôn 8 (Hết thửa đất số 20, TBĐ số 25)	150	80	68	
		Cầu đi vào thôn 8 (Hết thửa đất số 20, TBĐ số 25)	Hết ranh giới xã Krông Á (cầu sông Krông Pắc)	250	110	75	
2	Tỉnh lộ 13B	Ngã 3 đường Trường Sơn Đông với Tỉnh Lộ 13B	Đến ngã 3 thôn 5A	300	120	90	
		Đến ngã 3 thôn 5A (Giao TL 13B)	Đến cuối khu dân cư thôn 6A	160	80	66	
		Quán tạp hóa Thủy Dung (thửa đất số 19, 20, TBĐ số 50)	Cầu bản Tắc Drung	100	70	65	
		Cầu bản Tắc Drung	Đến khu dân cư thôn EA Krông	160	80	66	
3	Đường liên thôn từ thôn 2, 3 đi thôn 5	Ngã 3 trường Ngô Gia Tự	Hết thửa đất số 178 và thửa đất số 144 TBĐ số 137 (16 cũ Krông Á)	110	80	66	
		Hết thửa đất số 178 và thửa đất số 144 TBĐ số 137 (16 cũ Krông Á)	Đến đoạn giao với Đường Trường Sơn Đông	100	70	65	

4	Đường giao thông đoạn từ Ngã ba đường vào Trung Nguyên đến đường giao thông liên thôn từ thôn 2, 3 đi thôn 5	Ngã ba nhà ông Tuấn Hòa vào Trung Nguyên (thửa đất số 38 TBD số 125)	Hết ranh giới đất nhà ông Tôn, thôn 1 (thửa đất số 160 TBD số 130; thửa đất số 6 TBD số 136)	105	70	65	
		Hết ranh giới đất nhà ông Tôn, thôn 1 (thửa đất số 160 TBD số 130; thửa đất số 6 TBD số 136)	Đường đi thôn 1, tới ngã ba nhà ông An (hết thửa đất số 145, 183 TBD số 137)	110	70	66	
5	Đường giao thông đoạn từ trường Mầm non Hoa Anh Đào đến đoạn giao với Đường Trường Sơn Đông	Hết ranh giới trường Mầm non Hoa Anh Đào (Bên trái thửa đất số 59, bên phải thửa đất số 220 TBD số 132 (TBD số 11 Krông Á cũ)	Đến đoạn giao với Đường Trường Sơn Đông	110	80	66	
6	Đường giao thông liên thôn 1 đi thôn 3	Ngã 3 hội trường thôn 1	Hết đất nhà ông Lê Hồng Khánh (thôn 1) (hết thửa đất số 64, 191 TBD số 137)	100	70	65	
7	Đường giao thông liên thôn 1 đi thôn 6	Ngã 3 hội trường thôn 1	Hết Hội trường thôn 6 (hết thửa đất số 107 TBD số 142)	100	70	65	
8	Đường giao thông liên xã đi Cư Yang	Ngã 3 đường đi thôn 1	Hết địa bàn xã (giáp ranh giới xã Cư Yang)	120	70	66	
9	Đường giao thông liên thôn 2 đi thôn 4	Ngã 3 Bưu điện xã Krông Á	Hết đất nhà ông Nguyễn Lưu Tú (thôn 2) (hết thửa đất số 64, 65 TBD số 126)	110	70	65	
10	Đường giao thông liên thôn 5, 6	Ngã ba điểm trường mầm non thôn 5	Hết đất nhà ông Vi Văn Mạnh (thôn 5) (hết thửa đất số 121, 122 TBD số 151)	95	70	65	
11	Đường giao thông thôn 4	Đoạn giao với Đường Trường Sơn Đông	Hết thửa đất số 30, 60 TBD số 134	95	70	65	
12	Đường giao thông thôn 7	Đoạn giao với Đường Trường Sơn Đông	Hội trường thôn 7 (Hết thửa đất số 75, 77 TBD số 153)	95	70	65	
13	Đường giao thông Vòng quanh thôn 8	Ngã ba giao với đường Trường Sơn Đông	Ngã ba giao TL13B	140	90	70	
14	Đường giao thông thôn 7A	Ngã ba giao TL13B	Cuối thôn 7A (hướng về phía Bắc)	200	100	66	
		Ngã ba giao TL13B	Cuối thôn 7A (hướng về phía Nam)	150	80	65	
15	Đường giao thông thôn 5A	Đến ngã 3 thôn 5A (Giao TL 13B)	Cuối thôn 5A	120	72	65	
		Đến ngã 3 giao TL 13B)	Đến chi hội thôn 5A (Chi hội Cư San cũ)	160	80	66	
16	Đường giao thông trục chính thôn 4A	Từ đầu thôn 4A	Cuối thôn 4A	120	72	65	
17	Đường giao từ TL13B đi cầu tràn Ea Krông	Ngã 3 giao TL13B	Cầu tràn	120	72	65	
18	Đường giao thông Ea Krông - Ea Sanh	Ngã ba Ea Krông	Cầu tràn	150	80	65	
		Cầu tràn	Cuối thôn Ea Sanh	120	75	65	
19	Đường giao thông Ea Krông - Thôn Sông Chò	Ngã ba Ea Krông	Đến Ngã điểm trường tiểu học La Văn Cầu	150	80	65	
		Ngã điểm trường tiểu học La Văn Cầu	Đến cuối dân cư thôn Sông Chò	120	75	65	
20	Đường giao thông liên thôn thông Ea Krông đến cuối dân cư Ea Khát	Từ đường trục chính Ea Krông	Cuối dân cư Ea Khát	120	72	65	
21	Đường giao thông liên thôn từ cầu Tắc Drung đến thôn Sông Chò	Cầu Tắc Drung	Đến thôn Sông Chò	120	75	65	
22	Đường giao thông từ điểm trường tiểu học La Văn Cầu đến cuối điểm dân cư Ea Ta	Ngã điểm trường tiểu học La Văn Cầu	Cuối điểm dân cư Ea Ta	100	70	65	
23	Đường giao thông từ Ngã ba Sông Chò đến cuối điểm dân cư Bời Lời	Ngã ba Sông Chò	Cuối điểm dân cư Bời Lời	100	70	65	

24	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200 m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:			65			
A50	XÃ CU' PRAO						
1	Quốc lộ 26	Giáp ranh xã M'Drắk	Hết hội trường thôn Ea Pil và hết thửa đất số 21 TĐĐ số 273	560	220	175	110
		Hết hội trường thôn Ea Pil và hết thửa đất số 21 TĐĐ số 273	Đền ranh giới đất nhà ông Nhiên, thôn 9 (thửa đất số 19 TĐĐ số 307 và thửa đất số 36 TĐĐ số 304)	510	200	170	100
		Đền ranh giới đất nhà ông Nhiên, thôn 9 (thửa đất số 19 TĐĐ số 307 và thửa đất số 36 TĐĐ số 304)	Cây xăng Nguyệt Thoạii, thôn 2 (thửa đất số 130 TĐĐ số 302 và thửa đất số 24 TĐĐ số 303)	650	280	235	120
		Cây xăng Nguyệt Thoạii, thôn 2 (thửa đất số 130 TĐĐ số 302 và thửa đất số 24 TĐĐ số 303)	Hết ranh giới đất bà Hiền Ngu (thửa đất số 310, 115 TĐĐ số 301)	550	215	165	115
		Hết ranh giới đất bà Hiền Ngu (thửa đất số 310, 115 TĐĐ số 301)	Hết ranh giới đất ông Bùi Văn Cương, thôn 3	800	325	270	130
		Hết ranh giới đất ông Bùi Văn Cương, thôn 3 (thửa đất số 115, 210 TĐĐ số 256) (giáp suối)	Hết địa bàn xã (Km 84+035 QL26, giáp ranh xã Ea Kar Nộp)	660	225	160	120
		Đầu tuyến quy hoạch (lô 01)	Cuối tuyến quy hoạch (lô 14)	3.000			
2	Đường Trường Sơn Đông	Xã M'Drắk	Xã Ea Ly (Cầu Ea Dhom Reng Km495+458 TĐĐ)	210	110	80	70
3	Quốc lộ 29	Xã Ea Knốp (Cầu số 1 Krông H'Năng Km112+129 QL29)	Ranh giới Ea Ly (Cầu Ea Đrông Ren Km111+414 QL29)	250	158	90	70
4	Tỉnh Lộ 13	Giáp ranh giới xã M'Drắk	Đầu cây xăng Xuân Mẫn (thửa đất số 39, 272 TĐĐ số 163)	245	135	80	70
		Đầu cây xăng Xuân Mẫn (thửa đất số 39, 272 TĐĐ số 163)	Đền Ngầm Ba Long (TĐĐ số 122)	550	215	135	100
		Ngầm Ba Long (TĐĐ số 122)	Đền UBND xã, trụ sở Công an xã (thửa đất số 25, 34 TĐĐ số 85)	255	115	80	70
		UBND xã, trụ sở Công an xã (thửa đất số 25, 34 TĐĐ số 85)	Đền Ngã ba đường đi Buôn Năng (hết thửa đất số 24, 30 TĐĐ số 196)	210	95	80	70
		Ngã ba đường đi Buôn Năng (hết thửa đất số 24, 30 TĐĐ số 196)	Đền ngã 3 TL13 hướng về đường TĐĐ, QL29 và xã Ea Ly	130	90	80	70
5	Đường liên xã đi Ea Păl	Ngã 3 trường tiểu học Lê Hồng Phong, đoạn giao QL26	Đền ngã tư giáp Hội trường thôn 11	360	180	165	80
		Đền ngã tư giáp Hội trường thôn 11	Hết ranh giới đất nhà ông Chiến thôn 11 (hết thửa đất số 79, 80 TĐĐ số 278)	200	120	90	70
		Hết ranh giới đất nhà ông Chiến thôn 11 (hết thửa đất số 79, 80 TĐĐ số 278)	Hết địa bàn xã (Giáp ranh xã Ea Păl)	165	100	80	70
6	Đường giao thông đoạn từ Quốc lộ 26 nhà ông Hoan thôn 3 đi dốc Nín Thở	Đoạn ngã 3 giao QL26	Đền hết ranh giới đất nhà ông Vũ Văn Hoan (hết thửa đất số 251, 114 TĐĐ số 244)	190	110	85	70
7	Đường nội thôn Ea Pil	Đoạn ngã 3 giao QL26 (gốc cây gạo)	Hết đất nhà trẻ Đắc Tân	235	140	105	80
		Đoạn ngã 3 giao QL26	Làng Thái thôn Ea Pil (hết ranh giới đất nhà ông Khuê, thửa đất số 144, 309, TĐĐ số 260)	200	135	110	80

8	Đường liên thôn Ea Pil đi thôn 7	Đoạn ngã 3 giao QL26	Hết thửa đất nhà ông Nguyễn Viết Đức (hết thửa đất số 6 TBD số 261)	245	160	110	80
		Hết thửa đất nhà ông Nguyễn Viết Đức (hết thửa đất số 6 TBD số 261)	Đền cầu sông Ea Krông H'đing	165	100	85	70
		Cầu sông Ea Krông H'đing	Ngã ba giao đường trục đi thôn 7 (ranh nhà ông Toàn Hoài đối diện trường Tiểu học Nguyễn Du)	190	125	95	70
9	Đường liên thôn đi thôn 9	Đoạn ngã 3 giao QL26	Ngã ba đường (Giáp ranh thửa đất ông Nguyễn Biên Cương, thôn 9)	315	160	130	75
10	Đường liên thôn 4 đi thôn 11	Đoạn ngã 3 giao QL26	Ngã ba giáp ranh hội trường thôn 4	250	140	115	80
		Ngã ba giáp ranh hội trường thôn 4	Hết ranh giới đất nhà bà Hà Thị Đoan (hết thửa đất số 104, 115 TBD số 269)	200	120	100	80
11	Đường liên thôn 10 đi thôn 4	Đoạn ngã 3 giao QL26 (Nhà ông Vũ Xuân Diện)	Ngã 3 giao với đường liên thôn 4 đi thôn 11 (nhà bà Thọ)	225	130	105	75
12	Đường liên thôn 10 đi thôn 8	Đoạn ngã 3 giao QL26 (Nhà ông Việt)	Đền hết đất nhà ông Tiến (hết thửa đất số 66, 278 TBD số 267)	225	130	105	75
		Đền hết đất nhà ông Tiến (hết thửa đất số 66, 278 TBD số 267)	Đền ngã ba đoạn giao với đường liên xã đi Ea Păl	165	110	90	70
13	Đường liên thôn 3 đi thôn 2	Hết ranh giới trường THCS Lý Tự Trọng	Đền ngã ba đoạn giao với đường liên thôn đi thôn 9 (nhà ông Thìn)	220	145	105	75
14	Đường thôn 8 đi xã M'Drăk	Phân hiệu trường tiểu học Hoàng Diệu (thôn 8)	Hết địa bàn xã (giáp ranh xã M'Drăk)	165	110	85	70
15	Khu quy hoạch chi tiết điểm dân cư thôn Ea Pil xã Cư Prao (thôn 1 xã Ea Pil)						
-	Đường liên thôn mở rộng lộ giới 8m (tuyến số 01)- tiếp giáp Quốc lộ 26	Đầu tuyến quy hoạch	Cuối tuyến quy hoạch	1.200			
-	Đường liên thôn mở rộng lộ giới 8m (tuyến số 02)- song song Quốc lộ 26	Đầu tuyến quy hoạch	Cuối tuyến quy hoạch	1.200			
16	Đường Buôn Năng đi Buôn Hoang tiếp nối Tỉnh lộ 13	Giáp suối (thửa đất số 54, 55 TBD số 196)	Ngã ba tiếp nối Tỉnh lộ 13	125	90	75	70
17	Đường liên thôn 7 đi thôn 13	Ngã 3 giao với đường trục chính thôn 7	Ngã 3 đối diện Hội trường thôn 13 (thửa đất số 50, 61 TBD số 117)	120	90	75	70
18	Trục đi thôn 14	Ngã ba trường tiểu học Nguyễn Du	Đền hết khu dân cư thôn 14	120	90	75	70
19	Trục đi thôn 7	Ngã tư tiếp giáp TL13 (chợ Cư Prao)	Ngã ba hết ranh nhà ông Toàn Hoài và trường tiểu học Nguyễn Du	550	300	120	75
		Ngã ba hết ranh nhà ông Toàn Hoài và trường tiểu học Nguyễn Du	Điểm trường tiểu học Nguyễn Du (thửa đất số 36, 72 TBD số 139)	220	100	75	70
		Điểm trường tiểu học Nguyễn Du (thửa đất số 36, 72 TBD số 139)	Hết địa bàn xã (giáp xã Ea Knốp)	140	90	75	70
20	Đường TL13 cũ	Ngã 3 giao TL13 với TL13 cũ (thửa đất số 18, 116, TBD số 86)	Đền ngã ba đường (hết thửa đất số 47, 57, TBD số 69)	220	90	75	70
21	Các trục đường bao khu trung tâm			345	300	250	150
22	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:			70			

A51	XÃ EA TRANG						
1	Quốc lộ 26 (Vị trí 2; 3 được tính trong khoảng cách 300m không dùng hệ số khoảng cách)	Giáp địa giới tỉnh Khánh Hòa	Hết Trạm Kiểm Lâm số 1 (Km 33 QL26)	100	70	66	65
		Hết Trạm Kiểm Lâm số 1 (Km 33 QL26)	Ngã ba Ea Krông	130	80	66	65
		Ngã ba Ea Krông (đầu ranh cửa hàng xăng Trinh Nguyên)	Ngã ba đường vào nhà Cộng đồng Buôn M'Hap (Nhà Mỹ Dong) (Hết thửa đất số 57, TĐĐ số 51 và thửa đất số 31, TĐĐ số 52)	100	70	66	65
		Ngã ba đường vào nhà Cộng đồng Buôn M'Hap (Nhà Mỹ Dong) (Hết thửa đất số 57, TĐĐ số 51 và thửa đất số 31, TĐĐ số 52)	Ngã ba đường đi Ea Bra (Hết thửa đất số 75, 81 TĐĐ số 33)	150	100	72	65
		Ngã ba đường đi Ea Bra (Hết thửa đất số 75, 81 TĐĐ số 33)	Cầu số 11, Km 47 + 526 QL26 (cầu Ba Danh)	100	70	66	65
		Cầu số 11, Km 47 + 526 QL26 (cầu Ba Danh)	Cầu số 12 (Km 48 + 540 QL26)	120	78	66	65
		Cầu số 12 (Km 48 + 540 QL26)	Hết thửa đất số 53, TĐĐ số 102 và thửa đất số 4, TĐĐ số 106	135	82	68	65
		Hết thửa đất số 53, TĐĐ số 102 và thửa đất số 4, TĐĐ số 106	Đến nhà ông Tranh (thửa đất số 64, 94 TĐĐ số 02)	100	70	66	65
		Đến nhà ông Tranh (thửa đất số 64, 94 TĐĐ số 02)	Hết địa bàn xã (giáp địa giới xã Cư M'Ta)	120	78	66	65
2	Đường liên xã đi xã Krông Á (Vị trí 2; 3 được tính trong khoảng cách 200m không dùng hệ số khoảng cách)	Ngã ba Ea Krông (Quốc Lộ 26)	Đến nhà Y Ngang (Hết thửa đất số 34, 54 TĐĐ số 84)	120	78	66	65
		Đến nhà Y Ngang (Hết thửa đất số 34, 54 TĐĐ số 84)	Hết địa bàn xã (Giáp xã Krông Á)	100	70	66	65
3	Đường giao thông đi Buôn M'O (Vị trí 2; 3 được tính trong khoảng cách 200m không dùng hệ số khoảng cách)	Ngã ba Buôn M'O (Quốc Lộ 26)	Hết khu dân cư Buôn M'O (Hết thửa đất số 16, 20 TĐĐ số 107)	100	70	66	65
4	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:			65			
A52	XÃ HÒA PHÚ						
1	Quốc lộ 14	Hết địa bàn phường Thành Nhất	Hết thửa số 116, 663; TĐĐ số 50	6.000	1.100	850	650
		Hết thửa số 116, 663; TĐĐ số 50	Ngã ba đường đi Buôn Tuôr và đầu ranh giới trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	5.000	1.000	800	650
		Ngã ba đường đi Buôn Tuôr và đầu ranh giới trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	Cầu Sêrêpôk (Hết ranh giới xã Hòa Phú)	6.000	1.100	850	650
2	Tổ Hữu (Tỉnh lộ 2)	Hết ranh giới phường Thành Nhất	Hết ranh giới xã Hòa Phú	3.500	1.050	900	700
3	Đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông qua địa bàn xã	Hết thửa đất số 114; TĐĐ số 273; thửa đất số 72; TĐĐ số 274	Hết thửa đất số 67, 70; TĐĐ số 283	4.000	1.100	1.000	850
		Hết thửa đất số 245; TĐĐ số 79; thửa đất số 148; TĐĐ số 82	Hết thửa đất số 80, 304; TĐĐ số 31	3.000	1.000	900	
4	Đường vào hầm đá	Quốc lộ 14	Hội trường thôn 11 (Hết thửa đất số 27, 100; TĐĐ số 295)	2.500	970	850	650

		Hội trường thôn 11 (Hết thửa đất số 27, 100; TBĐ số 295)	Ngã ba hết thửa đất số 6; TBĐ số 44; thửa đất số 7; TBĐ số 171	1.200	750	650	550
5	Đường vào Buôn Tuôr	Quốc lộ 14	Chi hội tin lành Buôn Tuôr (Hết thửa đất số 15; TBĐ số 293; thửa đất số 8; TBĐ số 294	1.500	800	700	500
6	Đường vào thủy điện Hòa Phú	Quốc lộ 14	Ngã tư đường vào thôn 9, 10 (Hết thửa đất số 67, 81; TBĐ số 277)	2.500	1.000	850	700
		Ngã tư đường vào thôn 9, 10 (Hết thửa đất số 67, 81; TBĐ số 277)	Nghĩa địa làng Thái (Hết thửa đất số 28; TBĐ số 261; thửa đất số 64; TBĐ số 148)	2.000	950	780	600
		Nghĩa địa làng Thái (Hết thửa đất số 28; TBĐ số 261; thửa đất số 64; TBĐ số 148)	Ngã 3 thủy điện Hòa Phú (Hết thửa đất số 198; TBĐ số 109; thửa đất số 116; TBĐ số 214)	1.300	780	700	550
		Ngã 3 thủy điện Hòa Phú (Hết thửa đất số 198; TBĐ số 109; thửa đất số 116; TBĐ số 214)	Cầu Hòa Xuân	950	650	600	500
7	Đường vào xóm Hội Phụ lão	Quốc lộ 14	Cuối xóm Hội phụ Lão (Thôn 12) - (Hết thửa đất số 89, 90; TBĐ số 293)	1.150	750	600	500
8	Đường vào làng Thái	Quốc lộ 14	Đền ngã tư đường, hết thửa đất số 17, 246; TBĐ số 276	1.200	750	600	500
9	Đường đi thủy điện Buôn Kuốp	Quốc lộ 14	Đầu khu Công nghiệp Hòa Phú (Hết thửa đất số 104, 106; TBĐ số 163)	3.500	1.000	800	650
10	Đường giao thông buôn M'rê đi Buôn Niêng	Hết thửa đất số 114; TBĐ số 273; thửa đất số 72; TBĐ số 274	Ngã 4 chợ Hòa Xuân cũ	2.000	950	850	600
		Ngã 4 chợ Hòa Xuân cũ	Hết địa bàn xã Hòa Phú (Giáp ranh xã Ea Nuôl)	1.350	750	650	500
11	Đường giao thông Buôn M'rê đi Buôn Tuôr	Quốc lộ 14 (Cổng chào Khu dân cư Buôn M'rê)	Qua ngã tư Buôn Tuôr (Hết thửa đất số 213, 322; TBĐ số 287)	1.200	750	650	500
12	Đường giao thông thôn 1 đi Buôn M'rê	Ngã ba giao với đoạn Đường giao thông buôn M'rê đi Buôn Niêng	Ngã ba giao với đoạn Đường vào làng Thái	1.100	750	600	500
13	Đường giao thông Cầu Buôn Cư Dluê đi trại lúa giống Hòa Xuân	Cầu Buôn Cư Dluê (Giáp phường Thành Nhất)	Ngã tư đầu thôn 2 Hòa Xuân cũ (Hết thửa đất số 20, 67; TBĐ số 240)	2.000	900	800	550
		Ngã tư đầu thôn 2 Hòa Xuân cũ (Hết thửa đất số 20, 67; TBĐ số 240)	Hết Trụ sở trại lúa giống Hòa Xuân (Hết thửa đất số 19, 55; TBĐ số 226)	1.250	650	550	500
14	Đường liên xã đi phường Ea Kao (đi qua Buôn Kbu)	Tỉnh lộ 2	Hết địa bàn xã Hòa Phú (Giáp ranh phường Ea Kao)	1.700	1.350	1.150	700
	Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200m tính hết vị trí thửa đất. Ngoài 200m được tính mức giá như sau:				1.000	850	650
15	Đường giao thông đoạn từ Quốc lộ 14 đi Tỉnh lộ 2	Quốc lộ 14	Tỉnh lộ 2	1.250	780	650	550
16	Các trục đường khu dân cư thôn Tân Thành, Tự Thành, Tự An			850	850	600	500
A53	XÃ EA WER						
	Khu trung tâm hành chính xã (Khu trung tâm huyện Buôn Đôn cũ)						
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Ngã ba Nghĩa trang liệt sĩ	Ngã tư Viện kiểm sát (cũ)	4.290	2.360	1.720	1.070
		Ngã tư Viện kiểm sát (cũ)	Ngã tư Đài truyền thanh (cũ)	6.600	3.630	2.640	1.650
		Ngã tư Đài truyền thanh (cũ)	Đội quản lý điện lực Buôn Đôn	4.290	2.360	1.720	1.070

		Đội quản lý điện lực Buôn Đôn	Ngã tư Tòa Án (cũ)	2.570	1.420	1.030	640
2	Đường số 6	Ngã tư Đài truyền thanh (cũ)	Hết trường THPT Buôn Đôn	1.720	940	690	430
		Hết trường THPT Buôn Đôn	Giáp vành đai phía Đông	1.360	750	540	340
		Ngã tư Đài truyền thanh (cũ)	Ngã ba trường Hồ Tùng Mậu	1.720	940	690	430
		Ngã ba trường Hồ Tùng Mậu	Ngã ba đường vận hành 1 thủy điện 4	1.570	860	630	390
	Đường ngang						
3	Đường số 2 - Cận trụ sở công an xã (Công an huyện cũ)	Tỉnh lộ 17	Giáp đường số 4 (phía Đông)	880	480	350	220
		Tỉnh lộ 17	Hết ranh giới đất Công an xã (Công an huyện cũ)	660	360	260	170
4	Đường số 3	Đoạn từ ngã tư bưu điện	Giáp đường số 21	1.980	1.090	790	500
		Giáp đường số 21	Giáp đường số 4	1.100	610	440	280
		Đoạn từ ngã tư đường số 3-4	Đoạn từ ngã tư đường số 3-39	550	300	220	
		Đoạn từ ngã tư bưu điện	Hết lô A6 (ngã ba đường số 3 và đường số 14)	1.650	910	660	410
		Hết lô A6 (ngã ba đường số 3 và đường số 14)	Ngã tư đường số 3 và đường số 12	1.100	610	440	280
		Ngã tư đường số 3 và đường số 12	Giáp vành đai phía Tây	880	480	350	220
5	Đường số 4	Tỉnh lộ 17	Đường số 21	1.580	870	630	400
		Đường số 21	Hết vành đai phía Đông	880	480	350	220
		Tỉnh lộ 17	Hết lô A7 (ngã 4 đường 13 và đường số 4)	1.580	870	630	400
		Hết lô A7 (ngã 4 đường 13 và đường số 4)	Hết vành đai phía Tây	1.070	590	430	270
6	Đường số 5	Tỉnh lộ 17 (trụ sở viễn thông)	Giáp vành đai phía Tây	660	360	260	170
		Tỉnh lộ 17 (thư viện)	Giáp đường số 44	880	480	350	220
		Giáp đường số 44	Giáp vành đai phía Đông (đường số 8)	830	450	330	210
7	Đường số 7	Từ tỉnh lộ 17	Vành đai phía Đông (đường số 8)	920	510	370	230
		Từ tỉnh lộ 17	Vành đai phía Tây	770	420	310	190
8	Đường số 10 - Cận trụ sở công an xã (Công an huyện cũ)	Từ tỉnh lộ 17	Vành đai phía Tây (đường số 9)	660	360	260	170
9	Đường số 15	Hết thửa đất giao nhau đường số 14	Hết thửa đất giao nhau đường số 11	660	360	260	170
10	Đường số 16	Hết thửa đất giao nhau đường số 14	Hết thửa đất giao nhau đường số 12	660	360	260	170
11	Đường Số 17 (dọc chợ trung tâm xã (chợ huyện cũ)	Từ tỉnh lộ 17	Hết lô A7	1.650	910	660	410
		Hết lô A7	Hết lô A10	830	450	330	210
12	Đường số 18	Hết thửa đất giao nhau đường số 13	Hết thửa đất giao nhau đường số 19	920	510	370	230
13	Đường số 24	Tỉnh lộ 17	Nghĩa trang liệt sĩ	1.000	550	400	250
14	Đường số 25	Hết thửa đất giao nhau đường số 20	Hết thửa đất giao nhau đường số 4	550	300	220	
15	Đường số 26	Hết thửa đất giao nhau đường số 20	Hết thửa đất giao nhau đường số 4	550	300	220	
16	Đường số 28	Hết thửa đất giao nhau đường số 27	Hết thửa đất giao nhau đường số 8	550	300	220	

17	Đường số 29	Hết thửa đất giao nhau đường số 44	Hết thửa đất giao nhau đường số 45	550	300	220	
18	Đường số 34	Hết thửa đất giao nhau đường số 30	Hết thửa đất giao nhau đường số 31	730	400	290	180
19	Đường số 35 (Mặt sau B3)	Hết thửa đất giao nhau đường số 31	Hết thửa đất giao nhau đường số 33	1.000	550	400	250
20	Đường Số 36 (Đường đầu giá lô B3)	Hết thửa đất giao nhau đường số 30	Hết thửa đất giao nhau đường số 31	1.000	550	400	250
21	Đường số 37	Hết thửa đất giao nhau đường số 32	Vành đai phía Tây (đường số 9)	720	390	290	180
22	Đường số 42	Hết thửa đất giao nhau đường số 44	Hết thửa đất giao nhau đường số 45	550	300	220	
23	Đường số 43	Hết thửa đất giao nhau đường số 8	Hết thửa đất giao nhau đường số 38	920	510	370	230
	Đường dọc						
24	Đường số 11	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 16	660	360	260	170
25	Đường số 12	Hết thửa đất giao nhau đường số 16	Hết thửa đất giao nhau đường số 18	860	470	340	210
26	Đường số 13 (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 17	Hết thửa đất giao nhau đường số 18	1.580	870	630	400
27	Đường số 14 mặt sau lô A5; A6 (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 3	1.980	1.090	790	500
28	Đường số 19	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 5	610	330	240	150
29	Đường số 20 (mặt sau A12, A1, A4) (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 24	1.850	1.020	740	460
30	Đường số 21	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 26	550	300	220	
31	Đường số 22	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 24	660	360	260	170
32	Đường số 23	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 24	660	360	260	170
33	Đường số 27	Ngã ba phòng Giáo dục	Đường vành đai phía Đông (đường số 8)	660	360	260	170
34	Đường số 30 - Cạnh Trung tâm y tế Buôn Đôn (Bệnh viện huyện cũ)	Hết thửa đất giao nhau đường số 7	Hết thửa đất giao nhau đường số 34	550	300	220	
35	Đường số 31	Hết thửa đất giao nhau đường số 5	Hết thửa đất giao nhau đường số 36	610	330	240	150
36	Đường số 32	Hết thửa đất giao nhau đường số 6	Đường vành đai phía Tây (đường số 9)	660	360	260	170
37	Đường số 33 mặt sau lô A2 (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 6	Hết thửa đất giao nhau đường số 9	770	420	310	190
38	Đường 38 mặt sau lô A3, A8 (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 5	Hết thửa đất giao nhau đường số 8	770	420	310	190
39	Đường 39	Hết thửa đất giao nhau đường số 5	Hết thửa đất giao nhau đường vành đai phía Đông (đường số 8 - hướng ra PCCC)	920	510	370	230
		Hết thửa đất giao nhau đường số 5	Hết thửa đất giao nhau đường vành đai phía Đông (đường số 8 - hướng ra đường số 45)	790	440	320	200
40	Đường số 40	Hết thửa đất giao nhau đường số 7	Đường vành đai phía Đông (đường số 8)	610	330	240	150
41	Đường số 41	Hết thửa đất giao nhau đường số 7	Hết thửa đất giao nhau đường số 43	660	360	260	170
42	Đường số 44	Hết thửa đất giao nhau đường số 39	Hết đường quy hoạch (giáp đường số 43)	660	360	260	170

43	Đường số 45	Hết thửa đất giao nhau đường số 27	Hết thửa đất giao nhau đường số 43	660	360	260	170
44	Đường số 46	Hết thửa đất giao nhau đường số 7	Hết thửa đất giao nhau đường số 41	610	330	240	150
45	Đường vành đai phía Đông	Quán Vân Cương	Giáp đường số 6 (phía Đông)	660	360	260	170
		Giáp đường số 6	Giáp đường số 23	550	300	220	
46	Đường vành đai phía Tây	Tòa án (cũ)	Trung tâm y tế Buôn Đôn (bệnh viện huyện cũ)	610	330	240	150
		Trung tâm y tế Buôn Đôn (bệnh viện huyện cũ)	Giáp đường số 4	550	300	220	
		Giáp đường số 4	Giáp đường số 2	550	300	220	
		Giáp đường số 2	Ngã tư tỉnh lộ 17 - đường số 24	610	330	240	150
47	Đường trục trong lô K2-7 (giáp trụ sở Công an huyện)			660	360	260	170
48	Đường trục trong lô K2-6 (lô A9)			660	360	260	170
49	Đường trục trong lô K5-4 (lô B3)			720	390	290	180
50	Đường trục trong lô K5-6 - (giáp với Trung tâm y tế Buôn Đôn (bệnh viện huyện cũ)			720	390	290	180
51	Các đường ngang	Đường giữa lô A10		550	300	220	
52	Các đường ngang	Các trục đường còn lại Lô A11		550	300	220	
	Tuyến đường ngoài khu trung tâm						
53	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Giáp ranh giới xã Ea Nuôl (suối cạn)	Ngã ba đường vào chùa Pháp Vân	720	390	290	180
		Ngã ba đường vào chùa Pháp Vân	Hết thôn 9	1.430	790	570	360
		Hết thôn 9	Hết thôn 10	1.930	1.060	770	480
		Hết thôn 10	Hết ranh giới thôn 12	1.430	790	570	360
		Hết ranh giới thôn 12	Cây xăng Nam Tây Nguyên	1.720	940	690	430
		Cây xăng Nam Tây Nguyên	Ngã ba Nghĩa trang liệt sĩ	1.790	980	720	450
		Ngã tư Tòa Án (cũ)	Hết Dốc 50 (nhà ông Nguyễn Ngọc Thu)	1.540	850	620	390
		Hết Dốc 50 (nhà ông Nguyễn Ngọc Thu)	Đầu thôn 18	830	450	330	210
		Đầu thôn 18	Cổng thủy lợi (thôn 20)	930	510	370	230
		Cổng Thủy Lợi (thôn 20)	Cầu Ea Tul	930	510	370	230
		Cầu Ea Tul	Cầu 33	650	360	260	160
		Cầu 33	Cầu 34	790	430	310	200
		Cầu 34	Cầu 35	640	350	260	160
		Cầu 35	Giáp ranh xã Buôn Đôn	500	280	200	
54	Đường tỉnh lộ 19A (Tỉnh lộ 5 cũ)	Ngã Ba Tân Tiến	Hết ranh giới Trường Hoàng Văn Thụ	1.570	870	630	390
		Hết ranh giới Trường Hoàng Văn Thụ	Hết ranh giới thôn 5	1.220	670	490	300
		Hết ranh giới thôn 5	Hết Trường tiểu học Lê Lợi	1.430	790	570	360
		Hết Trường tiểu học Lê Lợi	Giáp ranh xã Ea Nuôl (Cuôr Knia cũ)	1.290	710	510	320
55	Đường ngang (xã Tân Hòa cũ)	Tỉnh lộ 17 (1 cũ-Ngã ba nhà bà Lợi)	Hết ranh giới chợ (xã Tân Hòa cũ)	720	390	290	180
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ-Ngã ba Bưu điện Văn hóa xã Tân Hòa cũ)	Vào lô F	720	390	290	180

		Ngã ba tỉnh lộ 17 (đường vào sinh 3/2)	Suối bà Chí	720	390	290	180
		Ngã ba Ba Tân	Đường nhựa giáp thủy điện Sêrêpók 3	1.290	710	510	320
56	Đường dọc lộ E và D trung tâm xã (xã Tân Hòa cũ)			720	390	290	180
57	Khu dân cư còn lại của thôn 14			430	240	170	
58	Giáp ranh thôn Ea Duất			440	240	180	
59	Đường lộ 2	Ngã ba tỉnh lộ 19	hết thôn 9	550	300	220	
60	Đường liên thôn (xã Tân Hòa cũ)	Ngã ba hội trường thôn 7	Ngã ba hội trường thôn 4	1.290	710	510	320
61	Đường ngang (xã Ea Wer cũ)	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Ngã ba đi cánh đồng Nà Xô (giáp đất bà Nguyễn Thị Dũng)	260	150		
		Ngã ba đi cánh đồng Nà Xô (giáp đất bà Nguyễn Thị Dũng)	Đập dâng Nà Xô	250			
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ-nhà ông Mọc)	Hết ngã ba vào Nghĩa địa thôn 18	260	150		
		Hết ngã ba vào Nghĩa địa thôn 18	Hết thôn 21	250			
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ-buôn Tul B)	Vào thôn 21	250			
		Đường Tỉnh lộ 17 (1 cũ - ngã ba Nà Wer)	Kênh thủy điện Sêrêpók 4A	250			
		Kênh thủy điện Sêrêpók 4A	Giáp sông Sêrêpók (thôn Nà Ven cũ)	250			
		Sau trạm y tế Ea Wer	Cầu Ea Tul (đường lộ 2)	260	150		
		Đầu buôn Tul B	Hết đường 135 (đường lộ 2)	260	150		
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ - thôn 6)	Buôn Ea Pri	230			
		Ngã ba đường vận hành 1 thủy điện 4	Ngã ba đi hội trường thôn Ea Duất	850	470	340	210
62	Đường vận hành thủy điện 4	Ngã ba đường vận hành	Giáp đường vành đai Phía Tây (đường số 9)	530	290	210	
63	Khu trung tâm xã (Trung tâm huyện cũ)	Ngã tư nhà ông Tươi	Ranh giới xã Ea Wer (Khu dân cư Ea Ly	570	310	230	
64	Các đường buôn Tul A			200			
65	Các đường buôn Tul B			200			
66	Đường nối Tỉnh lộ 17 (cũ) Xã Ea Huar cũ	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Hội trường thôn 24 (thôn 8 Ea Huar cũ)	430	240	170	
		Hội trường thôn 24 (thôn 8 Ea Huar cũ)	Giáp ranh xã Ea M'Droh	360	200		
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ) (Trạm xá Ea Huar cũ)	Ngã tư (nhà ông Y hem)	360	200		
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Thác 7 nhánh (qua Buôn N'drêch)	430	240	170	
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Hết ranh giới nhà máy điện mặt trời Jang Pông	240			
		Ngã ba buôn Nà Xưọc đi xã Ea M'Droh	Ngã ba cầu 34 (đường vòng sau UBND xã Ea Huar cũ)	430	240	170	
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)-Vườn quốc gia Yok Đôn	Nhà máy nước sạch	220			
A54	XÃ EA NUÔL						
1	Tỉnh lộ 17 (TL1 cũ)	Giáp ranh giới với Phường Buôn Ma Thuột	Hết cầu buôn Niêng 1	3.720	1.860	1.490	1.120

		Hết cầu buôn Niêng 1	Hết ngã tư đường vào buôn Niêng 3	2.790	1.400	1.120	840
		Hết ngã tư đường vào buôn Niêng 3	Đến cầu Ea Mthar	1.860	930	740	560
		Đến cầu Ea Mthar	Ngã ba đường vào nhà máy thủy điện Sêrêpôk 3	2.040	1.020	820	610
		Ngã ba đường vào nhà máy thủy điện Sêrêpôk 3	Giáp ranh xã Ea Wer	1.300	650	520	390
2	Đường ngang	Tỉnh lộ 17	Giáp K68	2.230	1.120	890	670
		Ngã ba cây xăng (Vương Thương)	Ngã ba Ba Tân	1.300	650	520	390
		Ngã ba Ba Tân	Đường nhựa giáp thủy điện Sêrêpôk 3	1.300	650	520	390
		Ngã ba thôn Hòa An (tỉnh lộ 17)	Hết ranh giới thôn Hòa An	1.300	650	520	390
		Ngã ba Trường Mầm non Sơn Ca	Hết khu dân cư (ranh giới thôn Hòa Phú)	690	350	280	210
		Ngã ba nhà ông Nhân (Hết ranh 132 buôn Niêng 3)	Giáp ranh thôn 8, phường Buôn Ma Thuột	840	420	340	250
		Ngã ba Tập hóa Diễm	Hết ranh giới buôn Ea Mthar 1A	690	350	280	210
		Ngã ba nhà ông Y Hen Byă	Hết ranh giới thôn Hoà Thanh	690	350	280	210
		Ngã tư nhà ông Sơn (thửa 790 tờ bản đồ 122)	Hết ranh giới khu du lịch Troh Bư	840	420	340	250
		Hết ranh giới khu du lịch Troh Bư	Hết ranh giới đất 132	560	280	220	170
		Ngã tư nhà ông Vinh (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 233)	Giáp ranh mỏ đá Minh Sáng	690	350	280	210
3	Đường vào Thủy Điện Dray H'Ling cũ	Ngã ba giáp ranh giới Phường Thành Nhất (BMT)	Suối Ea Piết (giáp ranh giới thôn Hòa Nam I - Hòa An)	500	250	200	150
4	Đường trục chính thôn Hòa An (Đại Đồng)	Ngã ba nhà ông Khôi (thửa đất số 673, tờ bản đồ số 126)	Đi sinh Cư Bơ	500	250	200	150
5	Ngã ba đường vào cụm công nghiệp	Ngã ba nhà ông Năm Tiểu (cuối buôn Kô Đung B) (thửa đất số 252, tờ bản đồ số 121)	Hết khu dân cư (cụm công nghiệp Ea Nuôl)	500	250	200	150
6	Đường ngang	Ngã ba nhà bà Mến (sau UBND xã Ea Nuôl cũ)	Giáp ranh Chùa Long Thọ	690	350	280	210
		Ngã ba Trường Mầm non Băng Lăng Tím	Hết ranh giới nhà ông Thắng (thửa đất số 447, tờ bản đồ số 118)	690	350	280	210
		Ngã ba nhà ông Lan (TL 17)	Đến ngã tư đường (nhà ông Thành)	1.300	650	520	390
		Ngã ba vào chợ Ea Nuôl (cũ)	Đến ngã tư đường (nhà ông Cộg)	1.300	650	520	390
7	Tỉnh lộ 17E (TL5 cũ)	Giáp ranh giới xã Ea Wer	Ngã ba thôn 3	1.800	900	720	540
		Ngã ba thôn 3	Ngã ba ông Hạnh (cà phê Hải Thủy)	2.000	1.000	800	600
		Ngã ba ông Hạnh (cà phê Hải Thủy)	Giáp ranh giới xã Ea Bar cũ	1.600	800	640	480
8	Đường ngang	Ranh nhà bà Lê (thửa đất số 175, tờ bản đồ số 4)	Giáp ranh giới xã Ea Wer (Tân Hòa cũ)	460	230	180	140
		Ngã ba trường Hoa Mai	Hết ranh giới nhà ông Hùng (thửa đất số 140, tờ bản đồ số 58)	800	400	320	240

		Ngã ba trường Nguyễn Bình Khiêm (thửa đất số 29, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh giới nhà ông Sáu (thửa đất số 109, tờ bản đồ số 58)	800	400	320	240
		Ngã ba đối diện hội trường thôn 4	Hết ranh giới nhà ông Tâm (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 61)	800	400	320	240
		Cổng chào thôn 4	Hết ranh giới nhà ông Đồng (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 75)	800	400	320	240
		Ngã ba nhà ông Tâm (TL 17E)	Hết ranh giới nhà bà Lê (thửa đất số 138, tờ bản đồ số 59)	600	300	240	180
		Ngã ba thôn 3	Hết ranh giới nhà bà Đào (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 58)	800	400	320	240
		Ngã ba hội trường thôn 4	Hết ranh giới nhà bà Tây (thửa đất số 9, tờ bản đồ số 69)	800	400	320	240
		Ngã ba ông Hạnh (cà phê Hải Thúy) (thửa đất số 173, tờ bản đồ số 70)	Hết ranh giới nhà ông Tuấn (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 69)	1.000	500	400	300
		Ngã ba Chợ Cuôr Knia cũ	Hết ranh giới nhà ông Xanh (thửa đất số 847, tờ bản đồ số 54)	800	400	320	240
		Đập cây sung	Ngã ba thôn Ea Kning	800	400	320	240
		Ngã ba thôn Ea Kning	Giáp ranh giới xã Ea M'Droh	800	400	320	240
		Ngã ba thôn 12	Thôn 10 xã Ea Bar cũ	430	220	170	130
		Ngã ba thôn 6	Giáp ranh giới thôn 17 xã Ea Bar cũ	600	300	240	180
		Ngã ba thôn Ea Kning	Giáp đường đi Ea Bar cũ	430	220	170	
9	Khu vực thôn 4			410			
10	Tỉnh lộ 19A (5 cũ)	Giáp ranh giới xã Ea Nuôl (Cuôr Knia cũ)	Hết ranh giới đất Trường Lê Văn Tám	1.860	930	740	560
		Hết ranh giới đất Trường Lê Văn Tám	Ngã tư chợ cũ	2.970	1.490	1.190	890
		Ngã tư chợ cũ	Hết ranh giới đất trụ sở UBND xã	6.180	3.090	2.470	1.850
		Hết ranh giới đất trụ sở UBND xã	Hết trường mầm non Hoa Lan	3.430	1.720	1.370	1.030
		Ngã tư trường mầm non Hoa Lan	Ngã tư nhà ông Hồ Xuân Đường (thửa đất số 295, tờ bản đồ số 103)	2.230	1.120	890	670
		Ngã tư nhà ông Hồ Xuân Đường	Ngã ba giống cây Minh Phát	1.580	790	630	470
		Ngã ba giống cây Minh Phát	Ngã ba Đài tưởng niệm	1.880	940	750	560
		Ngã ba Đài tưởng niệm	Giáp ranh thành phố Buôn Ma Thuột	1.860	930	740	560
11	Đường ngang	Ngã tư chợ cũ	Hết ranh nhà ông Trần Văn Nhiên (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 96)	5.580	2.790	2.230	1.670
		Hết ranh nhà ông Trần Văn Nhiên (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 96)	Ngã ba nhà ông Trần Văn Liên (thửa đất số 479, tờ bản đồ số 56)	740	370	300	220
		Ngã ba nhà ông Trần Văn Liên (thửa đất số 479, tờ bản đồ số 56)	Hết ranh giới đất nhà ông Lê Quý Hiền (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 81)	1.210	610	480	360
		Hết ranh giới đất nhà ông Lê Quý Hiền (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 81)	Giáp ranh xã Ea M'Droh	1.020	510	410	310

		Ngã tư nhà bà Thái Thị Dư (Cây xăng Trầm Oanh) (thửa đất số 321, tờ bản đồ số 56)	Ngã tư thôn 12	560	280	220	170
12	Hai trục ngang bên hông chợ Ea Bar cũ			5.210	2.610	2.080	1.560
13	Đường ngang sau chợ	Hết ranh nhà ông Trần Văn Nhiên (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 96)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn La (đường lô 2) (thửa đất số 335, tờ bản đồ số 95)	3.720	1.860	1.490	1.120
14	Đường xung quanh khu đầu giá lô F (tiệm vàng Kim Hải cũ)	Ngã tư chợ cũ	Ngã ba nhà ông Tiến (mặt sau lô F) (thửa đất số 111, tờ bản đồ số 90)	2.750	1.380	1.100	830
		Từ ngã ba giáp đường đi Ea M'Droh (gần nông sản Thanh Bình)	Hết mặt sau lô F	1.200	600	480	360
		Từ ngã ba đường liên thôn 16, 16A, 17, 17A	Hết mặt sau lô F	1.200	600	480	360
15	Đường liên thôn 16, 16A, 17, 17A	Ngã ba nhà ông Tiến (mặt sau lô F) (thửa đất số 111, tờ bản đồ số 90)	Giáp đường sang xã Cuôr Knia cũ	1.730	870	690	520
16	Đường liên thôn 15, 18, 18A, 18B	Ngã tư cửa hàng Hòa Lan	Giáp đường vào nghĩa địa 15/3	1.300	650	520	390
17	Đường ngang	Ngã ba nhà ông Thức (thửa đất số 138, tờ bản đồ số 95)	Hết ranh giới nhà ông Phước (thửa đất số 245, tờ bản đồ số 93)	800	400	320	240
18	Đường khu vực thôn 5, 6, 8, 9			560	280	225	170
19	Các khu dân cư có trục đường	Trục đường trên 3,5 mét	Đến dưới 6,0 mét	500			
		Trục đường trên 6,0 mét	Đến dưới 8,0 mét	600			
		Trục đường trên 8,0 mét	Đến dưới 12,0 mét	700			
		Trục đường trên 12,0 mét	Đến dưới 16,0 mét	800			
		Trục đường trên 16,0 mét	Đến dưới 18,0 mét	900			
		Trục đường trên 18,0 mét	Đến dưới 24,0 mét	1.000			
20	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200 m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:			170			
A55	XÃ BUỒN ĐƠN						
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Giáp ranh xã Ea Wer	Ngã ba đường vào Mô đá (thửa 21 tờ 206)	1.090	650	490	330
		Ngã ba đường vào Mô đá (thửa 21 tờ 206)	Hết ranh giới đất cây xăng Nam Tây Nguyên	1.460	880	660	440
		Hết ranh giới đất cây xăng Nam Tây Nguyên	Ngã ba đường vào buôn Trí	1.700	1.020	770	510
		Ngã ba đường vào buôn Trí	Hồ Ea Rông	970	580	440	290
		Hồ Ea Rông	Ngã tư Bán Đôn	790	470	360	240
		Ngã tư Bán Đôn	Cầu Ea Mar	670	400	300	200
		Cầu Ea Mar	Đập Đắk Minh	560	340	250	170
		Đập Đắk Minh	Giáp ranh xã Ea Súp	470	280	210	140
2	Đường ngang	Ngã ba đường vào Buôn Trí	Ngã Tư Khâm Thung (thửa 3 tờ 188)	790	470	360	240
		Ngã Tư Khâm Thung (thửa 3 tờ 188)	Cầu buôn Trí	900	540	410	270
		Cầu buôn Trí	Ngã tư Bán Đôn	535	320	240	160

		Ngã ba đường vào Mô đá (thửa 21 tờ 206)	Ngã ba đường đi Nhà thờ thôn Thống Nhất (thửa 129, tờ 189)	520	310	230	160
		Ngã tư thôn Thống nhất (thửa 10, tờ 205)	Ngã ba đường đi Nhà thờ thôn Thống Nhất (thửa 129, tờ 189)	600	360	250	175
		Ngã tư Bàn Đôn	Buôn Ea Mar (đường 135)	450	270	200	140
		Ngã ba đường vào D19	Hạt kiểm lâm Vườn Quốc Gia Yok Đôn	330	200	150	
		Ngã ba Hạt kiểm lâm Vườn Quốc Gia Yok Đôn	Cầu tràn	370	220	170	
		Ngã ba khu sinh thái	Khu du lịch hồ Đăk Minh (thửa 2, tờ 182)	520	310	230	160
		Ngã ba đường vào Buôn Đrăng Phốc	Trạm 6 Vườn quốc gia	330	200	150	
		Đầu trạm Buôn Đrăng Phốc	Nghĩa địa Đrăng Phốc	250	150		
		Khu vực buôn Ea Rông B		535	320	240	160
3	Đường giao thông	Ngã ba thửa 108, tờ 188	Ngã ba nhà văn hóa cộng đồng Buôn Trí B	445	270	200	130
		Ngã ba nhà văn hóa cộng đồng Buôn Trí B	Đến hết thửa 74, tờ 192	400	240	180	
		Ngã tư nhà ông Y Nham (thửa 143, tờ 188)	Đến hết thửa 59, tờ 192	390	230	180	
		Ngã ba đường đi Nhà thờ thôn Thống Nhất (thửa 129, tờ 189)	Cầu thủy điện Sêrêpôk 4A	415	250	190	
		Ngã tư thửa 72, tờ 189	Đến ngã ba thửa 59, tờ 192	520	310	230	160
		Ngã ba tỉnh lộ 17 (thửa 14 tờ bản đồ 208)	Ngã ba thửa đất số 2 tờ BĐ 194	310	190	140	
		Ngã ba tỉnh lộ 17 (thửa 59 tờ bản đồ 189)	Ngã tư đường vào thác Phạt (thửa đất số 123 tờ bản đồ 205)	310	190	140	
4	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200 m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:			130			
A56	XÃ EA KIẾT						
1	Quốc lộ 29	Ngã tư Ủy ban nhân dân xã	+ 300m đi xã Cư Pong	3.100	1.550	1.240	775
		+ 300m đi xã Cư Pong	Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu	1.200	600	480	300
		Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu	Cổng chào thôn Thác Đá - 1000m	900	450	360	225
		Cổng chào thôn Thác Đá	+ 1000m đi xã Cư Pong, xã Ea Súp	1.500	750	600	375
		Cổng chào thôn Thác Đá +1000m đi xã Cư Pong	Giáp xã Cư Pong	900	450	360	225
		Ngã tư Ủy ban nhân dân xã	+ 550m đi xã Ea Súp (cổng chào thôn 10)	3.100	1.550	1.240	775
		+ 550m đi xã Ea Súp (cổng chào thôn 10)	Hết trụ sở công ty Buôn Ja Wăm	1.200	600	480	300
		Hết trụ sở công ty Buôn Ja Wăm	Ngã ba tiểu đoàn 303	1.000	500	400	250
		Ngã ba tiểu đoàn 303	Ngã ba đi thôn 6 (đường đất)	550	275	220	
		Ngã ba đi thôn 6 (đường đất)	Giáp xã Buôn Đôn	480	240	192	
2	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Cư M'gar	Ngã tư Ủy ban nhân dân xã	+ 300m đi xã Cư M'gar	3.100	1.550	1.240	775

		+ 300m đi xã Cư M'gar	Giáp ranh xã Cư M'gar	500	250	200	
3	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Ea M'Droh	Quốc lộ 29	+ 300m đi xã Ea M'Droh	520	260	208	
		+ 300m đi xã Ea M'Droh	Giáp ranh xã Ea M'Droh	300	150	120	
4	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Ea Tul	Giáp ranh giới xã Ea Tul	+ 600m đi xã Cư Pong	1.200	600	480	300
		+ 600m đi xã Cư Pong	Đường liên xã đi Ea Kiết - Cư Pong (cầu suối đá)	400	200	160	
5	Đường giao thông liên xã đi Ea Kiết đi xã Cư Pong	Cầu suối đá	Cửa xả nước hồ buôn Wíng	600	300	240	150
		Cửa xả nước hồ buôn Wíng	Hết trụ sở UBND xã	640	320	256	160
		Hết trụ sở UBND xã	Giáp Cư Pong	350	175	140	
6	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Ea Súp	Ngã ba tiểu đoàn 303	+ 1,500m	500	250	200	
		+ 1,500m	Giáp xã Ea Súp	350	175	140	
7	đường giao thông liên xã Ea M'Droh mới	Ngã ba Quốc lộ 29	đến giáp ranh giới xã Ea M'Droh	400	200	160	
8	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Ea Khal (từ buôn Ayun đi buôn Ja Rai đi buôn Xê Đăng)	Đường liên xã đi Cư Pong "(Ngã ba trường Trần Quang Diệu))	Ngã ba công chào buôn Ja Jai	330	165	132	
		Ngã ba công chào buôn Ja Jai	Giáp xã Ea Khal (xã Ea Tír cũ)	200	100		
9	Đường giao thông thôn Thác Đá đi thôn 10 (Quốc lộ 29 Ngã tư thôn 10)	Ngã ba thôn Thác Đá	+ 300m	330	165	132	
		+ 300m	Ngã ba nghĩa địa Buôn Ja Wấm A	300	150	120	
		Ngã ba nghĩa địa Buôn Ja Wấm A	Giáp quốc lộ 29 (Ngã tư thôn 10)	500	250	200	
10	Đường giao thông thôn 15 đi Buôn Dao	đường liên xã đi Ea Kiết - Cư Pong	+ 500m	320	160	128	
		+ 500m	+ 4900m	240	120		
		+ 4900m	Giáp quốc lộ 29	500	250	200	
11	Khu dân cư Buôn Ja Wấm A, Buôn Ja Wấm B, Buôn H'Mông, Buôn Luk, Buôn Ja Rai, Buôn Xê đăng			150	75		
12	Đường giao thông trung tâm xã đi thôn 2	Quốc lộ 29	Ngã tư trường Hoàng Văn Thụ	1.800	900	720	450
		Ngã tư trường Hoàng Văn Thụ	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Ea Súp	340	170	136	
13	Đường giao thông thôn 8 đi thôn 9	Quốc lộ 29	+ 300m	420	210	168	
		+ 300m	+ 3,300m	340	170	136	
		+ 3,300m	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Cư M'gar	360	180	144	
14	Đường giao thông thôn 11 đi thôn 9	Quốc lộ 29	+ 300m	420	210	168	
		Quốc lộ 29 + 300m	Đường thôn 8 đi thôn 9	340	170	136	
15	Đường giao thông thôn 7 đi thôn 2	Đường giao thông từ Ngã ba Thác Đá đến Quốc lộ 29 (Ngã tư thôn 10)	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Ea Súp	280	140	112	
16	Đường giao thông đi thôn 1	Quốc lộ 29	Đường giao thông từ thôn Thác Đá đi thôn 10	500	250	200	
17	Đường giao thông thôn 5 đi thôn 6	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Cư M'gar	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Ea M'Droh	1.500	750	600	375
		Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Ea M'Droh	Đường 600 (đi QL 29)	260	130	104	
18	đường giao thông thôn 10 đi thôn 6	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Ea M'Droh	Hội trường thôn 6	350	175	140	
19	đường giao thông liên thôn 5, thôn 10	Quốc lộ 29	Đường giao thông từ thôn Thác Đá đi thôn 10	420	210	168	

20	đường giao thông liên thôn 1, thôn 5	Quốc lộ 29	Đường giao thông từ thôn Thác Đá đi thôn 10	420	210	168	
21	đường giao thông thôn 14 đi Buôn Ja Wằm A	Quốc lộ 29	Buôn Ja Wằm A	420	210	168	
22	Đường giao thông thôn 15 đi Buôn Thái 1	Đường giao thông liên xã đi Ea Kiết đi xã Cư Pong	+ 200m	300	150	120	
		+ 200m	+ 1500m	240	120		
23	Đường giao thông thôn 15 đi Buôn Thái 2	Đường giao thông liên xã đi Ea Kiết đi xã Cư Pong	+ 200m	300	150	120	
		+ 200m	+ 1500m	240	120		
24	Đường giao thông thôn 15 (vào trụ sở Công ty TNHH LN Buôn Wíng)	Đường giao thông liên xã đi Ea Kiết đi xã Cư Pong	Hết trụ sở công ty Buôn Ja Wằm	300	150	120	
		Hết trụ sở công ty Buôn Ja Wằm	+ 800m	240	120		
25	đường giao thông Buôn Jarai đi thôn Đoàn Kết	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Ea Khal (từ buôn Ayun đi buôn Ja Rai đi buôn Xê Đăng)	Đường giao thông liên xã đi Ea Kiết đi xã Cư Pong	240	120		
26	Khu dân cư Buôn Wíng	Đường giao thông liên xã đi Ea Kiết đi xã Cư Pong	+ 200m	250	125	100	
		+ 200m	Hết khu dân cư	220	110		
27	Khu dân cư Buôn Ayun	Đường giao thông liên xã đi Ea Kiết đi xã Cư Pong	+ 200m	250	125	100	
		+ 200m	Hết khu dân cư	220	110		
28	Khu dân cư Buôn Triết	Đường giao thông thôn Thác Đá đi thôn 10	+ 200m	250	125	100	
		+ 200m	Hết khu dân cư	220	110		
A57	EA M'DROH						
1	Đường xã Ea M'Droh 01 (trừ khu đất giá)	Ngã ba trung tâm xã	Đường đi xã Cư M'gar +500m	3.600	1.980	1.440	900
		Đường đi xã Cư M'gar +500m	Cua 90 +330m	3.000	1.650	1.200	750
		Cua 90 +330m	Giáp ranh giới xã Cư M'gar	2.200	1.210	880	550
		Ngã ba trung tâm xã	Đường đi xã Ea Kiết +500m	3.000	1.650	1.200	750
		Đường đi xã Ea Kiết + 500m	Đường đi xã Ea Kiết +3000m (giáp ranh Nghĩa trang thôn Hiệp Nhất)	1.800	990	720	450
		Đường đi xã Ea Kiết +3000m (giáp ranh Nghĩa trang thôn Hiệp Nhất)	Giáp ranh giới xã Ea Kiết	850	470	340	
2	Đường xã Ea M'Droh 02	Cầu giáp ranh xã Quảng Phú (cầu xã Quảng Tiến cũ)	Ngã tư trường Nguyễn Huệ (Ngã tư đi đường xã Ea M'Droh 04) +250m	1.350	740	540	340
		Ngã tư trường Nguyễn Huệ (Ngã tư đi đường xã Ea M'Droh 04) +250m	Giáp ranh giới xã Ea Nuôi (xã Ea Bar cũ)	1.050	580	420	260
3	Đường xã Ea M'Droh 03	Đường xã Ea M'Droh 02 (thôn 1B)	Giáp ranh xã Quảng Phú (buôn Pôk B)	1.350	675	540	280
4	Đường xã Ea M'Droh 04	Đường xã Ea M'Droh 02 (thôn 3)	Giáp ranh xã Quảng Phú (cầu xã Cư Suê cũ)	1.350	675	540	
5	Đường xã Ea M'Droh 05	Đường xã Ea M'Droh 01	Đường đi đập buôn Nhung +1270m	850	470	340	
		Đường đi đập buôn Nhung +1270m	Ngã ba đập buôn Nhung	700	390	280	
		Ngã ba đập buôn Nhung	Giáp ranh giới xã Cư M'gar (xã Ea H'đinh cũ)	400	200	160	

6	Đường xã Ea M'Droh 06	Đường xã Ea M'Droh 01 (cua 90)	Đường xã Ea M'Droh 02 (thôn 1A)	820	450	330	
7	Đường liên xã Ea M'Droh hướng đi mỏ đá An Nguyên, xã Ea Wer và xã Ea Kiết	Ngã ba trung tâm xã	Đường đi mỏ đá An Nguyên (UBND xã Ea M'Droh cũ) +550m	2.800	1.540	1.120	700
		Đường đi mỏ đá An Nguyên (UBND xã Ea M'Droh cũ) +550m	Đường đi mỏ đá An Nguyên (UBND xã Ea M'Droh cũ) +1000m	2.000	1.100	800	500
		Đường đi mỏ đá An Nguyên (UBND xã Ea M'Droh cũ) +1000m	Đường đi mỏ đá An Nguyên (UBND xã Ea M'Droh cũ) +3100m	750	410	300	
		Đường đi mỏ đá An Nguyên (UBND xã Ea M'Droh cũ) +3100m	Ngã tư đi mỏ đá An Nguyên, xã Ea Wer và xã Ea Kiết	1.200	660	480	300
		Ngã tư đi mỏ đá An Nguyên, xã Ea Wer và xã Ea Kiết	Đường đi xã Ea Kiết +700m	1.000	500	400	
		Đường đi xã Ea Kiết +700m	Giáp ranh giới xã Ea Kiết	560	280		
		Ngã tư đi mỏ đá An Nguyên, xã Ea Wer và xã Ea Kiết	Đường đi xã Ea Wer +200m	1.000	550	400	250
		Đường đi xã Ea Wer +200m	Giáp ranh giới xã Ea Wer (xã Ea Huar cũ)	480	260		
8	Đường liên xã Ea M'Droh - xã Ea Wer	Đường xã Ea M'Droh 01 (Ngã ba vườn tểch)	Đường đi xã Ea Wer +1000m	950	520	380	240
		Đường đi xã Ea Wer +1000m	Giáp ranh giới xã Ea Wer	850	470	340	
9	Đường liên xã Ea M'Droh - xã Cư M'gar	Ngã ba (đi xã Quảng Phú - xã Ea Nuôl, xã Cư M'gar)	Giáp ranh giới xã Cư M'gar (cầu chầy)	650	325	260	
10	Đường liên xã Ea M'Droh - xã Ea Nuôl	Đường xã Ea M'Droh 02 (thôn 2A)	Giáp ranh giới xã Ea Nuôl (xã Cuôr Knia cũ)	1.000	500	400	
11	Tuyến đường Vành đai	Đường liên xã Ea M'Droh hướng đi mỏ đá An Nguyên, xã Ea Wer và xã Ea Kiết (thôn Hiệp Thành)	Hướng đi xã Ea Nuôl + 100m	600	330	240	
		Hướng đi xã Ea Nuôl + 100m	Giáp ranh xã Ea Nuôl (Cuôr Knia cũ)	450	250		
12	Đường vào mỏ đá An Nguyên	Ngã tư đi mỏ đá An Nguyên, xã Ea Wer và xã Ea Kiết	Đường đi vào mỏ đá + 450m	390			
		Đường đi vào mỏ đá + 450m	Hết đường (giáp ranh xã Ea Kiết)	350	175	140	
13	Đường vào khu dân cư thôn Hiệp Lợi	Ngã ba đập buôn Nhung	Đường xã Ea M'Droh 01 (thôn Hiệp Đạt)	540	300		
14	Đường đi thôn 8	Ngã ba trường TH-THCS Hùng Vương	Tuyến đường Vành đai	600	330	240	
15	Khu vực chợ (Quảng hiệp cũ)	Các lô đất trong khu vực chợ		1.800	990	720	450
16	Đường đi Bưu Điện (Quảng hiệp cũ)	Đường xã Ea M'Droh 01 (thôn Hiệp Hưng)	Đường liên xã Ea M'Droh hướng đi mỏ đá An Nguyên, xã Ea Wer và xã Ea Kiết	2.500	1.250	1.000	250
17	Đường đi Trạm Y tế (Quảng hiệp cũ)	Đường xã Ea M'Droh 01 (thôn Hiệp Hưng)	Hết Trạm Y tế (xã Quảng Hiệp cũ)	2.400	1.200	960	
18	Đường vào Trường Ngô Gia Tự	Đường xã Ea M'Droh 01 (Ngã ba cây Phượng)	Ngã 4 trường Ngô Gia Tự	800	400	320	
19	Khu dân cư Trung tâm xã (Thôn Hiệp Thịnh, Hiệp Tiến, Hiệp Hưng)	UBND xã +800m đến các phía		450	225		
18	Khu dân cư các thôn Bình Hoà, Hiệp Đạt, Hiệp Hòa và khu dân cư còn lại thôn Hiệp Thịnh, Hiệp Tiến, Hiệp Hưng			380			
19	Khu dân cư các thôn 1A, 1B, 2A, 2B, thôn 3			360			
20	Khu dân cư các thôn 6, 8, Hiệp Đoàn, Hiệp Kết, Hiệp Lợi, Hiệp Nhất, Hiệp Thắng, Hiệp Thành, Hiệp Bình			320			

21	Khu dân cư các buôn Cuôr, buôn Ea M'Droh			280			
22	Khu dân cư các thôn Thạch Sơn, Hợp Thành, Hợp Hoà, Đại Thành, Đồng Giao, Đoàn Kết, Đồng Tâm và buôn Nhung			240			
23	Khu đầu giá điểm dân cư Quảng Hiệp (cũ)	Các thửa đất tiếp giáp đường xã Ea M'Droh 01		3.500			
		Các thửa đất trên trục đường quy hoạch 8 mét		2.500			
		Thửa đất tiếp giáp đường xã Ea M'Droh 01 (Ngã ba vườn tếch)		3.500			
A58	XÃ QUẢNG PHÚ						
1	A Ma Khê	Hùng Vương	Hết đường	1.300	780	590	
2	A Ma Zhao	Lê Hồng Phong	Hết đường	1.600	960	720	
3	An Dương Vương	Nguyễn Hữu Thọ	Trường Chinh	3.300	1.980	1.490	
4	Bà Triệu	Phù Đồng	Hàm Nghi	2.500	1.500	1.130	
		Hàm Nghi	Lê Lai	2.100	1.260	950	
		Lê Lai	Lý Nhân Tông	1.900	1.140	860	
5	Bùi Thị Xuân	Hùng Vương	Nguyễn Du	2.500	1.500	1.130	
		Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	1.800	1.080	810	
6	Các lô đất trong khu vực chợ			14.200	8.520	6.390	
7	Cách Mạng Tháng 8	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	23.700	14.220	10.670	
		Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Công Trứ	8.200	4.920	3.690	
		Nguyễn Công Trứ	Duy Tân	1.300	780	590	
8	Chu Văn An	Đoàn Thị Điểm	Cách Mạng Tháng 8	2.000	1.200	900	
9	Duy Tân	Nguyễn Trung Trực	Vô Thị Sáu	2.000	1.200	900	
10	Đinh Tiên Hoàng	Phù Đồng	Hàm Nghi	2.500	1.500	1.130	
		Hàm Nghi	Lê Lai	2.100	1.260	950	
		Lê Lai	Lý Nhân Tông	1.900	1.140	860	
11	Đinh Núp	Hùng Vương	Nguyễn Thị Minh Khai	6.000	3.600	2.700	
12	Điện Biên Phủ	Hùng Vương	Lê Hữu Trác	21.000	12.600	9.450	
		Lê Hữu Trác	Nguyễn Chí Thanh	23.700	14.220	10.670	
13	Đoàn Thị Điểm	Nguyễn Du	Nguyễn Chí Thanh	8.200	4.920	3.690	
		Nguyễn Chí Thanh	Tô Hiệu	1.800	1.080	810	
14	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	4.800	2.880	2.160	
		Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường	3.000	1.800	1.350	
15	Đường nằm giữa song song với đường Hàm Nghi và đường Phù Đồng	Trần Kiên	Lý Thường Kiệt	2.800			
16	Đường giữa Hùng Vương và Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Hữu Thọ	Hoàng Diệu	5.940	3.560	2.670	
17	Đường ranh giới TT Quảng Phú - xã Quảng Tiến (cũ)	Hùng Vương	Nguyễn Du	2.400	1.440	1.080	
18	Hà Huy Tập	Hùng Vương	Nơ Trang Long	4.000	2.400	1.800	
19	Hàm Nghi	Lý Nam Đế	Trần Kiên	2.000	1.200	900	
20	Hai Bà Trưng	Phù Đồng	Hàm Nghi	2.500	1.500	1.130	
		Hàm Nghi	Lê Lai	2.100	1.260	950	
21	Hoàng Diệu	Hùng Vương	Nguyễn Thị Minh Khai	6.000	3.600	2.700	

22	Hồ Xuân Hương	Nguyễn Du	Nguyễn Chí Thanh	8.000	4.800	3.600	
23	Huỳnh Thúc Kháng	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	3.500	2.100	1.580	
		Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	2.300	1.380	1.040	
24	Hoàng Văn Thụ	Hùng Vương	Lê Hữu Trác	10.000	6.000	4.500	
25	Huyền Trân Công Chúa	Nguyễn Văn Linh	A Ma Zhao	1.300	780	590	
26	Hèm Trường 10- 3	Quang Trung	Hết đường	1.600	960	720	
27	Kim Đồng	Hùng Vương	Hết đường	4.000	2.400	1.800	
28	Khu dân cư tổ dân phố 1. 5. 6			800	480	360	
29	Khu dân cư tổ dân phố 3. 3A. 4. 7			660	400	300	
30	Khu dân cư tổ dân phố 8			530	320	240	
31	Lý Nam Đế	Hùng Vương	Hàm Nghi	2.100	1.260	950	
		Hàm Nghi	Lê Lai	1.300	780	590	
		Lê Lai	Hết đường	1.100	660	500	
32	Lý Thường Kiệt	Hùng Vương	Phù Đồng	6.600	3.960	2.970	
		Phù Đồng	Hàm Nghi	3.100	1.860	1.400	
		Hàm Nghi	Lê Lai	1.800	1.080	810	
		Lê Lai	Hết đường	1.000	600	450	
33	Lê Đại Hành	Phù Đồng	Hàm Nghi	2.300	1.380	1.040	
		Hàm Nghi	Lê Lai	2.100	1.260	950	
		Lê Lai	Lý Nhân Tông	1.900	1.140	860	
34	Lê Lợi	Hùng Vương	Phù Đồng	5.900	3.540	2.660	
		Phù Đồng	Hàm Nghi	3.300	1.980	1.490	
		Hàm Nghi	Lê Lai	1.800	1.080	810	
		Lê Lai	Lý Nhân Tông	920	550	410	
35	Lý Thái Tổ	Phù Đồng	Hàm Nghi	2.500	1.500	1.130	
		Hàm Nghi	Lê Lai	2.100	1.260	950	
		Lê Lai	Lý Nhân Tông	1.900	1.140	860	
36	Lê Duẩn	Hùng Vương	Nguyễn Thị Minh Khai	6.000	3.600	2.700	
37	Lạc Long Quân	Hoàng Diệu	Đinh Núp	2.400	1.440	1.080	
38	Lê Lai	Ranh giới xã Quảng Tiến	Trần Kiên	1.600	960	720	
39	Lê Hữu Trác	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Y Ngông Niê Kđăm	10.000	6.000	4.500	
40	Lý Tự Trọng	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	8.000	4.800	3.600	
41	Lê Thánh Tông	Lê Văn Tám (điều chỉnh theo QĐ số 19/2022)	Y Ngông Niê Kđăm	3.000	1.800	1.350	
42	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Công Trứ	3.000	1.800	1.350	
		Nguyễn Công Trứ	Duy Tân	1.900	1.140	860	
43	Lê Văn Tám	Y Bih Alêô	Nguyễn Chí Thanh	3.000	1.800	1.350	
44	Lý Nhân Tông	Quang Trung	Trần Kiên	1.300	780	590	
45	Lê Hồng Phong	Hùng Vương	A Ma Zhao	4.000	2.400	1.800	
46	Lê Quý Đôn	Hùng Vương	Nguyễn Văn Linh	4.700	2.820	2.120	

47	Lê Anh Xuân	Hùng Vương	Hết đường	2.000	1.200	900	
48	Mai Hắc Đế	Phù Đổng	Hàm Nghi	2.500	1.500	1.130	
		Hàm Nghi	Lê Lai	2.000	1.200	900	
		Lê Lai	Hết đường	1.600	960	720	
49	Mạc Đĩnh Chi	Võ Thị Sáu	Cách Mạng Tháng 8	2.000	1.200	900	
		Cách Mạng Tháng 8	Y Ngông Niê Kđăm (Giáp ranh giới xã Cư M'gar)	2.000	1.200	900	
50	Nguyễn Trãi	Hùng Vương	Hàm Nghi	2.000	1.200	900	
		Hàm Nghi	Lê Lai	1.300	780	590	
		Lê Lai	Hết đường	1.000	600	450	
51	Ngô Quyền	Hùng Vương	Hàm Nghi	2.800	1.680	1.260	
		Hàm Nghi	Lê Lai	1.600	960	720	
		Lê Lai	Hết đường	1.000	600	450	
52	Nguyễn Hữu Thọ	Hùng Vương	Nguyễn Thị Minh Khai	6.000	3.600	2.700	
53	Nguyễn Thị Định	Bà Triệu	Trần Kiên	1.600	960	720	
54	Nguyễn Đình Chiểu	Trần Kiên	Hết đường	1.600	960	720	
55	Nguyễn Thị Minh Khai	Trần Kiên	Phan Đình Phùng	7.200	4.320	3.240	
56	Nguyễn Văn Trỗi	Hùng Vương	Nguyễn Du	9.900	5.940	4.460	
57	Nguyễn Văn Cừ	Hùng Vương	Hết đường	4.000	2.400	1.800	
58	Nơ Trang Gùh	Hùng Vương	Hết đường	3.300	1.980	1.490	
59	Nguyễn Thái Học	Hùng Vương	Hết đường	3.300	1.980	1.490	
60	Nguyễn Du	Trần Quang Khải	Phan Bội Châu	3.000	1.800	1.350	
		Phan Bội Châu	Xô Viết Nghệ Tĩnh	13.000	7.800	5.850	
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Cách Mạng Tháng 8	22.000	13.200	9.900	
		Cách Mạng Tháng 8	Y Ngông Niê Kđăm	18.000	10.800	8.100	
61	Nguyễn Chí Thanh	Trần Quang Khải	Phan Bội Châu	3.000	1.800	1.350	
		Phan Bội Châu	Xô Viết Nghệ Tĩnh	4.900	2.940	2.210	
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Cách Mạng Tháng 8	19.800	11.880	8.910	
		Cách Mạng Tháng 8	Y Ngông Niê Kđăm	17.800	10.680	8.010	
62	Nguyễn Công Trứ	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Cách Mạng Tháng 8	2.000	1.200	900	
		Cách Mạng Tháng 8	Y Ngông Niê Kđăm	2.000	1.200	900	
63	Nguyễn Trung Trực	Tô Hiệu	Duy Tân	2.000	1.200	900	
64	Nguyễn Khuyến	Tô Hiệu	Duy Tân	2.000	1.200	900	
65	Nguyễn Văn Linh	Y Ngông Niê Kđăm	Y Jút	2.200	1.320	990	
66	Ngô Gia Tự	Hàm Nghi	Nguyễn Thị Định	2.500	1.500	1.130	
		Nguyễn Thị Định	Lê Lai	1.800	1.080	810	
		Lê Lai	Lý Nhân Tông	1.400	840	630	
67	Nơ Trang Long	Y Ngông Niê Kđăm	Hà Huy Tập	1.980	1.190	890	
68	Phù Đổng	Lý Thường Kiệt	Trần Kiên	10.000	6.000	4.500	

69	Phạm Hồng Thái	Hùng Vương	Nguyễn Du	10.000	6.000	4.500	
70	Phan Bội Châu	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	9.200	5.520	4.140	
		Nguyễn Chí Thanh	Giáp nghĩa địa	6.100	3.660	2.750	
		Giáp nghĩa địa	Giáp ranh giới xã Quảng Tiến	4.300	2.580	1.940	
71	Phan Chu Trinh	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	3.500	2.100	1.580	
		Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	2.300	1.380	1.040	
72	Phạm Văn Đồng	Hùng Vương	Nguyễn Văn Linh	4.000	2.400	1.800	
73	Phan Đình Giót	Hùng Vương	Hết đường	1.600	960	720	
74	Quang Trung	Hùng Vương	Phù Đồng	6.600	3.960	2.970	
		Phù Đồng	Hàm Nghi	3.600	2.160	1.620	
		Hàm Nghi	Lê Lai	2.200	1.320	990	
		Lê Lai	Lý Nhân Tông	1.300	780	590	
		Lý Nhân Tông	Hết đường	1.100	660	500	
75	Tôn Đức Thắng	Hùng Vương	Nguyễn Văn Linh	4.700	2.820	2.120	
		Nguyễn Văn Linh	Hết đường	3.300	1.980	1.490	
76	Trần Hưng Đạo	Hùng Vương	Phù Đồng	6.500	3.900	2.930	
		Phù Đồng	Hàm Nghi	4.100	2.460	1.850	
		Hàm Nghi	Lê Lai	2.700	1.620	1.220	
		Lê Lai	Lý Nhân Tông	1.700	1.020	770	
77	Trần Kiên	Hùng Vương	Phù Đồng	6.500	3.900	2.930	
		Phù Đồng	Hàm Nghi	3.800	2.280	1.710	
		Hàm Nghi	Nguyễn Thị Định	2.500	1.500	1.130	
		Nguyễn Thị Định	Lê Lai	2.300	1.380	1.040	
		Lê Lai	Lý Nhân Tông	1.600	960	720	
		Lý Nhân Tông	Hết đường	1.400	840	630	
78	Trường Chinh	Hùng Vương	Nguyễn Thị Minh Khai	6.000	3.600	2.700	
79	Trần Quang Khải	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	3.500	2.100	1.580	
		Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	2.300	1.380	1.040	
80	Trần Đại Nghĩa	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Công Trứ	3.000	1.800	1.350	
		Nguyễn Công Trứ	Duy Tân	1.800	1.080	810	
81	Trần Phú	Hùng Vương	Nơ Trang Long	4.000	2.400	1.800	
82	Trần Quốc Toàn	Nguyễn Văn Linh	A Ma Zhao	1.300	780	590	
83	Trần Nhật Duật	Nguyễn Văn Linh	A Ma Zhao	1.300	780	590	
84	Tô Hiệu	Phan Bội Châu	Xô Viết Nghệ Tĩnh	2.000	1.200	900	
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Cách Mạng Tháng 8	2.500	1.500	1.130	
85	Trần Cao Vân	Tô Hiệu	Duy Tân	2.000	1.200	900	
86	Y Ngông Niê Kdăm	Hùng Vương	Nơ Trang Long	16.000	9.600	7.200	
		Nơ Trang Long	Hết ranh giới xã Quảng Phú	6.700	4.020	3.020	
87	Y Bih Alêô	Lý Tự Trọng	Y Ngông Niê Kdăm	4.000	2.400	1.800	
88	Y Jút	Hùng Vương	Nguyễn Văn Linh	4.700	2.820	2.120	
		Nguyễn Văn Linh	Hết đường	3.300	1.980	1.490	
89	Y Ôn	Hà Huy Tập	Kim Đồng	1.700	1.020	770	
90	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	21.000	12.600	9.450	
		Nguyễn Chí Thanh	Tô Hiệu	7.500	4.500	3.380	
		Tô Hiệu	Duy Tân	3.300	1.980	1.490	

91	Võ Thi Sáu	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Công Trứ	3.000	1.800	1.350	
		Nguyễn Công Trứ	Duy Tân	1.900	1.140	860	
92	Khu đấu giá đất ở mới (Khu vực xã Cư Suê cũ)	Các thửa đất giáp đường Tỉnh lộ 8		12.000			
		Trục đường N5, quy hoạch 20m		7.000			
		Trục đường D5, quy hoạch 20m		8.100			
		Trục đường D2, quy hoạch 18m		7.300			
		Trục đường D6, quy hoạch 15m		6.800			
		Trục đường D7, quy hoạch 18m		7.000			
		Trục đường D8, quy hoạch 15m		6.800			
		Trục đường D9, quy hoạch 18m		6.600			
		Trục đường D10, quy hoạch 15m		6.600			
		Trục đường D11, quy hoạch 18m		6.600			
		Trục đường N6, quy hoạch 15m		6.600			
93	Khu đấu giá đất ở mới (Khu vực Thị trấn Ea Pôk cũ)	Các thửa đất giáp đường Tỉnh lộ 8		12.000			
		Trục đường N1, quy hoạch 18m		6.600			
		Trục đường N2, quy hoạch 15m		6.800			
		Trục đường N3, quy hoạch 20m		7.000			
		Trục đường N4, quy hoạch 15m		7.000			
		Trục đường D1, quy hoạch 18m		7.000			
		Trục đường D3, quy hoạch 15m		7.000			
		Trục đường D4, quy hoạch 18m		8.100			
94	Khu dân cư bán đấu giá (Thôn Phú Lâm)	Trục đường D2, quy hoạch 15m		8.500			
		Trục đường D3, quy hoạch 15m		6.800			
		Trục đường D1, quy hoạch 15m		7.100			
		Trục đường N1, N5, N7, N8, N11, N13		7.100			
		Trục đường N2, N3, N4, N6, N9, N10, N12		5.000			
95	Tỉnh lộ 8 (xã Cư Suê cũ)	Giáp ranh phường Buôn Ma Thuột	1.3 km (giáp nghĩa địa cũ Buôn Sút M'grư)	10.500	6.300	4.730	3.150
		1.3 km (giáp nghĩa địa cũ Buôn Sút M'grư)	Cầu Cư Suê	6.300	3.780	2.840	1.890
		Cầu Cư Suê (trừ khu đấu giá)	Ranh giới thị trấn Ea Pôk cũ	7.880	4.730	3.540	2.363
	Tỉnh lộ 8 (TT Ea Pôk cũ) (trừ khu vực đấu giá)	Ranh giới thị trấn Ea Pôk cũ	Ngã ba đi buôn Pôk A	7.500	4.500	3.380	2.250
		Ngã ba đi buôn Pôk A	Cầu thôn 1 (cầu Thôn Quyết Tiến)	9.000	5.400	4.050	2.700
		Cầu thôn 1 (cầu thôn Quyết Tiến)	Ngã ba đi buôn Máp	12.000	7.200	5.400	3.600
		Ngã ba đi buôn Máp	Cầu Ea Tul	7.500	4.500	3.380	2.250
	Tỉnh lộ 8 (xã Quảng Tiến cũ)	Cầu Ea Tul	Ranh giới thị trấn Quảng Phú (cũ)	10.500	6.300	4.730	3.150
	Hùng Vương (Tỉnh lộ 8 nối dài) (TT Quảng Phú cũ)	Ranh giới thị trấn Quảng Phú (cũ)	Lý Thường Kiệt	17.000	10.200	7.650	
		Lý Thường Kiệt	Trần Kiên	27.000	16.200	12.150	
		Trần Kiên	Lê Quý Đôn	15.000	9.000	6.750	
		Lê Quý Đôn	Giáp thôn Phú Lâm	11.000	6.600	4.950	
		Giáp thôn Phú Lâm	Giáp ranh giới xã Cư M'gar	9.000	5.400	4.050	
96	Các đường tiếp giáp với tỉnh lộ 8 (trừ đường liên xã đi xã Ea	Tỉnh lộ 8 (Giáp ranh BMT)	Hết đường	2.400	1.440	1.080	720

	M'Droh)(xã Cư Suê - Ea M'hang cũ)	Tỉnh lộ 8 (Kho Thái Phúc)	Vào sâu 550m	2.300	1.380	1.040	690
		Vào sâu 550m	Hết đường	2.100	1.260	950	630
		Tỉnh lộ 8 (Đại lý Bích Giám)	Vào sâu 550m	2.600	1.560	1.170	780
		Vào sâu 550m	Hết đường	1.800	1.080	810	540
		Tỉnh lộ 8 (trừ khu vực đã có)	Vào sâu 550m	2.000	1.200	900	600
		Vào sâu 550m	Hết đường	1.500	900	680	450
97	Đường liên xã	Trung tâm xã (Ngã tư cây xăng Hoàng Quý)	Trục đường các phía + 300m	3.200	1.920	1.440	960
		Trung tâm xã (Ngã tư cây xăng Hoàng Quý) theo trục đường các phía + 300m (về Tỉnh lộ 8)	+ 600m về phía Tỉnh lộ 8	2.800	1.680	1.260	840
		+ 600m về phía Tỉnh lộ 8	Tỉnh Lộ 8	3.000	1.800	1.350	900
		Trung tâm xã (Ngã tư cây xăng Hoàng Quý) theo trục đường các phía +300m (về xã Ea M'Droh)	+ 600m về phía xã Ea M'Droh	1.800	1.080	810	540
		+ 600m về phía xã Ea M'Droh	Giáp ranh giới xã Ea M'Droh	1.000	600	450	300
98	Đường Cư Suê đi Buôn Ma Thuột (Quy hoạch 20m)	Giáp đường liên xã Cư Suê đi Ea M'Droh	Giáp thành phố Buôn Ma Thuột	800	480	360	240
99	Đường liên thôn (thôn 3 đi thôn 2 và buôn Sút Mđung)	Ngã ba (giao nhau giữa đường xã Ea M'Droh và đi thôn 2)	+ 300m về phía Trường THCS Lê Hồng Phong	1.000	600	450	300
		+ 300m về phía Trường THCS Lê Hồng Phong	Hết Trường THCS Lê Hồng Phong	800	480	360	240
		Hết Trường THCS Lê Hồng Phong	Hết Buôn Sút M'grư (đường nhựa chính)	500	300	230	150
100	Đường liên thôn đi thôn 1	Trung tâm xã (Ngã tư cây xăng Hoàng Quý) trừ khu vực đã có	+ 200m về phía thôn 3	1.000	600	450	300
		+200m về phía thôn 3	Hết đường	700	420	320	210
101	Đường liên thôn đi thôn 1	Cây xăng Hoàng Quý	+ 200m về phía thôn 2	1.000	600	450	300
		+ 200m về phía thôn 2	+ 600m	700	420	320	210
102	Khu dân cư còn lại Buôn Sút M'grư phía Tây tỉnh lộ 8 (Thuộc ranh giới: Phía Nam và phía Tây giáp phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, phía Đông giáp đường tỉnh lộ 8, phía Bắc giáp đường từ Ngã ba cây phượng đến nhà ông Bắc)			1.600	960		
103	Khu dân cư thôn 1, thôn 6, Buôn Sút M'grư (trừ khu vực đã có)			700	420		
104	Khu dân cư thôn 6 (phía đông khu đầu giá khu dân cư mới Ea Pók)			1.000	600		
105	Khu dân cư mặt tiếp giáp khu đầu giá khu dân cư mới Ea Pók (đường D2, D7, N6)			5.000	3.000		
106	Khu dân cư thôn 2, thôn 3			600	360		
107	Đường liên xã Quảng Tiến đi xã Cuôr Đăng	Tỉnh lộ 8 (Từ Tỉnh lộ 8 trừ khu vực đã có)	Hết cây xăng Ngọc Hải	1.500	900	680	450
		Hết cây xăng Ngọc Hải	Cầu 80 mẫu	1.100	660	500	330
		Cầu 80 mẫu	Giáp ranh giới xã Cuôr Đăng (Ea Drong cũ)	660	400	300	198
108	Các đường song song tỉnh lộ 8 thuộc thôn Tiên Phú, Tiên Phát	Đường song song thứ nhất từ đường ngang bên cạnh UBND xã Quảng Tiến cũ	Đến giáp ranh (thị trấn Quảng phú cũ)	1.080	650	490	324
		Đường song song thứ hai: từ đường ngang bên cạnh UBND xã Quảng Tiến cũ	Đến giáp ranh (thị trấn Quảng phú cũ)	840	500	380	252
109	Các đoạn đường ngang phía Tây của Tỉnh Lộ 8 (thôn Tiên Phú, Tiên Phát)	Tỉnh lộ 8 (trừ khu vực đã có)	Vào sâu 200 m	1.080	650	490	324
		Tỉnh lộ 8 + 200m	Vào sâu 300 m	840	500	380	252

		vào sâu 350 m	hết đường	360	220	160	108
110	Đường tiếp nối tỉnh lộ 8	đoạn đường sau lưng UBND xã Quảng Tiến cũ - từ Tỉnh lộ 8 (trừ khu vực đã có)	đến tiếp giáp đường ngang bên cạnh UBND xã Quảng Tiến cũ	1.080	650	490	324
111	Các đoạn đường song song, đường ngang phía Đông cách Tỉnh lộ 8 của Thôn Tiến Đạt xã quảng tiến cũ (Trừ khu vực đã có)	Tỉnh lộ 8 (trừ khu vực đã có)	Vào sâu 500m	960	580	430	288
		Từ Tỉnh lộ 8 + 500m	Giáp suối Ea Tul	540	320	240	162
112	Đường ngang thôn Tiến Thành	Tỉnh lộ 8 (trừ khu vực đã có)	Hướng Tây + 200m	850	450	340	225
		Hướng Tây + 200m	Hướng Tây + 500m	550	270	200	135
113	Đường ranh giới Tổ dân phố 1 thị trấn Quảng Phú (Cũ) - xã Quảng Tiến (Cũ)	Tỉnh lộ 8	Hết đường	1.800	1.080	810	540
114	Đường liên xã Quảng Tiến - Ea M'Droh	Giáp ranh (Thị Trấn Quảng Phú cũ)	đến bãi rác	1.000	600	450	300
		từ bãi rác	đến giáp ranh xã Ea M'Droh (xã Ea M'ngang cũ)	700	420	320	210
115	Khu dân cư thôn Tiến Đạt			360	220	160	108
116	Đường vào buôn Pók A. B (đường liên xã Ea Pók đi xã Ea M'Droh cũ)	Tỉnh lộ 8	Vào sâu 500m	2.200	1.320	990	660
		Từ 500m	Giáp Buôn Pók B	1.000	600	450	300
		Buôn Pók B (Từ Cổng chào Buôn Pók B (Hai bên đường nhựa)	Giáp xã Ea M'Droh	500	300	230	150
117	Đường vào buôn Máp	Tỉnh lộ 8	Vào sâu 300m	2.400	1.440	1.080	720
		Vào sâu 300m	Hết buôn Máp	1.200	720	540	360
		Hết buôn Máp	Đường vào buôn Sút	700	420	320	210
118	Đường ngang Tỉnh lộ 8 (trừ khu vực đã có)	Tỉnh lộ 8: Thuộc thôn Quyết Tiến, Quyết Thắng, Toàn Thắng, Thắng Lợi, Thành Công	Vào sâu 100m	4.200	2.520	1.890	1.260
		Tỉnh lộ 8 vào sâu 100m	Vào sâu 300m thuộc thôn Quyết Tiến, Quyết Thắng, Toàn Thắng, Thắng Lợi	2.100	1.260	950	630
119	Đường ngang Tỉnh lộ 8 (thôn cư H'lâm, thôn 8)	Tỉnh lộ 8 (trừ khu vực đã có)	Vào sâu 100m	900	600	450	300
		Tỉnh lộ 8 (trừ khu vực đã có)+ 100m	Vào sâu 300m	800	480	360	240
120	Khu vực chợ	Các lô đất nằm trực đường vào khu vực chợ và trực đường nội bộ của chợ		1.800			
		Các thửa đất còn lại Khu vực của chợ		1.500			
121	Khu dân cư Thôn Quyết Tiến, Quyết Thắng, Toàn Thắng, Thắng Lợi, Thành Công			750			
122	Khu dân cư Thôn Tân Tiến, Thôn Thống Nhất, Thôn 4, Thôn 8, Thôn Cư H'lâm			450			
123	Khu dân cư An Bình, Buôn Ea Sút, Buôn Lang, Buôn Pók A, Buôn Pók B			300			
124	Khu dân cư buôn Ea Máp			360			
A59	XÃ CUỒI ĐĂNG						
1	Quốc lộ 14	Ranh giới phường Tân An	Suối Ea M'kang	12.000	6.600	4.800	3.600
		Suối Ea M'kang	Ngã 4 đường vào Nhà văn hóa Buôn Cuối Đăng A (Vật liệu Việt Thi)	11.000	6.050	4.400	3.300

		Ngã 4 đường vào Nhà văn hóa Buôn Cuôr Đăng A (Vật liệu Việt Thi)	Đường vào nghĩa địa Mở rộng	13.000	7.150	5.200	3.900
		Đường vào nghĩa địa Mở rộng	Cây xăng Hồng Thu	23.900	13.150	9.560	7.170
		Cây xăng Hồng Thu	Hết khu công nghiệp Phú Xuân	19.000	10.450	7.600	5.700
		Hết khu công nghiệp Phú Xuân	Đầu thôn Phú Thành	10.000	5.500	4.000	3.000
		Đầu thôn Phú Thành	Giáp ranh giới phường Cư Bao	5.000	2.750	2.000	1.500
2	Đường Hồ Chí Minh, đoạn tránh phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Quốc lộ 14	Đường bê tông thứ nhất (hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 65)	15.000	8.250	6.000	4.500
		Đường bê tông thứ nhất (hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 65)	Đường dây 1 song song QL14 (hết thửa đất số 103, tờ bản đồ số 65)	10.000	5.500	4.000	3.000
		Đường dây 1 song song QL14 (hết thửa đất số 103, tờ bản đồ số 65)	Ngã ba Buôn Aring	8.000	4.400	3.200	2.400
		Ngã ba buôn Aring	Hết Ngã tư kho Nông sản Tây Nguyên	7.000	3.850	2.800	2.100
		Hết Ngã tư kho Nông sản Tây Nguyên	Giáp ranh xã Ea Knuêc	6.000	3.300	2.400	1.800
3	Đường vào Công ty cà phê Thăng Lợi	Ngã ba (tiếp giáp đường tránh Đông)	Giáp ranh xã Ea Knuêc	5.000	2.750	2.000	1.500
4	Đường liên xã Cuôr Đăng - Quảng Phú	Ngã ba Cuôr Đăng (đi Ea Drong cũ)	Hết ranh giới trường THPT Nguyễn Trãi	7.500	4.130	3.000	2.250
		Hết ranh giới trường THPT Nguyễn Trãi	Ngã ba thửa đất số 1 TBD số 88	6.000	3.300	2.400	1.800
		Ngã ba thửa đất số 1 TBD số 88	Vào sâu Cổng chào Thôn Đoàn Kết	7.500	4.130	3.000	2.250
		Cổng chào Thôn Đoàn Kết	Hết Nhà máy chế biến mủ cao su	6.000			
		Hết Nhà máy chế biến mủ cao su	Ngã ba đường đi buôn Kroa A	1.200	660	480	
		Ngã ba đường đi buôn Kroa A	Ngã 4 thao trường bắn (buôn Yông)	900			
		Ngã 4 thao trường bắn (buôn Yông)	Ranh giới xã Quảng Phú	850	470	340	
5	Đường liên xã Cuôr Đăng - Tân An	Ngã ba đường đi Buôn Kroa A	Ngã ba đường nhà ông Y Yung Byă (bắt đầu khu dân cư buôn Kroa A)	1.000	550		
		Ngã ba đường nhà ông Y Yung Byă (Bắt đầu khu dân cư buôn Kroa A)	Cầu Buôn Kroa A (ranh giới Tân An)	720	400	290	
6	Đường song song Quốc Lộ 14	Đường thứ nhất	Buôn Cuôr Đăng A, Cuôr Đăng B, buôn Kroa B, buôn Kroa C	1.200	660	480	
		Đường thứ nhất	buôn Ko Hneh	2.400			
		Đường thứ hai	buôn Ko Hneh	800			
		Đường thuộc khu tái định cư (mặt tiếp giáp đường N2)		3.000			
7	Đường ngang Quốc lộ 14	Quốc lộ 14 (trừ khu vực đã có)	Vào sâu 200m	1.800			
		Vào sâu 200m	Vào sâu thêm 400m	1.500			
		Đường thuộc khu tái định cư (mặt tiếp giáp đường N1)		3.500			
8	Khu dân cư buôn Cuôr Đăng A, Cuôr Đăng B, buôn Kroa B, buôn Kroa C, buôn Ko Hneh			400			
9	Đường vào buôn Aring	Ngã ba (đường tránh đông)	Hết đường buôn Aring	800			

10	Đường ngang Quốc lộ 14 (đường rẽ vào khu dân cư) thôn An Phú, thôn Tân Phú	Từ Quốc lộ 14	Đường ngang liên thôn thôn An Phú, thôn Tân Phú	1.500			
		Đường ngang liên thôn thôn An Phú, thôn Tân Phú	Vào sâu 200m (trừ khu vực đã có)	1.300			
11	Đường ngang Quốc lộ 14 (đường rẽ vào khu dân cư)	Quốc lộ 14 (trừ khu vực đã có) thôn Phú thành	Vào sâu 200m (trừ khu vực đã có)	1.870			
12	Đường trung tâm xã (Xã Ea Drong cũ)	Ngã ba nhà ông Tâm (buôn Yông)	Hết Ngã tư nhà ông Y Yăk Niê (buôn Tah)	1.500			
		Cổng chào buôn Tah B	Ngã tư nhà ông Y Jeny Ayün	1.500			
13	Đường ngang Quốc lộ 14	Đường thuộc khu tái định cư (mặt tiếp giáp đường N1)		3.500	1.930	1.400	
		Quốc lộ 14 (trừ khu vực đã có)	Vào sâu 200m	1.800	990	720	540
		Vào sâu 200m	Vào sâu thêm 400m	1.500	830	600	450
		Vào sâu thêm 400m	Hết ranh giới quy hoạch đất ở	1.500	830	600	450
14	Khu vực chợ Cuôr Đăng	Các lô đất trong khu vực chợ		7.000	3.850	2.800	2.100
15	Khu dân cư Buôn Cuôr Đăng A, Cuôr Đăng B, Buôn Kroa B, Buôn Kroa C, Buôn Ko Hneh			400			
16	Đường ngang Quốc lộ 14 (đường rẽ vào khu dân cư) thôn An Phú, thôn Tân Phú (xã Ea Drong cũ) Các đường tiếp giáp với Quốc lộ 14 (Thôn An Phú, Thôn Tân Phú, thôn Phú Thành)	Từ Quốc lộ 14	Đường ngang liên thôn thôn An Phú, thôn Tân Phú	1.500	830	600	450
		Đường ngang liên thôn thôn An Phú, thôn Tân Phú	Vào sâu 200m	1.300	720	520	
17	Đường ngang QL 14 (đường rẽ vào khu dân cư thôn Phú Thành)	Quốc lộ 14	Vào sâu 200 m	1.870	1.030	750	560
18	Khu dân cư buôn Tar A, B (Khu trung tâm xã Ea Drong cũ)			540			
19	Điểm khu dân cư thôn Phú Phong			480	260		
20	Khu dân cư còn lại thôn Tân Phú, thôn An Phú			540			
21	Khu dân cư còn lại thôn Phú Thành, thôn Đoàn Kết, thôn Phú Phong.			420			
22	Khu dân cư còn lại buôn Yông.			360			
23	Khu vực còn lại.			260			
24	Khu dân cư còn lại buôn Yông B.			360			
25	Khu dân cư còn lại thôn Tân Sơn.			360			
26	Khu dân cư buôn Aring.			300			
27	Khu dân cư còn lại buôn Kroa A.			540	300	220	
28	Điểm dân cư nông thôn buôn Gram B.			300			
29	Khu dân cư còn lại buôn Tah.			360			
30	Khu đấu giá, tái định cư Cuôr Đăng	Trục đường N4		10.500			
		Trục đường N3		5.500			
		Trục đường N2		5.500			
		Trục đường N1		5.500			
A60	XÃ CU' M'GAR						
1	Tỉnh Lộ 8	Ranh giới xã Quảng Phú	Ngã tư vào đường Thôn Thịnh Phát, Thôn 8	6.500	3.900	2.930	1.630
		Ngã tư vào đường Thôn Thịnh Phát, Thôn 8	Hết trụ sở Chi nhánh nông trường cao su Cư M'gar	6.900	4.140	3.110	1.730
		Hết ranh giới đất Trụ sở Chi nhánh nông trường cao su Cư M'gar	Giáp ranh xã Ea Tul	1.800	1.080	810	450
2	Đường liên xã Cư M'gar	Ngã ba Tỉnh lộ 8	Tỉnh lộ 8 + 2000m	700	420	320	
		Tỉnh lộ 8 + 2000m	hết ranh giới thôn 6	620	370	280	

3	Đường liên xã Cư M'gar và Ea Tul	Ngã ba Ea Tul	Hội trường buôn Bling A	600	360		
		Hội trường buôn Bling A	Giáp buôn Đing xã EaTul (Cư Diê M'Nông cũ)	440			
4	Đường liên xã	Ranh giới Thôn Phú Cường xã Quảng Phú	đến hết cây xăng đông phương	6.500	3.900	2.930	1.630
		đến hết cây xăng đông phương	Hết ranh giới nhà đất làng nghề Buôn KnaB	4.000	2.400	1.800	1.000
		Hết ranh giới nhà đất làng nghề Buôn KnaB	Hết ranh giới đất Trường Ama Trang Long	2.500	1.500	1.130	630
		Hết ranh giới đất Trường Ama Trang Long	Cầu số 1	1.500	900	680	380
		Cầu số 1	Hết ranh giới đất Trường Cao Bá Quát	1.500	900	680	380
		Hết ranh giới đất Trường Cao Bá Quát	Cầu số 2	1.000	600	450	250
		Cầu số 2	Hết ranh giới đất Trường Nguyễn Thị Minh Khai	1.200	720	540	300
		Hết ranh giới đất Trường Nguyễn Thị Minh Khai	Cầu 3 (ranh giới xã Ea M'Droh)	1.400	840	630	350
5	Đường liên xã (Cư M'gar - Ea Kiết) Xã Ea H'đing cũ)	Các phía theo trục đường + 500m	Ngã ba buôn Jók	1.000	600	450	
		Ngã ba buôn Jók	Cầu Ea H'đing	800	480	360	
		Cầu Ea H'đing	Giáp ranh giới Thôn 6	700	420	320	
		Ngã ba buôn Ea Sang + 500m	Đến 2 km (đi Ea Kiết)	800	480	360	
		Đến 2 km (đi Ea Kiết)	Giáp ranh giới xã Ea Kiết	500	300		
6	Đường liên xã Cư M'gar	Ngã ba buôn Ea Sang + 500m	Giáp ranh giới xã Ea Tul (xã ea tar cũ)	900	540	410	
7	Đường nối liền với đường liên xã Cư M'gar (thuộc thôn 6)	Đường liên xã	Vào sâu 200m	400			
		Đường liên xã vào sâu 200m	mét thứ 500	300			
8	Đường ngang Tinh Lộ 8 thôn Đoàn Kết, thôn Thịnh Phát, Thôn An Phú, Thôn 8, Tân Lập (trừ khu vực đã có)	Tinh lộ 8	Vào sâu 200m	1.000	600	450	
		Tinh lộ 8 + 200m	Tinh lộ 8 + 500m	700	420	320	
		Tinh lộ 8 + 500m	Tinh lộ 8 + 1000m	500	300		
9	Các đường ngang với đường liên xã	Các Ngã ba đường liên xã của buôn KaNa B, buôn Huk A, buôn Huk B	Vào sâu 100m	500	300		
		Ngã ba đường liên xã vào buôn Bling, buôn Trap, buôn Nhung	Vào sâu 200m	400			
		Ngã ba đường liên xã (đường đối diện UBND xã Cư M'gar)	Vào sâu 650m	500	300		
		Ngã ba đường liên xã đi các Thôn 4, thôn 5, thôn 6 và thôn 7	Vào sâu 500m	500	300		
10	Đường song song Tinh lộ 8 thuộc thôn thôn Đoàn Kết, thôn Thịnh Phát, Thôn An Phú, thôn 8, thôn Tân Lập	Tinh lộ 8	Vào sâu 200m	700	420	320	
		Tinh lộ 8 + 200m	Tinh lộ 8 + 500m	500	300		
		Tinh lộ 8 + 500m	Hết đường	400			
11	Đường vào hồ Buôn Jong	Tinh lộ 8	Tinh lộ 8 + 1500m	700	420	320	
		Tinh lộ 8 + 1500m	Hết đường nhựa buôn Jong	500	300		
12	Đường nối liền với đường vào hồ buôn Jong	Đường vào hồ buôn Jong	vào sâu 250m	400			
		Đường vào hồ buôn Jong + 250m	mét thứ 500	300			
13	Khu chợ Ea K'pam	Các lô đất trong khu vực chợ		1.600	960	720	400

14	Đường ranh giới xã Cư M'gar, xã Quảng Phú	Ngã ba Y Ngông - Nơ Trang Long	Hết đường	1.500	900	680	380
		Ngã ba Y Ngông - Mạc Đĩnh Chi	Vô Thị Sáu (Thôn Phú Sang xã Quảng Phú)	1.500	900	680	380
15	Các đường ngang tiếp giáp với đường ranh giới Thôn Phú cường xã Quảng Phú (đường Nơ Trang Long)	Ranh giới Thôn Phú Cường xã Quảng Phú (đường Nơ Trang Long)	Vào sâu 250m	1.000	600	450	
16	Đường Ngã ba Trạm biển áp 35	Ngã ba Trạm biển áp 35	Ngã tư đường thứ 2 buôn KaNa	700	420	320	
17	Đường nhựa song song với đường liên xã của buôn KNa	Ngã ba đường vào nghĩa địa	Hết đường	700	420	320	
18	Trung tâm Buôn Ea Sang	Ngã ba buôn Ea Sang	Các phía theo trục đường 500m	1.900	1.140	860	480
19	Khu Đầu giá (buôn Jók)	Các lô tiếp giáp với đường liên xã		900	540	410	
		Các lô còn lại của khu đầu giá		600	360	270	
20	Đường liên thôn	Ngã ba buôn Jók	Nhà cộng đồng buôn Trấp	400			
		Nhà cộng đồng buôn Trấp	Đường rẽ vào Giáo xứ Kon Hring	300			
21	Đường song song đường liên xã	Đường thứ nhất giáp đường liên xã	Thuộc buôn Jók, buôn Ea Sang B, buôn Ea Sang, buôn Ea Tar và Thôn An Bình vào sau 200m	300			
22	Đường nối liền đường liên xã với đường song song thứ nhất của buôn Jók, buôn Ea Sang B, buôn Ea Sang, buôn Ea Tar và thôn An Bình			300			
23	Khu vực chợ Ea H'đing	Các lô đất trong khu vực chợ lòng		700	420	320	
24	Đường ranh giới thôn An Bình (Ea Tul – Cư M'gar)	Ngã ba Trung tâm cao su Ea H'đing	Ngã tư đập Trần hồ Ea Kấp	300			
25	Khu vực Trường Trần Quang Khải	Ngã ba đường liên xã Cư M'gar - Ea Tul (nhà ông Côi)	Hết trường học	700	420	320	
		Ngã ba Trường Trần Quang Khải (hướng Đông)	Vào sâu 400m	700	420	320	
26	Đường nhựa từ Ngã ba Trường Trần Quang Khải	Ngã ba Trường Trần Quang Khải	Đường liên xã Cư M'gar - Ea Kiết	700	420	320	
27	Khu dân cư buôn Jók, buôn Ea Sang B, buôn Ea Sang, buôn Ea Tar và thôn An Bình			300			
A61	XÃ EA TUL						
1	Quốc lộ 29	Giáp xã Pong Drang (Ea Ngai cũ)	Trụ sở Công ty 15	1.500			
		Trụ sở Công ty 15	Giáp xã Ea Kiết	1.400			
2	Tỉnh lộ 8	Giáp ranh xã Cư M'gar	giáp ranh xã Pong Drang	1.500			
3	Đường Trung tâm xã Cư Dliê M'nông cũ	Trụ sở Công an xã (Trụ sở xã Cư Dliê M'nông cũ)	Đi các tuyến đường chính + 300m	1.200			
		Trụ sở Công an xã (Trụ sở xã Cư Dliê M'nông cũ) đi các tuyến đường chính + 300m	Trụ sở Công an xã (Trụ sở xã Cư Dliê M'nông cũ) đi các tuyến đường chính + 500m	1.100			
4	Khu vực chợ (Ea Tul cũ)	Các lô đất mặt tiền		1.150			
		Các lô đất trong chợ		600			
5	Điểm quy hoạch khu dân cư Buôn Hding			420			
6	Đường chính xã	Giáp ranh xã Cư M'gar (Ea Hding cũ)	Ngã ba đường Ea Tul đi Ea Kiết (Cầu Buôn Đrai Sĩ)	1.100			

		Cầu Ea Tar (cầu buôn Đrai Sỉ)	Giáp ranh xã Ea Kiết (Ea Kuêh cũ)	650			
		Trụ sở Công an xã (Trụ sở xã Cư Dliê M'nông cũ) + 500m	Cầu Ea Tar (cầu buôn Đrai Sỉ)	550			
		Ngã ba Nông trường Ea Tul gần trường cấp 2 Ea Tul	Phường Cư Bao	540			
		Ngã ba buôn Phong, thôn Tân Thành	Đầu đội 7 (Ngã ba xã Cư Dliê M'nông đi xã Ea Tar cũ)	420			
		Đầu đội 7 (Ngã ba xã Cư Dliê M'nông đi xã Ea Tar cũ)	Trụ sở công ty cà phê 15	500			
		Ngã ba buôn Đrao	Giáp Buôn Sah A (Ngã ba tiếp giáp đường tỉnh lộ 8)	500			
7	Trục đường chính thôn, buôn	Ngã ba công chào buôn Sah A	Ngã tư chợ	540			
		Ngã ba công chào buôn Sah A	Ngã tư chợ (Buru điện, thửa 381, TBD 90)	480			
		Từ Nhà ông Hoàng Văn Lịnh (thửa 118, TBD 16)	Ngã tư chợ	600			
		Từ thửa đất 327, tờ bản đồ 90 (phía sau chợ)	Hết đường (thửa 93, tờ bản đồ 91)	350			
		Từ thửa đất 356, tờ bản đồ 90 (phía sau chợ, tiếp theo đoạn đường Buru điện)	Hết đường (thửa 117, tờ bản đồ 91)	350			
		Từ thửa đất số 116, tờ bản đồ 90	Hết đường (thửa 19, tờ bản đồ 91)	400			
		Từ thửa đất số 166, tờ bản đồ 90	Hết đường (thửa 31, tờ bản đồ 91)	400			
		Từ thửa đất số 208, tờ bản đồ 90(đường bên hông trường mẫu giáo Y Rup)	Hết đường (thửa 59, tờ bản đồ 91)	350			
		Từ thửa đất số 409, tờ bản đồ 63(Đường giữa 2 trường tiểu học Phan Chu Trinh với Mẫu giáo Ea Tul)	Hết đường (thửa 127, tờ bản đồ 91)	350			
		Từ thửa đất số 478, tờ bản đồ 90(Bên hông trường Phan Chu Trinh)	Hết đường (thửa 151, tờ bản đồ 91)	350			
		Từ thửa đất số 50, tờ bản đồ 49	Hết đường (thửa 163, tờ bản đồ 91)	350			
		Từ thửa đất số 505, tờ bản đồ 49	Hết đường (thửa đất số 280, tờ bản đồ 50)	350			
		Từ thửa đất số 207, tờ bản đồ 49	Hết đường (đi buôn Yao thửa 318, tờ bản đồ 50)	350			
		Từ Ngã tư chợ (Buru điện thửa 118, tờ bản đồ 16)	Hết đường(về phía Buôn Trĩa)	380			
		Từ thửa 271 tờ bản đồ 49	Hết đường (thửa đất số 339, tờ bản đồ 50)	350			
		Từ thửa 282 tờ bản đồ 49	Hết đường (thửa đất số 359, tờ bản đồ 50)	350			
		Từ thửa 311 tờ bản đồ 49	Hết đường (thửa đất số 385, tờ bản đồ 50)	350			
		Từ thửa đất số 130, tờ bản đồ 80 (Công chào buôn Hra B)	Bến nước Ea Sah B (thửa đất số 20, tờ bản đồ 62)	350			
		Từ thửa đất số 287, tờ bản đồ 63	Thửa đất số 289, tờ bản đồ 63	350			

		Từ thửa 134 tờ bản đồ 90	Thửa 135 tờ bản đồ 63 (Sau trường THCS Ea Tul)	450			
		Từ thửa 66 tờ bản đồ 90	Thửa đất số 118, tờ bản đồ 63	350			
		Từ thửa 27 tờ bản đồ 81	Thửa đất số 538, tờ bản đồ 77	350			
		Ngã ba công chào buôn Sah A(Thửa 268 tờ bản đồ 63, đường phía sau nhà sinh hoạt cộng đồng buôn Sah A)	giáp đường đi phường Cư Bao (thửa 292 tờ bản đồ 63)	550			
		Các trục đường tiếp giáp với đường tỉnh lộ 8	Đến mét thứ 100	550			
		Ngã ba cây xăng Luyên Diêm	Hết đường chính thôn 2	380			
		Ngã ba đường Ea Tul đi Ea Kiết	Hết khu dân cư buôn Kdoh (tiếp giáp đường QL 29)	380			
		Ngã ba đường Ea Tul đi Ea Kiết	Khu dân cư buôn Ea Kiêng (Ngã ba xã Ea Tar đi xã Cư Dliê M' nông cũ)	380			
		Ngã ba đường Ea Tul đi Ea Kiết	Hết khu dân cư buôn Mlăng	380			
		Ngã ba đường Ea Tul đi Ea Kiết	Hết khu dân cư buôn Ea Tar	380			
		Từ thửa đất số 160, tờ bản đồ số 144 (bộ 2000 tờ) (Đường ranh giới thôn 3, thôn 4 Ea Tar)	Hết ranh giới trường mầm non Ea Tar	350			
		Từ thửa đất số 151, tờ bản đồ số 144 (bộ 2000 tờ) (tuyến đường nhựa phía sau UBND xã Ea Tar cũ, thuộc thôn 3, thôn 4 Ea Tar)	Đến thửa đất số 220, tờ bản đồ số 145 (bộ 2000 tờ)	350			
		Từ cây xăng Luyên Diêm (Đường nhựa thôn 3)	Đến thửa đất số 106, tờ bản đồ số 144 (bộ 2000 tờ)	350			
8	Đường Trục chính các thôn 8, thôn Thống Nhất, thôn Tân Thành, thôn Đăk Hà Đông, thôn Đăk Hà Tây, buôn Hđing.			420			
9	Đường nhánh các thôn 8, thôn Thống Nhất, thôn Tân Thành, thôn Đăk Hà Đông, thôn Đăk Hà Tây, buôn Hđing.			350			
10	Đường chính các thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 5, buôn Brăh, buôn Por, thôn Thạch Hà			350			
11	Đường chính buôn Yao, buôn Đrao, buôn Đrao B, Buôn phơng Cư Dliê M' nông			300			
12	Khu dân cư còn lại thôn 1 Ea Tar, thôn 2 Ea Tar, thôn 3 Ea Tar, thôn 4 Ea Tar			320			
13	Khu dân cư còn lại Buôn Ea Tar, Buôn Đrai Sít, buôn Mlăng, buôn Ea Kiêng, buôn Tong Liă, Buôn Kdoh			280			
14	Đường nhánh các thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 5, buôn Brăh, buôn Phơng, Buôn Hra B, Buôn Sah B, buôn Sah A, Buôn Trĩa (kể cả đường nhánh giáp với đường đi phường Cư Bao),buôn Đrao, buôn Đrao B, Buôn phơng Cư Dliê M' nông, buôn Tu, buôn Knia, Pơ, buôn Yao (kể cả đường nhánh giáp với đường đi phường Cư Bao), Buôn Hra A, thôn Thạch Hà			280			
15	Khu vực còn lại			250			
A62	XÃ HÒA XUÂN						
1	Quốc lộ 1						
-		Ranh giới phường Đông Hòa	Mương thủy lợi Nam Bình	4.000	2.800	2.000	1.400
-			Mương thủy lợi Nam Bình	Cầu cây Tra	2.200	1.200	700
-		Cầu cây Tra	Ranh giới xã Hòa Xuân Nam	3.000	1.600	1.000	600
-		Nhà ông Huỳnh Đức Minh	Cầu Sông Mới	6.000	4.000	2.000	1.200
-		Cầu Sông mới	Chân Đèo Cà (nhà ông Trần Thanh Hóa)	1.300	800	500	300

-		Chân Đèo Cả (nhà ông Trần Thanh Hóa)	Ranh giới xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa (cũ)	1.100	600	400	300
2	Quốc lộ 29						
-		Cầu Đà Nông	Giáp ranh Cảng Bãi Gốc (Từ cầu Đà Nông đến cầu vượt dự án Tuyến đường Phước Tân - Bãi Ngà)	4.000	2.200	1.400	800
-		Cầu vượt dự án Tuyến đường Phước Tân - Bãi Ngà	Ranh giới xã Hòa Xuân Nam cũ	3.750	2.500	1.500	750
-		Ranh giới xã Hòa Tâm cũ	Nhà ông Phạm Hùng	4.000	2.200	1.400	600
-		Nhà ông Phạm Hùng	QL 1	1.100			
3	Đường Phú Khê - Phước Tân	Ranh giới xã Hòa Xuân Đông cũ	Giáp QL29, thôn Phước Tân	2.400	1.600	800	600
4	Đường từ giáp ranh xã Hòa Xuân Đông cũ đến thôn Phước Giang	Giáp ranh xã Hòa Xuân Đông cũ	Thôn Phước Giang	600	400	300	200
5	Khu dân cư thôn Phước Long, xã Hòa Tâm			800	600	400	300
6	Đường Phú Khê - Phước Tân đoạn đã bê tông hóa			1.300	900	450	350
7	Đường từ Quốc lộ 1 đến khu xử lý rác thải, nước thải và chất thải nguy hại của Khu kinh tế Nam Phú Yên	Quốc lộ 1	Khu xử lý rác thải, nước thải và chất thải nguy hại của Khu kinh tế Nam Phú Yên	5.600	2.500	1.200	800
8	Điểm dân cư dãy phố chợ trung tâm thôn Bàn Thạch, xã Hòa Xuân Đông						
-	Các đoạn đường rộng 6m			4.429			
9	Khu tái định cư Hòa Tâm (sau khi hoàn thiện hạ tầng)						
-	Đường rộng 25m			1.700			
-	Đường rộng 16m và 16,5m			1.300			
-	Đường rộng 12,5m			1.100			
10	Đường từ Quốc lộ 29 (nhà ông Phạm Hùng) đến kho Xăng Dầu Vũng Rô	Quốc lộ 29 (nhà ông Phạm Hùng)	Kho Xăng Dầu Vũng Rô	1.100	600	400	300
11	Khu Tái định cư Hầm đường bộ Đèo Cả						
-	Đường D9: Đoạn từ D1 đến D2			1.100			
-	Đường D2: Đoạn từ D9 đến D3			1.100			
-	Đường D9: Đoạn từ D2 đến D7			1.000			
-	Các đoạn đường còn lại trong Khu tái định cư			800			
A63	XÃ XUÂN THỌ						
1	Quốc lộ 1						
-		Cầu Tam Giang tuyến tránh	Cầu vượt đường Phạm Văn Đồng	2.300	1.500	1.100	600
-		Ngã 3 tuyến tránh phía Nam	Nam cầu Huyện đến đỉnh dốc Quýt (Nhà ông Nguyễn Ngọc Trọng)	2.700	1.350	750	450
-		Đỉnh dốc Quýt (Nhà ông Nguyễn Ngọc Trọng)	Phía Bắc tiệm điện thoại Kim Vương	2.400	1.280	800	480
-		Tiệm điện thoại Kim Vương	Giáp ngã ba Triều Sơn	3.600	1.800	1.130	680
2	Phạm Văn Đồng						

-		Nam cầu vượt đường Phạm Văn Đồng	Đỉnh dốc Găng (giáp đường bê tông lên Cao Phong)	4.500	2.700	1.800	1.200
-		Đỉnh dốc Găng (giáp đường bê tông lên Cao Phong)	Ngã ba tuyến tránh phía Nam	4.000	2.400	1.600	1.000
3	Đường từ Quốc lộ 1 vào KDC thôn Phương Lưu, đoạn qua khu dân cư	Quốc lộ 1	KDC thôn Phương Lưu (Đoạn qua khu dân cư)	1.500			
4	Đường phía nam KDC thôn Phương Lưu			1.200			
5	Khu tái định cư quốc lộ 1, Chánh Nam - Nhiều Hậu						
-	Đường N2			2.000			
-	Đường N1			1.700			
-	Đường N3, N4, N5, N6			1.400			
6	Đường ĐT 642						
-		Quốc lộ 1	Giáp cầu suối Đá	1.500	1.050	750	450
-		Cầu suối Đá	Giáp cầu bà Còn	1.200	860	510	340
-		Cầu bà Còn	Giáp xã Đồng Xuân	900	720	500	330
7	Khu tái định cư đường cao tốc Xuân Thọ 2			750			
8	Khu dân cư Gò Me thôn Triều Sơn						
-	Đường rộng 12m (tiếp giáp đường ĐT 642)			1.050			
-	Đường rộng 12m (trong khu dân cư)			750			
9	Đường bờ kè sông Tam Giang			2.700	1.800	1.200	750
10	Đường GTNT Cao Phong			900	600	450	300
11	Đường GTNT Long Phước			900	600	450	300
12	Đường giao thông đến Trung tâm xã	Giáp Nam cầu Tam Giang tuyến tránh	Giáp đất bà Võ Thị Loan	900	600	450	300
13	Đường ĐT 644						
-		Giáp phường Xuân Phú	Khu tái định cư Cao tốc	2.250	1.200	750	450
-		Khu tái định cư Cao tốc	Giáp ranh huyện Đồng Xuân	1.050	750	450	300
-		Ngã 3 vào trụ sở UBND xã	Ngã 4 đất bà Đào Thị Loan	1.050	750	450	300
14	Khu tái định cư đường cao tốc (thôn Bình Nông)			1.350			
15	Đường Hảo Danh - Hảo Nghĩa - Mỹ Lương						
-	Đoạn qua thôn Mỹ Lương			900	600	450	300
-	Đoạn qua thôn Hảo Nghĩa - Hảo Danh			720	500	360	240
A64	XÃ XUÂN CẢNH						
1	Quốc lộ 1						
-		Giáp xã Xuân Lộc	Hết Trường Tiểu học xã Xuân Bình	1.440	840	600	360
-		Giáp Trường tiểu học Xuân Bình	Giáp cầu Bình Phú	960	600	360	240
-		Giáp cầu Bình Phú	Phường Sông Cầu	1.680	1.080	720	420
2	Đường giáp đường Chánh Lộc - Diêm Trường đến giáp cầu Xuân Bình - Xuân Hải	Giáp đường Chánh Lộc - Diêm Trường	Giáp cầu Xuân Bình - Xuân Hải	960	600	360	240

3	Đường Chánh Lộc - Diêm Trường			1.200	840	600	360
4	Đường lên hồ chứa nước Xuân Bình						
-		Giáp quốc lộ 1	Hết khu quy hoạch phân lô khu dân cư	864	576	432	288
-		Khu quy hoạch	Hồ Xuân Bình	600	480	360	240
5	Đường Bình Thạnh - Lệ Uyên						
-		Đoạn bê tông hóa		720	480	360	240
-		Đoạn còn lại		600	480	360	240
6	Đường Bình Thạnh Nam- Đá Giăng			600	400	300	200
7	Đường kè đầm Cù Mông (phía Tây)						
-		Giáp xã Xuân Lộc	Giáp cầu Xuân Bình - Xuân Hải	1.890	1.050	630	420
-		Giáp cầu Xuân Bình - Xuân Hải	Giáp Quốc lộ 1	1.260	840	630	368
8	Đường kè đầm Cù Mông (phía Đông)			2.160	1.080	600	360
9	Quốc lộ 1D (địa bàn xã Xuân Cảnh)			1.680	1.080	720	420
10	Đường Hòa Mỹ - Hòa Hội - Hòa Lợi			1.560	960	600	360
11	Đường Hòa Phú - Hòa An						
-		Quốc lộ 1D	Giáp đường đi Bãi Tràm	1.365	788	578	368
-		Đi Bãi Tràm	Giáp đồn biên phòng Xuân Hoà	1.155	788	578	368
-		Đồn biên phòng Xuân Hoà	Chợ Hoà An	1.733	945	578	368
12	Đường Hoà Phú - Hoà Thạnh						
-		Hoà Phú Hoà An	Đầu xóm Hoà Thọ	960	600	360	240
-		Đầu xóm Hoà Thọ	Cuối xóm Hoà Thọ	1.040	650	390	260
-		Cuối xóm Hoà Thọ	Giáp cầu Xuân Cảnh	960	600	360	240
13	Đường kè Hoà Lợi			1.000	700	500	300
14	Đường từ ngã 3 Bình Dương đến Trường tiểu học Hòa Lợi	Ngã 3 Bình Dương	Trường tiểu học Hòa Lợi	900	500	300	200
15	Đường giao thông Hòa Phú - Hòa An đến chợ Xuân Hòa	Giao thông Hòa Phú - Hòa An	Chợ Xuân Hòa	1.000	700	500	300
16	Đường chợ Xuân Hòa và Khu dân cư chợ Xuân Hòa			800	500	300	200
17	KDC Bắc Hòa Phú: Đường rộng 3,5m			840			
18	Khu dân cư Nam Hòa Phú - Hòa An						
-	Khu A, đường rộng 10 mét			1.320			
-	Khu C (không tổ chức đấu giá, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường trên địa bàn xã)			720			
-	Đường rộng 10 mét thuộc khu B từ lô số 31 đến lô số 47, (không tổ chức đấu giá, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường trên địa bàn xã)			720			
-	Đường rộng 10 mét còn lại (khu B)			840			
19	KDC thôn Hòa Thạnh (Công trình khép kín): Đường rộng 12m			2.500			
20	KDC thôn Hòa Lợi (Công trình khép kín)						

-	Đường rộng 8 mét			1.200			
-	Đường rộng 12 mét			1.500			
21	Công trình Khép kín KDC Chợ Hòa An: Đường rộng 3,5m			1.680			
22	Khu tái định cư quốc lộ 1, đồng ông Nhỏ, xã Xuân Cảnh: Đường rộng 10m			1.000			
23	Điểm dân cư Bãi Chô, thôn Hòa Lợi						
-	Đường rộng 16m			4.000			
-	Đường rộng 12m			2.400			
24	Điểm dân cư Phía Nam Khu dân cư Hòa Lợi						
-	Đường rộng 12m			2.000			
-	Đường rộng 8m			1.200			
A65	XÃ XUÂN LỘC						
1	Quốc lộ 1						
-		Giáp ranh tỉnh Gia Lai	Trụ sở UBND xã Xuân Lộc	1.200	720	480	360
-		Trụ sở UBND xã Xuân Lộc	Giáp ranh xã Xuân Cảnh	1.560	960	600	360
2	Quốc lộ 1D						
-		Giáp ranh tỉnh Gia Lai	Giáp cây xăng Không Lang	1.820	1.120	700	420
-		Giáp cây xăng Không Lang	Giáp Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp xã Xuân Lộc (xã Xuân Hải cũ) (Trừ đoạn qua KDC Xuân Hải và KDC chợ Xuân Hải)	3.080	1.540	980	700
-		Giáp Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp xã Xuân Lộc (xã Xuân Hải cũ)	Giáp xã Xuân Cảnh	1.820	1.120	700	420
3	Đường Chánh Lộc - Diêm Trường						
-		Giáp quốc lộ 1 đi qua chợ cũ	Ngã ba đường Chánh Lộc - Diêm Trường	1.800	960	600	360
-		Giáp Quốc lộ 1 (ngã ba Hà Dom)	Giáp đầm Cù Mông	1.200	840	600	360
4	Đường lên hồ chứa nước Xuân Bình						
-		Giáp quốc lộ 1	Lô số 1 QHPL khu dân cư	720	480	360	240
-		Đoạn từ giáp lô số 1 QHPL khu dân cư	Giáp ranh xã Xuân Cảnh	600	480	360	240
5	Đường kè đầm Cù Mông						
-		Giáp Quốc lộ 1	Giáp thửa đất nhà ở của ông Trần Đình Phổ	1.440	840	600	360
-		Phía Bắc của nhà ông Trần Đình Phổ	Giáp xã Xuân Cảnh	1.800	960	600	360
6	Khu dân cư chợ Xuân Lộc						
-	Khu D và khu E			5.200			
-	Khu F			4.400			
-	Mặt tiền đường số 8, số 9 và số 10			4.400			
7	Khu dân cư phía Nam đèo Cù Mông, giai đoạn 2						
-	Đường quy hoạch số 2			780			

-	Đường quy hoạch rộng 8m (đường gom 1)			720			
-	Đường quy hoạch rộng 8m (đường gom 2)			600			
8	Khu Tái định cư đường cao tốc Xuân Lộc 1			960	600		
9	Khu Tái định cư đường cao tốc Xuân Lộc 2			960	600		
10	Khu Tái định cư đường cao tốc Xuân Lộc 3			960	600		
11	Đường bê tông GTNT xã Xuân Lộc	Thôn 1	Giáp thôn 5 (từ nhà ông Trần Quý Dạn đến nhà ông Nguyễn Văn Đẻ)	840	560	420	280
12	Đường bê tông GTNT xã Xuân Lộc	Nhà ông Phan Văn Tò	Nhà ông Nguyễn Thanh, thôn 2	840	560	420	280
13	Đường bê tông GTNT xã Xuân Lộc	Giáp QL 1D	Giáp cầu Xuân Lộc - Xuân Cánh	1.120	700	420	280
14	Đường kè đầm Cù Mông	Giáp xã Xuân Cánh	Giáp cầu Xuân Lộc-Xuân Cánh	2.100	1.120	700	420
15	Tuyến đường bê tông Kè biển Thôn 2, xã Xuân Lộc			2.100	1.120	700	420
16	Khu dân cư Xuân Hải (Giai đoạn 1)						
-	Mặt tiếp giáp Quốc lộ 1D			15.000			
-	Đường rộng 20m			12.500			
-	Đường rộng 10m			7.100			
-	Đường N8 rộng 8m			5.000			
17	Khu dân cư Chợ Xuân Hải						
-	Mặt tiếp giáp Quốc lộ 1D			3.300			
-	Đường rộng 20m			2.750			
-	Đường rộng 10m			1.650			
A66	XÃ ĐỒNG XUÂN						
1	Lê Lợi			5.080	3.640	2.160	1.440
2	Lê Thành Phương			2.000	1.400	900	500
3	Lương Tấn Thịnh						
-		Trần Hưng Đạo	Lê Lợi	4.200	3.200	2.100	1.100
-		Lê Lợi	Trường Chinh	3.100	2.100	1.400	900
4	Lương Văn Chánh						
-		Thôn Tân Bình	Trần Hưng Đạo	660	500	330	220
-		Cầu La Hai	Giáp Cầu ông Trung	1.700	1.200	900	500
-		Cầu ông Trung	Giáp xã Xuân Phước	3.200	2.400	1.600	1.000
5	Nguyễn Du			920	580	350	230
6	Nguyễn Hào Sự			3.000	2.300	1.500	900
7	Nguyễn Huệ	Trần Phú	Lương Văn Chánh	3.900	2.800	2.100	1.100
8	Nguyễn Trãi						
-		Nhà máy nước La Hai	Giáp đường Trần Phú	2.730	1.890	1.365	840
-		Trần Phú	Lê Thành Phương	3.255	2.205	1.470	945
9	Phan Lưu Thanh						

-		Trần Hưng Đạo	Cổng trường THCS Phan Lưu Thanh	1.155	790	580	370
-		Cổng trường THCS Phan Lưu Thanh	Khu di tích Phan Lưu Thanh	790	580	420	315
10	Phan Trọng Đường						
-		Trần Hưng Đạo (<i>Đầu nhà ông Tý</i>)	Giáp đường Trần Cao Vân	4.200	3.500	2.000	1.300
-		Trần Cao Vân	Trần Hưng Đạo	4.500	3.100	2.000	1.300
11	Đường số 16	Trần Cao Vân	Trần Hưng Đạo (<i>Nhà ông Lê Ngọc Liêng</i>)	2.300	1.500	900	500
12	Trần Cao Vân						
-		Phan Trọng Đường	Tiếp giáp đường số 16	3.255	2.205	1.470	945
-		Cổng trường THCS Phan Lưu Thanh	Giáp đất ông Nguyễn Giáp	2.625	1.785	1.155	735
13	Trần Hưng Đạo						
-		Giáp thôn Tân An	Cổng chào xã Đồng Xuân (<i>Từ Km Km12+020 (cầu Lỗ Sáu) đến Km13+000</i>)	2.050	1.350	850	500
-		Cổng chào xã Đồng Xuân	Giáp Cầu La Hai (<i>Từ Km13+000 (cổng thoát nước) đến km(14+300) cầu sắt La Hai cũ</i>)	3.150	2.150	1.400	900
-		Cầu La Hai	Tiếp giáp Đường số 16 (<i>Từ Km14+300) Cầu sắt La Hai đến km16+070 Đốc Quận</i>)	5.450	3.900	2.350	1.550
-		Đường số 16	Cổng văn hóa khu phố Long Bình (<i>Từ Km16+070 Đốc Quận đến cổng văn hóa khu phố Long Bình cũ</i>)	3.200	2.400	1.600	950
-		Cổng văn hóa khu phố Long Bình	Đốc Hồ Ó (<i>Giáp Thôn Long Mỹ</i>)	2.250	1.500	900	450
14	Trần Phú						
-		Giáp thôn Phước Huệ	Đường vào bãi rác cũ (<i>trụ km0</i>)	2.000	1.400	900	500
-		Đường vào bãi rác cũ	Nút giao Trần Phú - Nguyễn Huệ	3.400	2.600	1.700	1.000
-		Nút giao Trần Phú - Nguyễn Huệ	Đường Võ Trứ (<i>Trạm bảo vệ thực vật</i>)	5.950	4.250	2.550	1.700
-		Ngã ba đường Trần Phú - đường Võ Trứ (<i>Trạm bảo vệ thực vật</i>)	Giáp chùa Long Hưng	4.000	2.700	1.750	1.100
15	Trường Chinh			4.000	2.700	1.800	1.100
16	Võ Thị Sáu			3.200	2.400	1.600	800
17	Võ Trứ			2.900	2.100	1.400	800
18	Võ Văn Dũng						
-		Lương Văn Chánh	Nguyễn Hào Sự	1.700	1.200	900	500
-		Nguyễn Hào Sự	Giáp xã Xuân Phước	700	500	300	200
19	Đường Khóm 5 - Soi Hợ	Lương Văn Chánh	Giáp thôn Long Hòa	440	330	220	165
20	Ngã ba đường Lê Lợi đến ga La Hai	Ngã ba đường Lê Lợi	Ga La Hai	2.500	1.700	1.200	900
21	Quốc Lộ 19C						
-		Đốc Hồ Ó (<i>giáp thôn Long Bình</i>)	Bi bà Thiết	1.400	1.000	600	400
-		Bi bà Thiết	Cầu Hồ Chông (<i>Long Thạch</i>)	900	700	600	400

-		Cầu Hồ Chông (Long Thạch)	Giáp xã Xuân Lãnh	600	400	300	200
22	Đường giao thông nông thôn						
-		Quốc lộ 19C (Từ ngã 3 thôn Long Mỹ)	Ngã ba nhà bà Nguyễn Thị Lựu	500	400	300	200
-		Ngã ba nhà bà Nguyễn Thị Lựu	Giáp thôn Long Bình	500	400	300	200
-		Quốc lộ 19C (Trụ sở UBND Hạt Kiểm lâm khu vực Đồng Xuân)	Giáp Nhà văn hóa thôn Long Mỹ	500	300	200	150
-		Đường bê tông giao thông nông thôn nội thôn Long Hòa		120	110	100	80
-		Ngã ba (nhà ông Nguyễn Bảy)	Giáp xóm 5 thôn Long Châu	120	110	100	80
-		Ngã ba trường Tiểu học và Trung học cơ sở Xuân Long (Phân trường cấp 2)	Giáp nhà ông Bình (Thôn Long Mỹ)	500	400	300	200
-		Ngã ba Trạm y tế	Giáp tuyến đường ngã ba trường Tiểu học và Trung học cơ sở Xuân Long (Phân trường cấp 2) đến nhà ông Bình (Thôn Long Mỹ)	500	400	300	200
23	Đường La Hai - Đồng Hội						
-		Giáp đường Trần Phú	Ngã tư nhà ông Trần Đức Lộc	605	495	385	275
-		Ngã tư nhà ông Trần Đức Lộc	Nhà ông Hồ Văn Số	660	550	440	330
-		Nhà ông Hồ Văn Số	Trạm bơm Vực Lò	550	440	330	220
-		Trạm bơm Vực Lò	Nhà quản lý nước thôn Phú Sơn	440	330	220	110
-		Nhà quản lý nước thôn Phú Sơn	Giáp xã Phú Mỹ	275	220	165	110
24	Các đường giao thông nông thôn						
-		Ngã ba thôn Phước Huệ (nhà ông Võ Kim Sơn)	Ngã ba thôn Triêm Đức (nhà ông Đỗ Ngọc Nhở)	350	300	200	150
-		Trường tiểu học	Cổng thôn văn hóa thôn Kỳ Đu	450	350	250	150
-		Cổng thôn văn hóa thôn Kỳ Đu	Nhà máy chế biến đá ốp lát Tâm Tín	200	160	120	90
-		Đường Bưu điện văn hóa	Chợ Đồng Tranh cũ	350	300	200	150
-		Nhà ông Nguyễn Hữu Đính	Nhà ông Nguyễn Tấn Đại	450	350	250	200
-		Ngã tư nhà ông Nguyễn Tấn Đại	Gò Cốc	120	110	100	80
-		Ngã tư (nhà ông Nguyễn Hữu Đính)	Trường Hoàng Văn Thụ	450	350	250	200
-		Nhà ông Bình	Nhà ông Nguyễn Khắc Thành	300	200	150	100
-		Nhà ông Phan Văn Thanh	Nhà ông Huỳnh Từ Ngọc Chấn	300	200	150	100
-		Gò Ôi	Trạm bơm nước Gò Ôi	250	200	150	100
-		Nhà ông Nguyễn Văn Phước	Nhà ông Nguyễn Lưu Truyền (Thôn Phước Huệ)	300	200	150	100
-		Nhà ông Huỳnh Văn Mai	Nhà ông Huỳnh Công Thận (Thôn Phước Huệ)	300	200	150	100
-		Nhà ông Đặng Ngọc Hiếu	Nhà ông Nguyễn Văn Thứ	300	200	150	100
-		Nhà ông Nguyễn Quốc Quân	Nghĩa trang nhân dân Huyện	450	350	250	200

-		Nhà văn hóa thôn Triêm Đức	Nhà ông Lê Văn Diệu	300	200	150	100
25	Khu dân cư mới Thôn Triêm Đức			300			
26	Đường ĐT642						
-		Từ km8+000	Cầu Cây Sung	525	420	315	210
-		Cầu Cây Sung	Nhà ông Đỗ Văn Năm	735	525	420	315
-		Nhà ông Đỗ Văn Năm	Đốc Đèo (Nhà ông Phan Văn Núi)	630	525	420	315
-		Đốc Đèo (Nhà ông Phan Văn Núi)	Giáp thôn Long Châu	400	250	200	150
27	Các đường giao thông nông thôn						
-		Đường ĐT642	Chùa Đồng Tròn (nhà bà Lê Thị Sương)	190	160	130	105
-		Chùa đồng tròn (nhà bà Lê Thị Sương)	Đèo ông Tứ (nhà ông Võ Hữu Tâm)	160	130	105	95
-		Đèo ông Tứ (nhà ông Võ Hữu Tâm)	Giáp xã Tuy An Bắc	150	120	100	90
-		Cổng văn hóa thôn Tân Bình	Xóm Gò (nhà ông Võ Hồng Sơn)	260	210	160	105
-		Đường đường đi qua khu dân cư xóm Gò (đoạn từ nhà ông Phan Đình Ba đến nhà ông Đỗ Văn Tân)		260	210	160	105
28	Đường ĐT 641						
-		Giáp ranh xã Tuy An Bắc	Giáp cầu bà Tâm	800	700	500	300
-		Cầu bà Tâm	Cổng trường Tiểu học và THCS Xuân Sơn Nam	1.000	800	500	300
-		Cổng trường Tiểu học và THCS Xuân Sơn Nam	Giáp thôn Long An	800	700	500	300
29	Các đường liên thôn						
-		Đường ĐT 641 (nhà văn hóa Bưu điện)	Cầu sắt Tân Long	800	700	400	300
-		Đường ĐT 641 (nhà bà Sen)	Cầu sắt Tân Long	400	300	200	150
-		Tân Long (trường mẫu giáo Tân Long)	Tân Hòa (Nhà ông Lân)	300	250	200	150
30	Đường ĐT641 - Bầu Nặng						
-		Cầu Tân Vinh	Nhà ông Đạo.	400	300	200	150
-		Nhà ông Đạo	Nhà ông Sứ	350	250	200	150
31	Đường giao thông nông thôn						
-		Đường ĐT 641 (Cầu Chùa)	Cổng ngầm	350	250	200	150
-		Bi Bà Tâm	Nhà ông Liên, Tân Vinh	350	250	200	150
-		Đường ĐT 641 (Bi Bà Xạ)	Nhà ông Tánh (Tân Vinh)	350	250	200	150
-		Nhà ông Thái	Nhà ông Nữ (Tân Vinh)	350	250	200	150
-		Nhà ông Cúc	Giếng vôi (Tân Vinh)	350	250	200	150
-		Đường ĐT 641 (Cầu Mười Yên)	Nhà Bà Lánh (Tân Vinh)	350	250	200	150
32	Đường giao thông nội thôn						
-		Thôn Tân An					
+		Đường ĐT 641 ra sau chùa Tân An	Nhà ông Nguyễn Ngọc Lân	250	200	150	100
+		Nhà văn hóa thôn Tân An	Trạm nước sạch	300	200	150	100

-		Thôn Tân Phú					
+		ĐT 641 (Nhà ông Tháo)	U Hòn Định	300	200	150	100
-		Thôn Tân Vinh 2					
+		Nhà ông Lê Minh Tân	Nhà ông Nguyễn Thanh Châu	300	200	150	100
+		Đường ĐT 641 (Cầu bà Tâm)	Nhà ông Khanh	300	200	150	100
-		Thôn Tân Vinh 2					
+		Nhà văn hóa thôn	Nhà bà Hà Tỵ	250	200	150	100
+		Nhà ông Huỳnh	Nhà ông Lưu Hùng Thiến	250	200	150	100
+		Nhà ông Nguyễn Ngọc Phán	Nhà ông Nguyễn Văn Bình	250	200	150	100
+		Nhà bà Lê Thị Thanh	Nhà ông Lê Văn Đông	250	200	150	100
-		Thôn Tân Vinh 2					
+		Nhà ông Lưu Ngọc Chấn	Nhà ông Đặng Bửu	250	200	150	100
+		Nhà ông Tô Sĩ Liêm	Nhà ông Nguyễn Ngọc Anh	250	200	150	100
+		Đường ĐT 641 (Bi Tàu Ngã)	Nhà ông Ngô Tư	250	200	150	100
33	Khu dân cư mới thôn Tân Vinh			350	250	200	150
34	Hạ tầng kỹ thuật các điểm dân cư tập trung xã Xuân Sơn Nam						
-	Khu số 1: Đường ĐT641	Cổng Trường Tiểu học và THCS Xuân Sơn Nam	Giáp thôn Long An			660	
-	Khu số 5: Đường giao thông nông thôn	Nhà ông Thái	Nhà ông Nữ (Tân Vinh)	1.075			
35	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Tân Vinh						
-	Khu số 1 (Đường ĐT641 - Bầu Nặng)	Nhà ông Đạo	Đến nhà ông Sửu	1.225			
-	Khu số 2 (Đường ĐT641 - Bầu Nặng)	Nhà ông Đạo	Đến nhà ông Sửu	1.225			
-	Khu số 3 (Đường ĐT641 - Bầu Nặng): (đoạn từ nhà ông Đạo đến nhà ông Sửu) và Đường giao thông nông thôn (đoạn từ nhà ông Thái đến nhà ông Nữ (Tân Vinh))			1.387			
36	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư dọc đường La Hai - Đồng Hội						
-	Đường N1			1.000			
-	Đường N2			1.000			
-	Đường D1			1.100			
-	Đường D2			1.000			
37	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư dọc tuyến đường Nguyễn Huệ - Lương Văn Chánh			3.000			
A67	XÃ XUÂN LÃNH						
1	Quốc Lộ 19C						
-		Giáp ranh xã Vân Canh, tỉnh Gia Lai (Đoạn từ Km0 (Mục Thịnh))	Cổng thoát nước nhà bà Nguyễn Thị Bảy	400	300	250	150
-		Cổng thoát nước (nhà bà Nguyễn Thị Bảy)	Cổng thoát nước (nhà ông Bùi Xuân Triều)	600	450	300	150
-		Cổng thoát nước (Nhà ông Bùi Xuân Triều)	Cầu Đá Chát	900	600	450	300
-		Cầu Đá Chát (Nhà máy Fluorit)	Nhà máy Năng Lượng Phú Yên thôn Long Thạch, xã Đồng Xuân	550	300	250	150

2	Đường ĐT 644						
-		Giáp Quốc lộ 19C	Cầu Suối Kỳ	400	300	200	150
-		Cầu Suối Kỳ	Cầu Soi Thầy	350	300	200	150
-		Cầu Soi Thầy	Thôn 1	300	200	150	110
-		Đoạn qua địa bàn thôn 1		350	250	200	100
-		Đoạn qua địa bàn thôn 2		500	350	250	100
-		Đoạn qua địa bàn thôn 3		600	500	350	250
-		Cầu Kỳ Châu (thôn 4)	Nhà máy gỗ Hoàng Tiến	500	400	300	200
3	Đường Lành Vân - Hà Rai						
-		Nhà ông Nguyễn Văn Thành (Mở)	Giáp cầu Hà Rai	250	200	150	100
-		Cầu Hà Rai	Hết thôn Hà Rai	200	150	120	100
4	Đường Lành Vân - Làng Đồng						
-		Đường sắt Bắc Nam	Cầu Suối Khách	340	270	200	140
-		Cầu Suối Khách (<i>ngã ba gò Mã Đông</i>)	Giáp thôn Phú Đồng, xã Phú Mỹ	200	180	160	150
-		Ngã 3 Lành Vân - Làng Đồng (<i>Nhà ông Trịnh Minh Thái</i>)	Nhà ông Nguyễn Văn Lý	200	150	120	100
5	Đường Da Dù - Lành Cao			180	160	140	130
6	Đường liên thôn						
-		Đường ĐT 644	Ngã 3 Lành Tú, Da Dù	350	250	200	150
-		Ngã 3 Lành Tú, Da Dù	Khu Nông Khuya Da Dù (<i>Nhà ông Mang Hải và Nguyễn Văn Long</i>)	350	250	200	150
-		Ngã 3 Lành Tú, Da Dù	Hết thôn Lành Tú (<i>Nhà ông Nguyễn Văn Trung</i>)	350	250	200	150
-		ĐT 644	Nhà Thái Hòa Đình	300	250	150	100
-		Quốc lộ 19C	Chợ Mới (<i>giáp nhà ông Nguyễn Xuân Tùng</i>)	500	400	300	200
-		Chợ Mới (<i>giáp nhà ông Nguyễn Xuân Tùng</i>)	Giáp đường ĐT 644	300	200	150	100
-		Các đường giao thông nông thôn thuộc thôn 2, 4		200	140	120	100
-		Các đường giao thông nông thôn thuộc thôn 3		250	200	150	100
-		Các đường giao thông nông thôn thuộc thôn 1, 5		100	90	80	70
7	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Lành Trường						
-	Tuyến T1			500			
-	Tuyến T2			600			
A68	XÃ PHÚ MỸ						
1	Đường ĐT 647						
-		Giáp xã Xuân Phước	Cầu tràn dốc ông Thảo	400	300	200	150
-		Cầu tràn dốc ông Thảo	Cầu tràn Suối Trắng	550	400	300	150
-		Cầu tràn Suối Trắng	Cầu ông Chung	700	550	400	300
-		Cầu ông Chung	Giáp Phú Mỹ	400	300	200	150
2	Đường Xuân Phước - Phú Hải	Đường ĐT 647	Đường ĐT 646	200			
3	Đường La Hai - Đồng Hội:						

-		Giáp xã Xuân Quang 2 cũ	Hết đường La Hai - Đồng Hội	300	250	200	145
4	Đường cầu Đồng Hội						
-		Nút giao đường ĐT 647	Cầu Đồng Hội	500	400	300	150
-		Cầu Đồng Hội	Ngã ba cầu Đồng Hội	400	300	200	145
5	Các đường giao thông nông thôn						
-		Ngã 3 thôn Kỳ Lộ (<i>Nhà bà Thúy</i>)	Ngã 3 nhà ông Trần Văn Lâu	550	400	300	150
-		Nhà ông Trần Văn Lâu	Nhà Trần Thị Cây	200	150	120	100
-		Trường Mầm non xuân Quang 1	Nhà ông Hồ Trọng Khanh	200	150	120	100
-		Chợ Suối Cối một	Nhà ông Phan Thế Vinh	200	150	120	100
-		Đoạn đường đi Xóm Lộn Hiệu		450	300	250	100
-		Nhà ông Phan Văn Minh	Nhà bà Nguyễn Thị Hương (<i>Đoạn ĐT647 cũ qua thôn Suối Cối 1</i>)	400	300	200	100
-		Nhà ông Huỳnh Thanh Tám	Nhà ông Đỗ Khắc Mai (<i>Đoạn ĐT647 cũ qua thôn Suối Cối 1</i>)	400	300	200	100
-		Ngã 3 Trường Tiểu học Xuân Quang 1	Nhà ông Lê Văn Tính	200	150	100	80
-		Đường nội thôn Kỳ Lộ: Đoạn từ nhà ông Trần Văn Tứ	Giáp HTX Xuân Quang 1	400	300	200	100
-		Nhà ông Nguyễn Quả	Giáp nhà ông Phan Quốc Tuấn	200	150	100	80
-		Ngã 3 nhà ông Nguyễn Ngọc Thành	Nhà ông Cao Văn Minh (<i>Đoạn ĐT647 cũ qua thôn Kỳ Lộ</i>)	400	300	200	100
-		Suối Cây Cau	Giáp ngã 3 đi Cao Su (<i>Đoạn ĐT647 cũ qua làng Bà Đầu thôn Phú Tâm</i>)	200	150	120	90
-		ĐT647	Giáp đường nội thôn làng Bà Đầu thôn Phú Tâm	200	150	120	90
-		Đường nội thôn phía sau UBND Xã (Đoạn từ ngã ba ĐT647 trụ sở Công An xã đến ĐT647 Bưu điện)		400	300	200	100
6	Đoạn từ ĐT647 đến giáp thao Trường Bản	Đường ĐT647	Giáp thao Trường Bản	350	250	200	150
7	Đường ĐT 647						
-		Suối Cà Ton	Dốc Ruộng (<i>cuối thôn Phú Tiến</i>)	190	150	130	105
-		Dốc Ruộng	Ngã Tư Thôn Phú Lợi	250	190	150	120
-		Suối Mỏ O	Chợ Phú Mỹ	250	190	150	120
8	Đường liên thôn						
-		Đường nội thôn Phú Đồng		150	130	120	105
-		Đường nội thôn Phú Hải		150	130	120	105
9	Đường liên thôn Phú Lợi - Phú Hải	Ngã tư Phú Lợi	Cầu Suối Gấm	200	147	126	85
10	Đường từ ngã Ba Phú Tiến	Ngã Ba đường ĐT 647	Dốc Mỏ Côi	190	137	116	85
A69	XÃ XUÂN PHƯỚC						
1	Quốc Lộ 19C						
-		Đèo Ngang - giáp xã Đồng Xuân	Cầu Ông Dương	890	630	370	260

-		Cầu Ông Dương	Cầu Suối Ré	1.260	890	630	370
-		Cầu Suối Ré	Nhà ông Nguyễn Văn Phụng	800	600	400	300
-		Nhà ông Nguyễn Văn Phụng	Cầu Suối Bà Sào	760	580	420	315
-		Suối Bà Sào (giáp thôn Phước Nhuận)	Cầu Suối Muồng	760	580	420	315
-		Cầu Suối Muồng	Cầu Hàm Dài - Phú Hội	680	470	370	260
-		Hàm Dài - Phú Hội	Giáp xã Văn Hoà, tỉnh Đắk Lắk	370	315	210	105
2	Đường Phước Lộc đến A20						
-		Quốc Lộ 19C	Kênh N2	840	630	420	315
-		Kênh N2	Đường ĐT 647	525	420	315	210
3	Đường dọc theo kênh mương N2	Đội 4 Phước Nhuận	Đội 7 Phước Lộc	370	260	210	105
4	Đường liên xã Long Hà - Phước Lộc	Nhà bà Trần Thị Thu Hiền	Giáp xã Đồng Xuân	735	525	370	260
5	Các đường giao thông nông thôn						
-		Nhà Ông Chấn	Đi Suối Ré	420	260	210	160
-		Quốc Lộ 19C (nhà Tạ Thị Bê)	Nhà Hồ Thị Nhung	315	260	210	160
-		Quốc Lộ 19C (nhà Mai Xuân Hùng)	Nhà Phạm Văn Tiến	370	260	210	160
-		Quốc Lộ 19C (nhà Lý Thu Cường)	Nhà Trần Minh Trung	315	260	210	160
-		Quốc Lộ 19C (nhà Huỳnh Thị Thông)	Suối sâu	315	260	210	160
-		Quốc Lộ 19C (nhà Trần Vũ Đại)	Giáp đường Phước lộc-A20	370	260	210	160
-		Quốc Lộ 19C (nhà Trần Văn Thọ)	Kênh N2	260	210	180	150
-		Quốc Lộ 19C (nhà Phan Văn Trương)	Kênh N2	260	210	180	150
-		Quốc Lộ 19C (Nhà Nguyễn Ngọc Hòa)	Kênh N2 (Đường từ đường ĐT 642 (Nhà Nguyễn Tri Phường) đến kênh N2 cũ)	260	210	180	150
-		Quốc Lộ 19C (nhà Đỗ Nhơn)	Nhà Võ Thị Hương	260	210	180	150
-		Quốc Lộ 19C (nhà Đỗ Văn Trinh)	Nhà ông Xu	260	210	180	150
-		Phước Lộc - A20 (nhà Nguyễn T Kinh Thái)	Nhà Võ Thị Yến	260	210	180	150
-		Phước Lộc - A20 (nhà Nguyễn Khánh Quốc)	Nhà Trần Việt Hùng	260	210	180	150
6	Khu dân cư Thạnh Đức			200			
7	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Xuân Quang 3	Cầu tràn Suối Ré	Cầu tràn Suối Bà Sào (giáp xã Xuân Phước)	4.320	2.760		
8	Đường ĐT 647						
-		Ngã tư Phước Hòa	Nhà bà Nguyễn Thị Kim Anh	735	525	420	315
-		Giáp Quốc lộ 19C (Nhà ông Nguyễn Đức Hiền)	Nhà ông Nguyễn Tấn Hiền	840	630	420	315
-		Nhà ông Nguyễn Tấn Hiền	Trại A20	630	525	420	315
-		Trại A20	Giáp xã Phú Mỹ, tỉnh Đắk Lắk	420	315	210	160

9	Các đường giao thông nông thôn						
-		Ngã ba A20	Giáp thôn Thạnh Đức	525	420	260	160
-		Phòng khám khu vực Xuân Phước	Ngã tư Phú Hội	370	315	210	160
-		Khu tập thể lâm trường cũ	Nhà Ông Đặng Quốc Quát	735	525	420	315
-		Nhà Ông Nguyễn Khắc Minh	Cầu Suối Tía	680	525	420	315
-		Đường Phú Xuân B - Đồng Bò: Đoạn từ cầu ông Tư	Công Hồ chứa nước Phú Xuân	370	260	210	160
-		Quốc Lộ 19C	Đi Cai Thắng (điểm cuối nhà ông Lê Văn Tiến)	350	300	200	150
-		Đường ĐT647	Đi Xóm Đồng Bè - Phú Xuân B Xuân Phước	300	250	150	100
-		Quốc Lộ 19C	Đi cây xoài (Nhà ông Nguyễn Thắng)	400	300	250	150
10	Các điểm dân cư thuộc trung tâm xã Xuân Phước						
-	Khu số 1						
+	Đường rộng 12m			400			
+	Đường rộng 7,5m			350			
-	Khu số 2			400			
-	Khu số 3						
+	Đường rộng 12m			600			
+	Đường rộng 7,5m			500			
11	Đường đi từ nhà bà Trương Thị Mỹ Lệ (Giáp đường ĐT 647) đến nhà ông Trần Xuân Phương	Nhà bà Trương Thị Mỹ Lệ (Giáp đường ĐT 647)	Nhà ông Trần Xuân Phương	350	250	200	150
12	Đường đi từ nhà ông Nguyễn Ngọc Tuấn đến nhà bà Nguyễn Thị Lệ Hoa (Đường đi Xóm Vườn Cụt).	Nhà ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Nhà bà Nguyễn Thị Lệ Hoa (Đường đi Xóm Vườn Cụt).	300	220	150	100
13	Đường đi từ đường bê tông (từ ĐT647 đi Xóm Đồng Bò) đi xóm Đồng Đá (điểm cuối nhà ông Nguyễn Văn Lúa).	Đường bê tông (từ ĐT647 đi Xóm Đồng Bò)	Xóm Đồng Đá (Điểm cuối nhà ông Nguyễn Văn Lúa)	250	200	120	100
14	Đường đi Xóm Soi từ nhà ông Trình Văn Thụ (Giáp đường Quốc lộ 19C) đến nhà ông Trình Dương Quốc	Đi Xóm Soi từ nhà ông Trình Văn Thụ (Giáp đường Quốc lộ 19C)	Nhà ông Trình Dương Quốc	250	200	120	100
15	Đường từ Quốc Lộ 19C (nhà Huỳnh Văn Chính) đến Kênh mương N2	Quốc Lộ 19C (nhà Huỳnh Văn Chính)	Kênh mương N2	260	210	180	150
16	Đường từ nhà ông Nguyễn Như Phi - Đội 4 đến giáp suối Bà Sào	Nhà ông Nguyễn Như Phi - Đội 4	Giáp suối Bà Sào	260	210	180	150
17	Đường từ Quốc Lộ 19C (nhà bà Nguyễn Thị Khiêm) đến nhà ông Huỳnh Xuân Lành	Quốc Lộ 19C (nhà bà Nguyễn Thị Khiêm)	Nhà ông Huỳnh Xuân Lành	260	210	180	150
18	Đường từ Quốc Lộ 19C (nhà bà Tô Thị Long) đến nhà bà Lê Thị Kim Phượng và ông Lê Hữu Phúc	Quốc Lộ 19C (nhà bà Tô Thị Long)	Nhà bà Lê Thị Kim Phượng và ông Lê Hữu Phúc	260	210	180	150
19	Đường từ Quốc Lộ 19C (nhà ông Nguyễn Hộ) đến nhà ông Trần Quang Xuân và Trình Minh	Quốc Lộ 19C (nhà ông Nguyễn Hộ)	Nhà ông Trần Quang Xuân và Trình Minh	260	210	180	150
20	Đường từ Quốc Lộ 19C (nhà ông Nguyễn Hộ) đến nhà ông Trần Văn Tỵ	Quốc Lộ 19C (nhà ông Nguyễn Hộ)	Nhà ông Trần Văn Tỵ	260	210	180	150

A70	XÃ PHÚ HÒA 1						
1	Quốc lộ 25						
-		Lương Văn Chánh		5.100	3.400	2.200	1.400
-		Ga Đèo	Ranh giới xã Hòa Định Tây cũ	2.600	1.700	1.100	750
-		Đường cao tốc Bắc-Nam	Trụ Km8	4.800	3.200	2.100	1.350
-		Trụ Km8	Trụ Km9	5.600	3.700	2.400	1.550
-		Trụ Km 9	Giáp ranh giới Thị trấn Phú Hòa cũ	3.200	2.100	1.300	850
-		Ranh giới thị trấn Phú Hòa cũ	Trụ Km22	1.800	1.200	750	500
-		Trụ Km22	Phía đông xã Hòa Hội (cũ)	1.500	1.000	650	450
-		Ranh giáp phía đông xã Hòa Định Tây	Trụ Km22	2.500	1.600	1.000	700
-		Ranh giới Hòa Định Tây - Hòa Hội	Trụ Km28	800	500	350	200
-		Km28	Km29 +600	3.200	2.100	1.350	900
-		Km29 +600	Ranh giới xã Sơn Hà cũ	1.300	800	550	400
2	Đường ĐH 21						
-		Phía tây cao tốc Bắc Nam	Quốc lộ 25	2.600	1.600	1.100	750
3	Đường ĐH 24	Cầu Đông Lộ	Ranh giới xã Hòa Trị cũ	2.700	1.800	1.100	750
4	Đường ĐH 25						
-		Đường ĐH 27	Ranh giới xã Hòa Định Đông cũ	5.100	3.400	2.200	1.450
-		Kê dọc sông Ba	Đường ĐH 27	3.400	1.700	1.200	850
-		Ranh giới xã Hòa Định Đông cũ	Ranh giới xã Hòa Quang Nam cũ (<i>trừ phía tây đường của đoạn tiếp giáp khu dân cư phía Tây trường Trần Quốc Tuấn</i>)	2.800	1.800	1.000	700
-		Ranh giới xã Hòa Thắng cũ	Nhà ông Nguyễn Văn Phúc	3.000	2.000	1.200	800
-		Nhà ông Nguyễn Văn Phúc	Ranh giới xã Hòa Quang Nam cũ	2.800	1.800	1.000	700
5	Đường ĐH 27						
-		Ranh giới phía Đông xã Hòa Thắng cũ	Ranh giới phía tây Hòa Thắng cũ	2.400	1.500	1.000	650
-		Ranh giới phía tây Hòa Thắng cũ	QL 25	2.000	1.400	950	600
-		Phía tây cao tốc Bắc Nam	Giáp phía đông xã Hòa Thắng cũ	3.500	2.500	1.800	1.300
6	Đường ĐH 28						
-		Quốc lộ 25	Giáp xã Hòa Định Đông cũ	2.000	1.400	1.000	700
-		Ranh giới phía Nam Hòa Định Đông cũ	Giáp xã Hòa Quang Nam cũ	2.000	1.400	1.000	700
7	Đường ĐH 29						
-		Ranh giới đường Ga Đèo	Ranh giới xã Hòa Định Đông cũ	3.000	2.500	2.000	1.500
-		Ranh giới phía Nam Hòa Định Đông cũ	Giáp xã Hòa Quang Nam cũ	1.700	1.200	700	500
8	Đường ĐH 30			1.200	800	500	300
9	Trần Suyễn			4.600	2.600	1.500	1.000
10	Võ Nguyên Giáp			5.100	3.200	2.200	1.350

11	Đường Ga Đèo đến giáp đường bao phía Đông			5.100	3.400	2.200	1.450
12	Đường Trần Hào			4.800	3.100	2.000	1.300
13	Đường nội bộ Nguyễn Công Nhân - Lương Văn Trục - Lê Thông - Đào Tân Tú - Dương Văn Khoa; Nguyễn Công Nhân - Võ Thượng Khải; Nguyễn Thế Bảo - Trần Rền - Lương Văn Cường - Phan Lưu Thanh - Đặng Đức Vĩ - Lương Phụng Tường - Nguyễn Quang Huy						
-	Đường rộng từ 11,5m trở lên			4.100			
-	Đường rộng dưới 11,5m			3.200			
14	Đường nội bộ Khu dân cư NLK4 thị trấn Phú Hòa - giai đoạn 1 (sau khi đã đầu tư xây dựng xong hạ tầng theo quy hoạch đã được duyệt)						
-		Đường NB-1 rộng 13,5m: Đoạn từ đường NB-2	Đường D3	2.300			
-		Đường NB-2 rộng 14m: Đoạn từ đường Đông - Tây nối dài (đường N7)	Đường NB-1	2.300			
-		Đường D3 rộng 19 m: Đoạn từ đường Đông - Tây nối dài (đường N7)	Đường NB-1	2.400			
15	Đường giao thông Hoà Quang Bắc - Hoà Quang Nam (Đoạn Hoà Định Đông - thị trấn)			2.100	1.400	900	600
16	Đường từ trường THCS đến giáp đường Hòa Quang Bắc - Hòa Quang Nam (đoạn Định Đông - thị trấn)	Trường THCS	Giáp đường Hòa Quang Bắc - Hòa Quang Nam	2.000	1.300	800	500
17	Đường từ nhà ông Võ Tâm Tư đến giáp đường giao thông Hoà Quang Bắc - Hoà Quang Nam (đoạn Hoà Định Đông - thị trấn)	Nhà ông Võ Tâm Tư	Giáp đường giao thông Hoà Quang Bắc - Hoà Quang Nam (đoạn Hoà Định Đông - thị trấn)	2.500	2.000	1.200	900
18	Đường D3			2.500	2.000	1.200	900
19	Đường D5	Cầu QL 25	Xóm Bàu	2.500	2.000	1.200	900
20	Đường N4			2.500	2.000	1.200	900
21	Đường R4			2.500	2.000	1.200	900
22	Đường G49-G64			2.500	2.000	1.200	900
23	Đường Kè dọc Sông Ba: Đoạn đã đầu tư hạ tầng			2.200	1.700	1.300	1.000
24	Dự án: Khép kín khu dân cư phía Nam ngã tư Quốc lộ 25 - ĐH 25 thôn Phong Niên						
-	Đường ĐH 25 (Đoạn từ đường ĐH 27 đến ranh giới xã Hòa Định Đông)			8.863			
-	Đường N1; N2; N3; D1 rộng 11,5m			7.550			
25	Mở rộng khép kín khu dân cư phía Tây chợ Phong Niên						
-	Đường QH4			10.000			
-	Đường QH3			9.000			
-	Đường QH8			8.500			
-	Đường QH1, QH2			8.500			
-	Đường QH5, QH6, QH7			7.500			

26	Đường vào làng nghề bún Định Thành từ đường ĐH 25 đến UBND xã	ĐH 25	UBND xã	1.700	1.100	750	450
27	Đường ô tô đến trung tâm xã Hòa Định Đông						
-		Kênh N1	Cầu ông Chùng	1.700	1.100	700	450
-		Cầu ông Chùng	Chùa An Thành	1.900	1.200	850	500
-		Cổng Văn hóa Định Thành	Chợ Lò Tre	1.700	1.100	700	450
-		Chợ Lò Tre	Cầu Dư Trường	1.700	1.100	700	450
-		Chợ Lò Tre	Nhà ông Nguyễn Huệ	1.700	1.100	700	450
28	Đường liên xã Hòa Quang Bắc - Hòa Quang Nam - Hòa Định Đông	Ranh giới Hòa Quang Nam cũ	Thôn Định Thái				
-		Giáp ranh đường Trần Suyễn	Ngã tư đường từ THCS đến đường Hòa Quang Bắc - Hòa Quang Nam	4.600	2.600	1.500	1.000
-		Ngã tư đường từ trường THCS	Đường Hòa Quang Bắc - Hòa Quang Nam đến giáp ranh Hòa Quang Nam cũ	1.700	1.100	700	450
29	Khép kín khu dân cư xã Hòa Định Đông (Đối diện trường Trần Quốc Tuấn)						
-	Đường ĐH 25: Đoạn qua khu dân cư			9.000			
-	Đường D2, D3			8.000			
-	Các đường nội bộ còn lại			7.000			
30	Đường liên thôn Cẩm Thạch - Phú Sen (Trừ Khép kín Khu dân cư Chùa Tuyết Lãnh Sơn, thôn Cẩm Thạch)			1.800	1.300	800	550
31	Đường bờ vùng hàng dừa (Trừ Khép Khu dân cư thôn Cẩm Thạch (Cửa hàng HTX đến nhà ông Gộc))			1.400	900	600	400
32	Đường từ cầu UBND xã đến Đường liên thôn Cẩm Thạch, Phú Sen (Trừ Khép kín khu dân cư đối diện nhà văn hóa thôn Phú Sen Đông)			1.800	1.300	800	550
33	Đường bờ vùng sân kho 3 từ quốc lộ 25 đến đường liên thôn	QL25	Đường liên thôn	1.400	900	600	400
34	Đường bờ vùng suối bà Lượng từ quốc lộ 25 đến đường liên thôn	QL25	Đường liên thôn	1.400	900	600	400
35	Khép kín khu dân cư đối diện nhà văn hóa thôn Phú Sen Đông			1.800	1.300	800	550
36	Khép Khu dân cư thôn Cẩm Thạch (Cửa hàng HTX đến nhà ông Gộc)						
-	Đường bờ vùng hàng dừa: Đoạn qua khu dân cư			1.400			
-	Đường dọc kênh N2			1.000			
37	Khép kín Khu dân cư Chùa Tuyết Lãnh Sơn, thôn Cẩm Thạch						
-	Đường liên thôn Cẩm Thạch - Phú Sen: Đoạn qua khu dân cư			1.800			
38	Đoạn từ Quốc lộ 25 đến Nhà Rông	Quốc lộ 25	Nhà Rông	1.000	700	450	250
39	Đoạn từ Quốc lộ 25 đến xóm Bền	Quốc lộ 25	Xóm Bền	1.000	700	450	250

40	Đường Kè dọc Sông Ba: Đoạn đã đầu tư hạ tầng			2.200	1.700	1.300	1.000
A71	XÃ PHÚ HÒA 2						
1	Đường ĐH 22 (Trừ dự án: Khép kín khu dân cư phía Đông trường Tiểu học Hòa Trị 2 và Khép kín khu dân cư Chu Me - Hạnh Lâm, xã Hòa Quang Bắc)						
-		Cao tốc Bắc - Nam	Ranh giới xã Hòa Quang Nam	5.400	3.200	1.800	1.250
-		Ranh giới xã Hòa Trị	Cây xăng Hòa Quang Nam	3.000	2.100	1.500	1.100
-		Cây xăng Hòa Quang Nam	Cầu Bà Bông	4.000	2.800	2.000	1.400
-		Cầu Bà Bông	Đền dốc Hào Hai	2.200	1.500	1.100	800
-		Dốc Hào Hai	Giáp ranh kênh N1	2.000	1.300	850	500
2	Đường ĐH 22B						
-		Đường ĐH 22 đi Bàu Trông	Giáp ranh xã Hòa Quang Nam cũ	1.200	800	500	350
-		Đoạn giáp ranh xã Hòa Quang Bắc cũ và xã Hòa Định Đông cũ		2.000	1.600	1.300	1.000
3	Đường ĐH 24 (Trừ dự án khép kín Khu dân cư phía Tây nhà ông Tô Thắng - Phụng Tường 1)	Đường ĐH 22	Ranh giới xã Hòa Thắng cũ	2.300	1.600	1.100	800
4	Đường ĐH 25	Ranh giới Hòa Định Đông cũ	Ranh giới xã Hòa Quang Bắc cũ	2.800	2.200	1.800	1.400
5	Đường ĐH 25B						
-		Xã lộ 22	Cầu Vôi núi Miếu	1.500	1.100	800	600
-		Cầu Vôi núi Miếu	Ranh giới kênh N1	1.500	1.100	800	600
6	Đường ĐH 26	Đường ĐH 22	Dọc Kênh N1	1.900	1.300	800	550
7	Đường ĐH 28						
-		Giáp ranh xã Hòa Quang Nam cũ	Đường ĐH 26	1.500	1.000	700	500
-		Ranh giới xã Hòa Định Đông cũ	Giáp xã Hòa Trị cũ	1.600	1.100	800	550
8	Đường ĐH 29						
-		Ranh giới xã Hòa Định Đông cũ	Giáp xã Hòa Quang Bắc cũ	1.400	1.000	650	400
-		Ranh giới xã Hòa Quang Bắc cũ	Giáp xã Hòa Kiến cũ	1.500	1.000	700	500
-		Ranh giới xã Hòa Quang Nam cũ	Giáp xã Hòa Trị cũ	1.500	1.100	800	600
9	Khu dân cư thôn Phụng Tường 1						
-	Đường ĐH 24: Đoạn qua Khu dân cư thôn Phụng Tường 1			4.500			
-	Đường số 1						
+	Đoạn bề rộng 9m			3.800			
+	Đoạn bề rộng 5m			2.600			
-	Đường số 2 và đường số 3 rộng 9m			3.800			
10	Dự án khép kín Khu dân cư phía Tây nhà ông Tô Thắng - Phụng Tường 1						
-	Đường ĐH 24: Đoạn qua khu dân cư			8.000			
-	Đường nội bộ rộng 7,5m			5.000			

11	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên						
-	Trục đường chính						
+	Đoạn từ Kênh N1 đến cầu Suối Mốc			1.500	900	600	350
+	Đoạn từ cầu Suối Mốc đến Hồ Lô Chải 1			1.000	700	500	350
-	Đường D2, D4			1.200			
-	Đường N2, N5, N6, N7, N10 (rộng 11,5m)			1.000			
-	Đường N4			1.000			
12	Đường nội bộ trong Khu tái định cư thuộc Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên						
-	Đường số 3; đường số 4; đường số 5 rộng 6m			900			
13	Khép kín khu dân cư Chu Me - Hạnh Lâm, xã Hòa Quang Bắc			7.900			
14	Đường kết nghĩa xã Hòa Quang Nam						
-		Ngã ba nhà 5 Hiệu	Kênh N3	1.600	1.100	700	500
-		Kênh N3	Ngã ba cầu Phú Thạnh	2.000	1.600	1.300	1.000
-		Cầu Phú Thạnh	Tổ hợp tác Sơn Phú	1.000	600	500	300
15	Khép kín khu dân cư ngã tư ĐH 25 đường liên xã đến chợ Quang Hưng	Ngã tư Đh 25 đường liên xã	Chợ Quang Hưng	6.000			
16	Khu tái định cư xã Hòa Trị (Thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đoạn thuộc địa phận huyện Phú Hòa thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)						
-	Đường nội bộ rộng 16m			1.400			
-	Đường nội bộ rộng 11m			1.200			
A72	XÃ TÂY HÒA						
1	Quốc lộ 29						
-		Ga Gò Mắm	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	6.000	3.600	2.200	1.300
-		Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Vòng xuyến Cầu Dinh Ông (Đoạn từ trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai đến giáp ranh xã Hòa Phong cũ)	3.600	2.400	1.450	850
-		Vòng xuyến Cầu Dinh Ông	Hết khu dân cư mới Chùa Mỹ Quang (Đoạn từ Cầu Ga, Mỹ Thạnh Đông I đến hết khu dân cư mới Chùa Mỹ Quang cũ)	2.400	1.500	1.100	500
-		Chùa Mỹ Quang	Giáp ranh xã Sơn Thành (Đoạn từ chùa Mỹ Quang đến giáp ranh xã Hòa Phú cũ)	1.700	1.150	650	400
-		Cầu Gò Mắm mới	Giáp phía Tây Trường THCS Phạm Đình Quy	5.400	3.200	2.000	1.250
-		Giáp phía Tây Trường THCS Phạm Đình Quy	Cầu Tạ Bích	3.000	1.800	1.150	700
-		Cầu Tạ Bích	Giáp đường bê tông phía Đông nhà ông Đặng Văn Quế	2.600	1.600	1.100	650

-		Đường bê tông phía Đông nhà ông Đặng Văn Quế	Giáp ranh phường Đông Hòa (Đoạn từ đường bê tông phía Đông nhà ông Đặng Văn Quế đến giáp ranh xã Hòa Tân Đông, thị xã Đông Hòa cũ)	1.800	1.200	750	450
-		Ga Gò Mắm cũ	Giáp Quốc lộ 29 mới	3.200	2.000		
2	Đường ĐT 645						
-		Cao tốc Bắc - Nam	Cầu Bà Kế	2.500	1.500	1.100	700
-		Cầu Bà Kế	Công chào thôn Phước Mỹ Tây	2.200	1.400	1.000	550
-		Ga Gò Mắm	Công chào thôn Phước Mỹ Tây (Đoạn từ Ga Gò Mắm đến Nhà ông Trọng cũ)	3.600	2.400	1.450	850
3	Đường dọc theo bờ kênh Nam						
-		Ga Gò Mắm	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai (Đoạn từ ga Gò Mắm đến cổng văn hóa khu phố Mỹ Lệ Tây và Đoạn từ khu phố Mỹ Lệ Tây đến trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai - Gộp đoạn)	3.300			
-		Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Vòng xuyên Cầu Dinh Ông (Đoạn từ trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai đến giáp xã Hòa Phong cũ)	2.600			
-		Vòng xuyên cầu Dinh Ông	Chùa Mỹ Quang (Đoạn từ giáp ranh thị trấn Phú Thứ đến cầu Ga Mỹ Thạnh Đông 1 và Đoạn từ Cầu Ga Mỹ Thạnh Đông 1 đến hết khu dân cư mới chùa Mỹ Quang - Gộp đoạn)	900	750		
-		Chùa Mỹ Quang	Giáp ranh xã Sơn Thành (Đoạn từ chùa Mỹ Quang đến giáp ranh xã Hòa Phú cũ)	800	650		
4	Đường liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh						
-		Cầu Phú Thứ	Vũng Trắng	7.200	4.300	2.550	1.600
-		Vũng Trắng	Giáp ranh xã Hòa Thịnh (Đoạn từ Vũng Trắng đến giáp ranh xã Hòa Đông cũ)	4.800	2.900	1.750	1.100
5	Đường liên thôn						
-		Bur điện	Nhà ông Trương Công Bình	2.500	1.700	1.000	600
-		Nhà ông Trương Công Bình	NVH thôn Mỹ Lệ Tây	2.000	1.200	850	600
-		NVH thôn Mỹ Lệ Tây	Nhà ông Lê Cai thôn Phước Mỹ Tây (Đoạn từ NVH khu phố Mỹ Lệ Tây đến giáp xã Hòa Bình 1 cũ)	1.950	1.200	750	600
6	Đường NB2 Phú Thứ (Đường nội thị trung tâm thị trấn Phú Thứ cũ)			7.200	5.400	3.600	2.400
7	Đường từ cầu Ông Cũ đến chùa Phước Hưng	Cầu Ông Cũ	Chùa Phước Hưng	1.400	800	600	400
8	Đường từ cây xăng đến trường tiểu học điểm Phước Thịnh	Cây xăng	Trường tiểu học điểm Phước Thịnh	1.400	800	600	400
9	Đường từ chợ Phú Thứ đến nhà ông Dương Lặc	Chợ Phú Thứ	Nhà ông Dương Lặc	1.600	900	700	500
10	Đường từ ĐT 645 đến nhà ông Lê Văn Mãn	ĐT 645	Nhà ông Lê Văn Mãn	1.400	800	600	400

11	Đường từ QL 29 đến nhà ông Lê Cai thôn Phước Mỹ Tây (Đường từ ĐT 645 đến Trường tiểu học điểm Phước Mỹ Tây cũ)	QL 29	Nhà ông Lê Cai thôn Phước Mỹ Tây	1.400	800	600	400
12	Đường từ QL 29 đến nhà Võ Thị Trang Lệ	QL 29	Nhà Võ Thị Trang Lệ	1.400	800	600	400
13	Đường từ QL 29 đến cầu Tám Trâu	QL 29	Cầu Tám Trâu	1.500	900	600	450
14	Đường từ NB2 phú thứ đến nhà nghỉ Thảo Mơ	NB2 Phú Thứ	Nhà nghỉ Thảo Mơ	1.400	800	550	400
15	Đường từ Trung tâm GDNN-GDTX huyện đến chùa Phước Quang	Trung tâm GDNN-GDTX huyện	Chùa Phước Quang	1.400	800	600	400
16	Đường từ trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai đến nhà bà Giới	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Nhà bà Giới	1.400	800	600	400
17	Đường đoạn từ phía Nam chợ Phú Thứ đến cầu Trường tiểu học thôn Phú Khánh	Phía Nam chợ Phú Thứ	Cầu Trường tiểu học thôn Phú Khánh	1.400	800	600	400
18	Khu Tái định cư Phú Thứ (Khu Tái định cư thị trấn Phú Thứ cũ)						
-	Đường số 4; Đường số 9 (N6), Đường số 7, Đường số 1; Đường số 3, Đường số 8, Đường số 12, Đường số 14			2.000			
-	Đường số 16 (NB2-1); Đường số 6 (NB2-2)			2.500			
-	Đường số 10; Đường số 5; Đường ĐT 1-2			3.000			
19	Khu dân cư: Đoạn từ Siêu thị Hiệp Hòa Bình đến phía Tây Trung tâm GDNN-GDTX huyện						
-	Đường D1, D2, N2			8.200			
-	Đường N3 (đường gom)			9.600			
-	Đường N1, D3			10.000			
20	Tuyến đường từ đường ĐT 645 đến Trường THCS Nguyễn Anh Hào	Đường ĐT 645	Trường THCS Nguyễn Anh Hào	1.400	1.050	650	400
21	Đường từ ĐT645 (cổng chào thôn Nông Nghiệp) đến cầu Cảnh Phước, phường Đông Hòa	Đường ĐT645 (cổng chào thôn Nông Nghiệp)	Cầu Cảnh Phước, phường Đông Hòa	1.100	800	500	300
22	Đường từ cầu Chân Tinh (ĐT 645) đến Cầu Tạ Bích (QL 29)	Cầu Chân Tinh (ĐT 645)	Cầu Tạ Bích (QL 29)	1.100	800	500	300
23	Đường nội bộ Khu tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam	Đường rộng 12m		1.265			
24	Đường từ Cổng chào thôn Lạc Nghiệp đến nhà ông Ngô Thanh Việt	Cổng chào thôn Lạc Nghiệp	Nhà ông Ngô Thanh Việt	1.100	800	600	300
25	Đường từ Cổng chào thôn Phước Mỹ đến nhà ông Lê Trọng Mẫn	Cổng chào thôn Phước Mỹ	Nhà ông Lê Trọng Mẫn	1.300	800	600	300
26	Đường đoạn từ Cổng chào thôn Phước Nông đến nhà ông Nguyễn Văn Giảng	Cổng chào thôn Phước Nông	Nhà ông Nguyễn Văn Giảng	1.100	800	600	300
27	Đường từ QL ĐT 645 (tiệm tóc Vũ) đến nhà ông Đặng Văn Minh	QL ĐT 645 (tiệm tóc Vũ)	Nhà ông Đặng Văn Minh (Đường từ ĐT 645 (tiệm tóc Vũ) đến nhà ông Đoàn Xuân Hải cũ)	1.100	700	500	300
28	Đường từ QL ĐT 645 (nhà bà Nguyễn Thị Thạnh) đến chợ cây Ván (nhà ông Phạm Tấn Cường)	QL ĐT 645 (nhà bà Nguyễn Thị Thạnh)	Chợ cây Ván (nhà ông Phạm Tấn Cường)	1.100	700	500	300
29	Đường liên thôn						

-		Nhà ông Lê Cai thôn Phước Mỹ Tây	Nhà ông Nguyễn Trọng Thiện thôn Phước Mỹ (Đoạn từ Trường Tiểu học (Điểm trường Phước Mỹ) đến nhà ông Nguyễn Trọng Thiện cũ)	1.000	800	600	300
-		Nhà ông Lê Xếp (thôn Phước Mỹ)	Chợ cây Ván (nhà ông Phạm Tấn Cường thôn Lạc Nghiệp)	650	500	300	200
30	Đường Cầu Ga đi xã Hòa Thịnh theo Kênh N6 (Đường Cầu Ga đi xã Hòa Đông theo Kênh N6 cũ)						
-		Cầu Ga	Cầu ông Ba Thu	700	400	250	150
-		Cầu ông Ba Thu	Giáp xã Hòa Thịnh	600	500	270	165
31	Đường từ cầu Dinh Ông đến giáp Quốc lộ 29 (tại vòng xuyên)	Cầu Dinh Ông	Giáp Quốc lộ 29 (tại vòng xuyên)	2.400	1.500	1.100	500
32	Đường từ Nghĩa Trang đi xã Hòa Mỹ theo Kênh N4 đến giáp đường liên xã Tây Hòa – Hòa Mỹ (Đường từ Nghĩa Trang huyện đi xã Hòa Mỹ Đông theo Kênh N4 đến giáp đường liên xã Hòa Phong – Phú Nhiêu cũ)	Nghĩa Trang đi xã Hòa Mỹ theo Kênh N4	Giáp đường liên xã Tây Hòa – Hòa Mỹ	600	500	300	150
33	Đường liên xã Tây Hòa - Hòa Mỹ (ĐH 82) (Đường liên xã Hòa Phong - Phú Nhiêu (Hòa Mỹ Đông) (ĐH 82) cũ)						
-		Cổng chào thôn Mỹ Thạnh Trung 1	Nhà văn hóa thôn Mỹ Thạnh Trung 2	900	550	300	200
-		Đoạn còn lại		700	400	250	150
34	Đường từ Bưu điện xã đến nhà ông Đào Rọi	Bưu điện xã	Nhà ông Đào Rọi	1.100	700	500	400
35	Đường từ chợ Mỹ Thạnh Đông đến nhà ông Trần Trí Phúc						
-		Chợ Mỹ Thạnh Đông	Ngã tư nhà ông Trần Trọng Hợp	1.100	700	500	400
-		Ngã tư nhà ông Trần Trọng Hợp	Nhà ông Trần Trí Phúc	700	400	250	150
36	Đường từ cổng chào thôn Mỹ Thạnh Đông 2 đến Cầu Xéo	Cổng chào thôn Mỹ Thạnh Đông 2	Cầu Xéo	700	400	250	150
37	Đường từ nhà ông Võ Thành Lâm đến thửa đất ông Khước	Nhà ông Võ Thành Lâm	Thửa đất ông Khước	550	330	210	110
38	Đường từ nhà ông Lương Trọng Quang đến ngã ba nhà ông Nguyễn Ngọc Bửu	Nhà ông Lương Trọng Quang	Ngã ba nhà ông Nguyễn Ngọc Bửu	550	330	210	110
39	Đường từ giáp ranh xã Sơn Thành đến nhà bà Ngô Thị Diễm (đoạn kênh mương mới Tân Mỹ) (Đường từ giáp ranh xã Hòa Phú đến nhà bà Ngô Thị Diễm (đoạn kênh mương mới Tân Mỹ) cũ)	Giáp ranh xã Sơn Thành	Nhà bà Ngô Thị Diễm	700	400	250	150
40	Đường ĐH73						
-		Cầu Tạ Bích	Ngã ba đi Hóc Răm - làng Tân Định	2.000	1.500	1.000	800
-		Ngã ba đi Hóc Răm – làng Tân Định	Giáp ranh xã Hòa Thịnh	1.300	900	650	400
41	Đường ĐH74	Ga Gò Mắm cũ	Cầu Suối (Giáp ranh xã Hòa Thịnh)				
-		Ga Gò Mắm cũ	Ngã tư cầu trường tiểu học thôn Phú Khánh	2.000	1.500	1.000	800
-		Ngã tư cầu trường tiểu học thôn Phú Khánh	Cầu Suối (Giáp ranh xã Hòa Thịnh)	1.000	800	600	400

42	Đường bờ kênh N1	Cổng (đi ra nhà ông Nguyễn Dũng)	Giáp ranh phường Đông Hòa (Đoạn từ cổng (đi ra nhà ông Nguyễn Dũng) đến giáp ranh xã Hòa Tân Đông cũ)	900	650	400	200
43	Đường xã	Cầu Trường Phú Khánh	Giáp ranh phường Đông Hòa (Đoạn từ cầu Trường Phú Khánh đến giáp ranh xã Hòa Tân Đông cũ)	790	550	330	160
44	Đường từ QL 29 Trường THCS Phạm Đình Quy đến nhà ông Võ Đắc Lễ thôn Phú Khánh	QL 29 Trường THCS Phạm Đình Quy	Nhà ông Võ Đắc Lễ thôn Phú Khánh	1.800	1.400	1.000	800
45	Đường từ QL 29 (nhà bà Nguyễn Thị Lụa) đến Sân vận động thôn Phú Khánh	QL 29 (nhà bà Nguyễn Thị Lụa)	Sân vận động thôn Phú Khánh	1.400	1.300	1.000	750
46	Đường từ QL 29 nhà ông Võ Yêm (thôn Xuân Thanh 1) đến HTXNN KD DV Hòa Tân Tây	QL 29 nhà ông Võ Yêm (thôn Xuân Thanh 1)	HTXNN KD DV Hòa Tân Tây	1.000	800	700	550
47	Đường từ Cổng chào thôn Xuân Thanh 1 đến nhà ông Đào Thịnh (thôn Hội Cư)	Cổng chào thôn Xuân Thanh 1	Nhà ông Đào Thịnh (thôn Hội Cư)	950	800	700	550
48	Đường từ QL 29 (nhà ông Ngô Xuân Bạ) đến nhà ông Nguyễn Sừng giáp phường Đông Hòa	QL 29 (nhà ông Ngô Xuân Bạ)	Nhà ông Nguyễn Sừng giáp phường Đông Hòa	900	800	700	550
49	Đường từ nhà bà Bùi Thị Hương (thôn Xuân Thanh 1) đến nhà ông Nguyễn Thanh giáp phường Đông Hòa	Nhà bà Bùi Thị Hương (thôn Xuân Thanh 1)	Nhà ông Nguyễn Thanh giáp phường Đông Hòa	1.100	1.000	800	700
50	Đường từ nhà ông Trần Ngọc Thiện thôn Phú Khánh đến nhà bà Nguyễn Thị Diễm thôn Xuân Thanh 2	Nhà ông Trần Ngọc Thiện thôn Phú Khánh	Nhà bà Nguyễn Thị Diễm thôn Xuân Thanh 2	1.300	1.100	800	750
51	Đường nội bộ KDC phía Nam nhà ông Dương thôn Xuân Thanh 2						
-	Đường rộng 9m			5.000			
A73	XÃ HÒA THỊNH						
1	Đường ĐH 74						
-		Nhà ông 9 Ồm	Nhà ông Thụ thôn Phú Mỹ	600	350	200	100
-		Nhà ông Thụ thôn Phú Mỹ	Cầu Suối	480	280	160	80
2	Đường liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh (ĐH 75)						
-		Ranh giới thị trấn Phú Thứ	Ngã ba Phú Diễn	3.675	2.310	1.365	840
-		Ngã ba Phú Diễn	Trường THCS Nguyễn Thị Định	4.200	2.625	1.680	1.050
-		Trường THCS Nguyễn Thị Định	Ranh giới xã Hòa Mỹ (Đoạn từ Trường THCS Nguyễn Thị Định đến ranh giới xã Hòa Mỹ Đông cũ)	3.200	1.900	1.300	800
-		Cầu Bến Cui (cũ)	Nhà ông Chính	1.200	700	400	200
-		Nhà ông Chính thôn Mỹ Hòa	Nhà ông Thuột thôn Mỹ Xuân 2	1.400	900	500	300
-		Nhà ông Thuột thôn Mỹ Xuân 2	Chân đập hồ chứa nước Mỹ Lâm (trạm Kiểm Lâm cũ)	1.100	600	300	200
3	Đường từ ngã ba UBND xã đến cầu Dầu xã 10	Ngã ba UBND xã	Cầu Dầu xã 10	2.730	1.575	1.050	630
4	Đường từ cầu Dầu xã 10 đến cầu nhà Bà Hân thôn Phú Diễn Trong	Cầu Dầu xã 10	Cầu nhà Bà Hân thôn Phú Diễn Trong	505	295	170	85
5	Đường từ cầu Dầu xã 10 đến nhà ông 8 Nhon (ĐH 81)	Cầu Dầu xã 10	Nhà ông 8 Nhon (ĐH 81)	860	520	310	180

6	Đường từ cầu Dầu xã 10 đến nhà ông 8 Phú	Cầu Dầu xã 10	Nhà ông 8 Phú	750	460	290	170
7	Đường từ nhà ông 8 Phú đến giáp xã Tây Hoà	Nhà ông 8 Phú	Giáp xã Tây Hoà	600	350	200	120
8	Đường từ nhà ông 8 Nhơn đến nhà ông Lê Hồng (Đường từ nhà ông 8 Nhơn đến nhà ông 4 Nhơn)						
-		Nhà ông 8 Nhơn	Trường mầm non Tân Lập	400	300	200	120
-		Trường mầm non Tân Lập	Chợ Bầu Ngang	300	250	170	110
-		Chợ Bầu Ngang	Nhà ông Lê Hồng	250	200	150	100
9	Đường từ nhà ông Cóm đến nhà ông Định thôn Mỹ Thuận Ngoài	Nhà ông Cóm	Nhà ông Định thôn Mỹ Thuận Ngoài	600	350	250	150
10	Đường từ nhà ông Định thôn Mỹ Thuận Ngoài đến nhà ông Thụ thôn Phú Mỹ	Nhà ông Định thôn Mỹ Thuận Ngoài	Nhà ông Thụ thôn Phú Mỹ	550	350	200	100
11	Đường từ nhà ông Hồ tới giáp ranh xã Tây Hoà (Đường từ nhà ông Hồ tới giáp ranh xã Hòa Phong cũ)						
-		Nhà ông Hồ	Nhà ông Hà Minh Hải thôn Vinh Ba (Đoạn từ nhà ông Hồ đến giáp đường NB2 nối dài (Đoạn từ nhà ông Hồ đến giáp NB2 cũ))	1.100	650	400	250
-		Nhà ông Hà Minh Hải thôn Vinh Ba	Nhà văn hoá thôn Vinh Ba (Đoạn từ NB2 nối dài đến NVH thôn Vinh Ba (Đoạn từ NB2 đến NVH thôn Vinh Ba cũ))	700	450	300	150
-		NVH thôn Vinh Ba	Giáp ranh xã Tây Hoà (Đoạn từ NVH thôn Vinh Ba đến giáp ranh xã Hòa Phong cũ)	650	400	250	140
12	Đường từ nhà ông Nguyễn Văn Lượng đến nhà bà Lê Thị Thừa	Nhà ông Nguyễn Văn Lượng	Nhà bà Lê Thị Thừa	400	300	220	100
13	Đường từ Trường Mầm non Tân Lập đến nhà ông Lê Hai	Trường Mầm non Tân Lập	Nhà ông Lê Hai	350	250	150	100
14	Đường từ ranh giới xã Hoà Mỹ đến nhà ông Đỗ Phụng Tài thôn Phú Diễn Trong (đọc Kênh N6-1)						
-		Ranh giới xã Hoà Mỹ	Nhà ông Phan Thanh Liêm thôn Phú Diễn Trong	300	250	180	120
-		Nhà ông Phan Thanh Liêm thôn Phú Diễn Trong	Nhà ông Nguyễn Kim Anh thôn Phú Diễn Trong	220	180	120	100
15	Đường từ giao đường liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh đến giáp thôn Lạc Chi (Hòa Mỹ) (Đường từ giao đường liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh đến giáp thôn Lạc Chi (Hòa Mỹ Đồng cũ))						
-		Trường tiểu học Hòa Thịnh	Giáp ngã 3 đường Mỹ Cảnh - Cảnh Tịnh	600	400	200	100
-		Ngã 3 đường Mỹ Cảnh	Nhà văn hóa thôn Cảnh Tịnh	500	400	300	200
-		Nhà văn hóa thôn Cảnh Tịnh	Giáp thôn Lạc Chi (Hòa Mỹ)	400	300	200	100
-		Ngã 3 đường Mỹ Cảnh - Cảnh Tịnh	Trai ông Nguyễn Thành Sự đến giáp thôn Lạc Chi (Hòa Mỹ)	450	350	250	150
16	Đường từ nhà ông Đoàn Xuân Thông (tờ bản đồ 31; thửa số 118) đến giáp nhà ông Võ Văn Viên	Nhà ông Đoàn Xuân Thông (tờ bản đồ 31; thửa số 118)	Giáp nhà ông Võ Văn Viên	400	300	200	100

17	Đường từ ngã 3 Nhà văn hóa Cảnh Tịnh đến giáp đường Liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh	Ngã 3 Nhà văn hóa Cảnh Tịnh	Giáp đường Liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh	700	500	350	200
18	Đường từ giao đường liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh (Nhà Phú Tiếp) đến Suối Lạnh						
-		Giao đường liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh (Nhà Phú Tiếp)	Nhà ông Nguyễn Văn Hùng	700	400	200	100
-		Nhà ông Nguyễn Văn Hùng thôn Mỹ Điền	Suối Lạnh	400	250	150	100
19	Đường từ ngã ba nhà ông Trần Văn Linh, thôn Mỹ Điền đi Hòn Một, xã Tây Hoà (Đường từ ngã ba nhà ông Trần Văn Linh, thôn Mỹ Điền đi Hòn Một, xã Hòa Tân Tây cũ)	Ngã ba nhà ông Trần Văn Linh, thôn Mỹ Điền	Đi Hòn Một, xã Tây Hoà	400	300	200	100
20	Đường từ Cổng chào Phú Hữu tới ngã tư đường vô nhà bà Trần Thị Thảo						
-		Cổng chào Phú Hữu	Nhà văn hoá thôn Phú Hữu	600	350	250	200
-		Nhà văn hoá thôn Phú Hữu	Nhà ông Nguyễn Cẩn từ 14 thửa 236	400	300	200	100
-		Nhà ông Nguyễn Cẩn	Ngã tư đường vô nhà bà Trần Thị Thảo từ 16 thửa 147	300	200	100	70
21	Đường từ sau nhà Tạ Lưu Tra (ĐH 75) đến nhà ông Nguyễn Văn Tám (tờ 11 thửa 449)						
-		Sau nhà Tạ Lưu Tra	Nhà ông Nguyễn Văn Tuất từ 14 thửa 480	400	300	200	100
-		Nhà Nguyễn Văn Tuất	Nhà ông Nguyễn Văn Tám Tờ 11, thửa 449	300	200	100	70
22	Đường từ sau nhà ông Chính đến ngã tư nhà ông Võ Văn Thành (tờ 19; thửa 02) (Đường từ sau nhà ông Chính thôn Mỹ Hòa đến nhà Nguyễn Chí Kham (tờ 19 thửa 310) cũ)	Sau nhà ông Chính	Ngã tư nhà ông Võ Văn Thành (tờ 19; thửa 02)	400	300	200	100
23	Đường từ sau nhà ông Phan Nhất Báo đến nhà ông Phạm Văn Trung tờ bản đồ 13 thửa 925 (Đường từ sau nhà ông Phan Nhất Báo đến nhà Đặng Trần Điền tờ 13 thửa 1017 cũ)	Sau nhà ông Phan Nhất Báo	Nhà ông Phạm Văn Trung tờ bản đồ 13 thửa 925	500	400	300	150
24	Đường từ bưu điện đến nhà ông Văn Ngọc Minh tờ 19 thửa 589 (Đường từ bưu điện đến nhà Nguyễn Xuân Vinh tờ 19 thửa 94 cũ)	Bưu điện	Nhà ông Văn Ngọc Minh tờ 19 thửa 589	550	300	200	100
25	Đường từ Nhà văn hóa thôn Mỹ Xuân 2 đến nhà ông Võ Trọng Hoàng (tờ 25; thửa số 184)	Nhà văn hóa thôn Mỹ Xuân 2	Nhà ông Võ Trọng Hoàng (tờ 25; thửa số 184)	500	400	300	150
26	Đường từ Sau nhà ông Hồ Văn Duy đến nhà bà Trần Thị Gừng (tờ 25; thửa số 576)	Sau nhà ông Hồ Văn Duy	Nhà bà Trần Thị Gừng (tờ 25; thửa số 576)	400	300	200	100
27	Đường từ sau nhà ông Nguyễn Bửu đến nhà bà Nguyễn Thị Sự (tờ 32; thửa số 55)	Sau nhà ông Nguyễn Bửu	Nhà bà Nguyễn Thị Sự (tờ 32; thửa số 55)	500	400	300	150
28	Khu đầu giá Khép kín điểm dân cư xã Hòa Thịnh			1.900			
A74	XÃ HÒA MỸ						
1	Đường liên xã Phú Thuận – Mỹ Thành						
-		Cầu Đúc	Trụ sở UBND xã Hòa Mỹ Đông	3.150	1.890	1.155	630

-		Trụ sở UBND xã Hòa Mỹ Đông	Ngã ba thôn Xuân Mỹ	1.890	1.155	630	420
-		Ngã ba thôn Xuân Mỹ	Giáp xã Hòa Mỹ Tây	1.155	630	420	210
-		Ranh giới xã Hòa Mỹ Đông	Nhà ông Nguyễn Hích	1.365	790	470	210
-		Nhà ông Nguyễn Hích	Cầu Bầu Sen	960	600	360	240
-		Cầu Bầu Sen	Nhà văn hóa thôn Ngọc Lâm 2	840	600	360	240
-		Nhà văn hóa thôn Ngọc Lâm 2	Cầu Bến Nhiều	780	480	280	240
-		Đoạn từ cầu Bến Nhiều	Bến Mít	600	360	240	120
-		Ngã 3 bến Mít	Nhà ông Trần Quang Hiếu (Sĩ)	540	360	240	120
-		Nhà ông Trần Quang Hiếu	Thủy điện đá đen	456	336	240	120
2	Đường từ Xuân Mỹ đến thôn Cảnh Tịnh, xã Hòa Thịnh						
-		Ngã ba Vườn Thị	Trụ sở thôn Xuân Mỹ	1.000	700	400	300
-		Trụ sở thôn Xuân Mỹ	Cầu Bến Trâu	800	400	300	200
-		Cầu Bến Trâu	Nhà tránh lũ thôn Lạc Chi	600	400	200	100
-		Nhà tránh lũ thôn Lạc Chi	Giáp thôn Cảnh Tịnh, xã Hòa Thịnh	400	300	200	100
3	Đường Xếp Thông – Núi Lá (giai đoạn 1) đi Hòa Phú						
-		UBND xã	Cầu Khui	960	720	360	240
-		Cầu Khui	Giáp ranh xã Hòa Phú	840	600	360	240
4	Đường Xếp thông-Núi lá (giai đoạn 2)	Ngã ba Trụ sở UBND xã Hòa Mỹ Đông	Trường UNECEP (cũ)	1.300	800	500	300
5	Khu vực xung quanh chợ Phú Nhiều			1.400	800	500	300
6	Đường liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh						
-		Ranh giới xã Hòa Đông	Giáp nhà ông Trương Trọng Hải	3.000	1.800	1.100	600
-		Nhà ông Trương Trọng Hải	Giáp xã Hòa Thịnh	2.000	1.200	700	400
7	Đường liên xã Phú Nhiều – Hòa Phong						
-		Nhà ông Nguyễn Ngọc Minh	Nhà văn hoá thôn Vạn Lộc	1.155	630	420	210
-		Nhà văn hoá thôn Vạn Lộc	Giáp xã Hòa Phong	1.155	630	420	210
8	Đường bờ kênh N2 - phía Bắc kênh	Nhà Bà Nguyễn Thị Bích	Nhà Bà Ngô Thị Khang	2.500	1.300	800	500
9	Đường bờ kênh N4			700	500	300	200
10	Đường từ nhà ông Trương Trọng Hải (Phú Thuận) đến trường THCS Phạm Văn Đồng	Nhà ông Trương Trọng Hải (Phú Thuận)	Trường THCS Phạm Văn Đồng	800	500	250	150
11	Đường từ Ga Hòn Sặc đến giáp xã Hòa Mỹ Đông						
-		Ga Hòn Sặc	Trường Mầm non (Đội 5 cũ)	840	480	360	240
-		Trường Mầm non (Đội 5 cũ)	Giáp xã Hòa Mỹ Đông cũ	960	600	360	240
12	Đường từ Cầu khui đến giáp ranh xã Hòa Mỹ Đông (bờ kênh N222)			600	375	300	150
13	Đường liên xã Hòa Mỹ Tây-Sơn Thành Đông						

-		Bến Mít	Nhà ông Nguyễn Đăng Dũng	450	270	225	120
-		Nhà ông Nguyễn Đăng Dũng	Giáp ranh xã Sơn Thành Đông cũ	375	225	165	105
14	Đường từ trường mầm non (đội 5 cũ) đến giáp kênh N222	Trường mầm non (đội 5 cũ)	Giáp kênh N222	570	375	300	150
15	Đường từ ngã 3 nhà dù đến nhà ông Phạm Long Hải	Ngã 3 nhà dù	Nhà ông Phạm Long Hải	570	375	300	150
16	Đường từ nhà ông Cao Văn A đến giáp ranh xã Hòa Mỹ Đông	Nhà ông Cao Văn A	Giáp ranh xã Hòa Mỹ Đông	420	300	225	150
17	Đường dọc Kênh N22 đến Kho ông Trần Ngọc Dân		Kho ông Trần Ngọc Dân				
-		Ngã 3 Bùng Binh	Chùa Hương Tích	375	225	135	90
-		Chùa hương tích	Kho ông Trần Ngọc Dân	405	300	165	135
18	Khép kín khu dân cư nông thôn tại thôn Thạnh Phú nay (thôn Thạnh Phú Đông)						
-	Đường D1			1.671			
-	Đường N1			1.671			
-	Tiếp giáp đường quy hoạch N1 và đường rộng 6m			1.838			
-	Tiếp giáp 02 mặt đường quy hoạch rộng 6m và đường N2 rộng 3m			1.838			
A75	XÃ SON THÀNH						
1	Quốc lộ 29						
-		Ranh giới xã Tây Hòa	Nhà Ông Đặng Toàn Phong	1.680	1.120	840	700
-		Nhà Ông Đặng Toàn Phong	Trường Phạm Văn Đồng thôn Thạch Bàn	2.520	1.540	980	560
-		Trường Phạm Văn Đồng thôn Thạch Bàn	Cầu Lạc Mỹ	2.100	1.400	840	560
-		Cầu Lạc Mỹ	Cổng Hòa Bình thôn Phú Thịnh (Đoạn từ cầu Lạc Mỹ đến giáp xã Sơn Thành Đông và Đoạn từ giáp ranh xã Hòa Phú đến cổng Hòa Bình thôn Phú Thịnh - Gộp đoạn)	3.360	2.240	1.540	980
-		Cổng Hòa Bình	Xưởng cưa Thành Sơn	4.620	3.080	1.540	980
-		Xưởng cưa Thành Sơn	Đường vào Hồ Đồng Tròn thôn Mỹ Bình (Đoạn từ Xưởng cưa Thành Sơn đến giáp xã Sơn Thành Tây cũ)	3.080	1.960	1.260	840
-		Đường vào Hồ Đồng Tròn thôn Mỹ Bình	Cuối dốc Công ty Vinacafe Sơn Thành (Đoạn từ giáp xã Sơn Thành Đông đến cuối dốc Công ty Vinacafe Sơn Thành cũ)	2.940	1.540	1.260	700
-		Cuối dốc Công ty Vinacafe Sơn Thành	Đường vào Nghĩa trang xã	1.960	1.120	700	420
-		Đường vào Nghĩa trang xã	Chân dốc Dáng Hương	2.100	1.540	840	420
-		Chân dốc Dáng Hương	Giáp xã Đức Bình, tỉnh Đắk Lắk (Đoạn từ chân dốc Dáng Hương đến giáp xã Sơn Giang huyện Sông Hinh cũ)	1.540	840	420	360
2	Đường cầu Xếp Thông đến giáp ranh thôn Mỹ Phú, xã Hòa Mỹ (Đường cầu Xếp Thông đi Núi Lá Hòa Mỹ Tây cũ)			980	560	420	360

3	Đường dọc bờ Kênh Nam Đồng Cam			840	700	490	360
4	Khép kín khu dân cư nông thôn tại: Khu vực gần quán Bảy Toàn (thôn Liên Thạch); khu từ nhà ông Hồ đến nhà ông Hùng (thôn Thạch Bàn); khu đất dọc kè (thôn Thạch Bàn); khu mới trước mặt nhà ông Bằng (thôn Thạch Bàn) (đầu giá)						
-	Tiếp giáp đường bê tông rộng 3,5m			3.327			
-	Tiếp giáp 02 mặt đường bê tông rộng 3,5m			3.660			
-	Tiếp giáp 01 mặt đường bê tông rộng 3,5m và khu quy hoạch hoa viên cây xanh			3.660			
-	Tiếp giáp đường bê tông rộng 5,5m			3.651			
-	Tiếp giáp 02 mặt đường rộng 5,5m			4.016			
-	Tiếp giáp 02 mặt đường rộng 5,5m và khu quy hoạch hoa viên cây xanh			4.016			
5	Đường từ Quốc lộ 29 đến hết nhà bà Nguyễn Thị Sang thôn Lẽ Lộc Bình						
-		Quốc lộ 29	Ngã ba nhà Nguyễn Định thôn Lẽ Lộc Bình	1.400	840	420	360
-		Ngã ba nhà Nguyễn Định thôn Lẽ Lộc Bình	Hết nhà bà Nguyễn Thị Sang thôn Lẽ Lộc Bình	1.400	840	420	360
-		Nhà ông Huỳnh Tấn Thanh	Giáp nhà ông Nguyễn Hữu Phú thôn Lẽ Lộc Bình	1.120	560	420	360
-		Nhà ông Đặng Thanh Sơn	Giáp nhà ông Dương Văn Quan thôn Lẽ Lộc Bình	1.120	700	420	360
-		Nhà bà Nguyễn Thị Sang	Giáp nhà ông Huỳnh Công Linh thôn Lẽ Lộc Bình	1.120	700	420	360
-		Nhà ông Huỳnh Công Linh thôn Lẽ Lộc Bình	Giáp nhà ông Trần Ngọc Tiên thôn Trưỡng Thành	1.120	700	420	360
6	Đường từ Quốc lộ 29 đến hết nhà ông Nguyễn Văn Quang thôn Phú Thịnh						
-		Nhà ông Hồ Viết Viết (Quốc lộ 29)	Hết nhà ông Nguyễn Văn Quang thôn Phú Thịnh	1.400	840	420	360
-		Nhà Văn hóa thôn Phú Thịnh	Giáp nhà ông Nguyễn Văn Thuận	1.260	700	420	360
-		Nhà Văn hóa thôn Phú Thịnh	Hết nhà ông Võ Đại Hùng	1.260	700	420	360
-		Nhà bà Đinh Thị Phương	Giáp nhà ông Nguyễn Đẽ.	1.120	560	420	360
-		Nhà ông Nguyễn Hiến	Hết thửa đất bà Trần Thị Liên.	1.120	560	420	360
-		Nhà ông Lê Trọng Hiếu	Nhà bà Nguyễn Thị Hoàng Thơ	980	560	420	360
-		Nhà ông Đinh Tấn Thành	Nhà bà Lê Thị Yên,	980	560	420	360
-		Nhà ông Vương Trọng Mười	Nhà ông Đào Tấn Hữu	980	560	420	360
-		Nhà ông Lương Văn Tỏa	Nhà ông Nguyễn Văn Thông	840	560	420	360
-		Nhà ông Phạm Trung	Nhà ông Võ Đại Dũng	1.260	700	420	360

7	Đường từ Quốc lộ 29 (Nhà ông Lê Trung Thu) đến giếng công thôn Lẽ Lộc Bình (Đường từ Quốc lộ 29 đến trường tiểu học số 2 thôn Lạc Điền cũ)	Quốc lộ 29 (Nhà ông Lê Trung Thu)	Giếng công thôn Lẽ Lộc Bình	1.400	840	420	360
8	Đường từ Quốc lộ 29 đến hết nhà ông Trần Ngọc Quý thôn Bình Thắng						
-		Quốc lộ 29	Ngã ba nhà Thiệu Văn Nửa thôn Bình Thắng	1.400	840	420	360
-		Ngã ba nhà Thiệu Văn Nửa thôn Bình Thắng	Hết nhà ông Trần Ngọc Quý thôn Bình Thắng	980	560	420	360
9	Đường từ Quốc lộ 29 đến hết nhà ông Huỳnh Văn thôn Bình Thắng						
-		Quốc lộ 29	Nhà ông Nguyễn Lắc thôn Bình Thắng	1.400	840	420	360
-		Nhà ông Nguyễn Lắc thôn Bình Thắng	Hết nhà ông Huỳnh Văn thôn Bình Thắng	1.400	840	420	360
10	Đường đoạn từ Quốc lộ 29 đến giáp đường 5 thôn Trường Thành						
-		Quốc lộ 29	Ngã tư nhà Nguyễn Xuân Thọ thôn Bình Thắng	1.400	840	420	360
-		Ngã tư nhà Nguyễn Xuân Thọ thôn Bình Thắng	Giáp đường 5 thôn Trường Thành	1.260	700	420	360
11	Đường từ Quốc lộ 29 (nhà bà Đỗ Thị Phương) đến giáp đường 5 (nhà ông Nguyễn Thành Sơn) thôn Trường Thành						
-		Quốc lộ 29 (nhà bà Đỗ Thị Phương)	Hết nhà bà Nguyễn Thị Mùi thôn Bình Thắng	1.400	1.120	560	420
-		Nhà bà Nguyễn Thị Mùi thôn Bình Thắng	Giáp nhà ông Nguyễn Xuân Thọ	980	700	420	360
-		Nhà bà Nguyễn Thị Mùi thôn Bình Thắng	Giáp nhà ông Lê Kim Tân thôn Lạc Điền	980	700	420	360
-		Nhà bà Nguyễn Thị Mùi thôn Bình Thắng	Giáp đường 5 nhà ông Nguyễn Thành Sơn thôn Trường Thành	980	700	420	360
12	Đường từ nhà bà Lê Thị Loan (Quốc lộ 29) thôn Bình Thắng đến giáp nhà ông Nguyễn Văn Thuận thôn Lạc Điền	Nhà bà Lê Thị Loan (Quốc lộ 29) thôn Bình Thắng	Giáp nhà ông Nguyễn Văn Thuận thôn Lạc Điền	1.680	1.120	560	420
13	Đường từ nhà ông Trương Minh Đức (Quốc lộ 29) thôn Lạc Điền đến hết nhà ông Nguyễn Mạnh Hùng	Nhà ông Trương Minh Đức (Quốc lộ 29) thôn Lạc Điền	Hết nhà ông Nguyễn Mạnh Hùng	1.680	1.120	560	420
14	Đường từ nhà ông Trần Thái Bang (Quốc lộ 29) thôn Bình Thắng đến giáp nhà ông Nguyễn Xuân Thiết thôn Bình Thắng	Nhà ông Trần Thái Bang (Quốc lộ 29) thôn Bình Thắng	Giáp nhà ông Nguyễn Xuân Thiết thôn Bình Thắng	1.680	1.120	560	420
15	Đường từ nhà ông Võ Văn Hiền (Quốc lộ 29) đến hết thửa đất ông Huỳnh Hà Nam thôn Lạc Điền	Nhà ông Võ Văn Hiền (Quốc lộ 29)	Hết thửa đất ông Huỳnh Hà Nam thôn Lạc Điền	1.680	1.120	560	420
16	Đường từ nhà ông Nguyễn Văn Kiệt (Quốc lộ 29) đến hết nhà bà Hồ Thị Thành thôn Phú Thịnh	Nhà ông Nguyễn Văn Kiệt (Quốc lộ 29)	Hết nhà bà Hồ Thị Thành thôn Phú Thịnh	1.680	840	420	360
17	Đường từ nhà ông Trần Công Kính (Quốc lộ 29) đến hết nhà ông Võ Đình Long thôn Phú Thịnh	Nhà ông Trần Công Kính (Quốc lộ 29)	Hết nhà ông Võ Đình Long thôn Phú Thịnh	1.680	840	420	360
18	Đường từ Quốc lộ 29 (nhà ông Huỳnh Văn An) thôn Mỹ Bình đến hết nhà ông Bùi Văn Được						

-		Quốc lộ 29 (nhà ông Huỳnh Văn An) thôn Mỹ Bình	Hết nhà ông Bùi Xu	1.120	700	420	360
-		Nhà ông Bùi Xu	Hết nhà ông Bùi Văn Được	980	560	420	360
19	Đường từ Quốc lộ 29 đến giáp HTX Hồ Đồng tròn thôn Mỹ Bình	Quốc lộ 29	Giáp HTX Hồ Đồng tròn thôn Mỹ Bình	1.400	700	420	360
20	Đường từ Quốc lộ 29 đến hết nhà ông Nguyễn Đức Hạnh thôn Thành An						
-		Quốc lộ 29	Nhà Nguyễn Kỳ Xuất thôn Mỹ Bình	1.400	840	420	360
-		Nhà ông Nguyễn Kỳ Xuất thôn Mỹ Bình	Hết nhà ông Lê Văn Trung thôn Trường Thành	1.120	700	420	360
-		Nhà ông Nguyễn Kỳ Xuất	Hết nhà bà Lê Thị Kim Loan thôn Mỹ Bình	840	700	420	360
-		Nhà bà Phan Thị Thu thôn Mỹ Bình	Giáp nhà ông Nguyễn Thái Hoa thôn Bình Thắng	980	840	420	360
-		Nhà ông Đỗ Đình Bé thôn Bình Thắng	Giáp nhà ông Nguyễn Xuân Thọ thôn Bình Thắng	980	840	420	360
-		Nhà ông Đặng Bình thôn Lạc Điền	Giáp trường Mầm Non thôn Trường Thành	980	840	420	360
-		Nhà Bà Châu Thị Lại	Giáp nhà ông Châu Cút thôn Trường Thành	980	700	420	360
-		Nhà ông Lê Văn Trung thôn Trường Thành	Hết nhà ông Nguyễn Đức Hạnh thôn Thành An	840	560	420	360
21	Đường từ Quốc lộ 29 đến ranh giới xã Hòa Mỹ Tây (Đường DH 84) (Đường từ Quốc lộ 29 đi Cầu Bến Mít cũ)						
-		Quốc lộ 29	Nhà ông Trương Minh Tài thôn Bình Thắng (Đoạn từ Quốc lộ 29 đến nhà ông Trương Minh Tài cũ)	2.380	1.400	700	420
-		Nhà ông Trương Minh Tài	Nhà ông Lê Nhường thôn Bình Thắng (Đoạn từ nhà ông Trương Minh Tài đến nhà ông Lê Nhường cũ)	1.540	980	560	420
-		Nhà ông Lê Nhường	Ranh giới xã Hòa Mỹ Tây	980	560	420	360
22	Đường từ nhà ông Nguyễn Hữu Phú đến nhà bà Nguyễn Thị Điều thôn Lạc Điền (Đường từ giao Quốc lộ 29 (Nhà ông Lê Trung Thu) đến giếng công thôn Lễ Lộc Bình (Đường từ Quốc lộ 29 đến trường tiểu học số 2 thôn Lạc Điền cũ) đến nhà bà Nguyễn Thị Điều thôn Lạc Điền cũ)	Nhà ông Nguyễn Hữu Phú	Nhà bà Nguyễn Thị Điều thôn Lạc Điền	700	560	420	360
23	Đường Trung tâm thôn Thành An						
-		Nhà ông Nguyễn Đức Hạnh	Nhà ông Nguyễn Tự Thanh Xuân	980	560	420	360
-		Nhà ông Nguyễn Đức Hạnh	Nhà ông Phan Duy Thơ	700	560	420	360
24	Khép kín khu dân cư nông thôn khu vực thôn Lễ Lộc Bình (đầu giá)			6.658			
25	Đường từ Ngã tư chợ Sơn Thành Tây đến nhà ông Đỗ Xuân Nam, thôn Sơn Thọ	Ngã tư chợ Sơn Thành Tây	Nhà ông Đỗ Xuân Nam, thôn Sơn Thọ	1.400	840	420	360
26	Đường từ nhà ông Nguyễn Văn Hân đến nhà bà Võ Thị Liễu thôn Sơn Trường	Nhà ông Nguyễn Văn Hân	Nhà bà Võ Thị Liễu thôn Sơn Trường	1.260	700	420	360

27	Đường từ nhà ông Nguyễn Văn Châu đến nhà ông Bùi Văn Vạng thôn Sơn Trường	Nhà ông Nguyễn Văn Châu	Nhà ông Bùi Văn Vạng thôn Sơn Trường	980	560	420	360
28	Đường từ nhà bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh đến nhà bà Huỳnh Thị Gái thôn Sơn Nghiệp	Nhà bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh	Nhà bà Huỳnh Thị Gái thôn Sơn Nghiệp	840	420	400	360
29	Đường liên thôn Lạc Đạo						
-		Quốc lộ 29	Cổng chào thôn Lạc Đạo	1.540	980	700	360
-		Cổng chào thôn Lạc Đạo	Cầu Măng Sê	1.260	840	560	360
30	Đường từ nhà ông Huỳnh Ngọc Trí đến nhà bà Nguyễn Thị Mỹ Loan thôn Thân Bình Đông	Nhà ông Huỳnh Ngọc Trí	Nhà bà Nguyễn Thị Mỹ Loan thôn Thân Bình Đông	1.260	700	420	360
A76	XÃ TUY AN BẮC						
1	Quốc lộ 1						
-		Ranh giới xã An Cư	Giáp cầu Đông Sa	3.900	2.600	1.700	1.100
-		Cầu Đông Sa	Điểm giao phía nam cầu vượt	6.000	3.800	2.300	1.500
-		Điểm giao phía nam cầu vượt	Chân cầu vượt phía Bắc (đường quốc lộ 1)	4.200	2.400	1.800	1.200
-		Chân cầu vượt phía bắc	Cầu Ngân Sơn	6.800	4.100	2.700	1.500
-		Phía Bắc cầu Ngân Sơn	Nam cầu Nhân Mỹ	4.500	2.600	1.500	1.100
-		Bắc cầu Nhân Mỹ	Trạm thu phí	3.000	1.700	1.100	800
-		Trạm thu phí	Giáp ranh phường Xuân Đài (Đoạn từ Trạm thu phí đến giáp ranh TX Sông Cầu cũ)	2.000	1.200	700	400
2	Đường ĐT 641						
-		Giáp ranh thị trấn Chí Thạnh cũ	Cổng chân Đèo Thị (Nhà Ông Tiệp) (Đoạn từ đình Đèo Thị đến cổng chân Đèo Thị (Nhà Ông Tiệp) cũ)	920	690	460	290
-		Cổng chân Đèo Thị	Hết cổng văn hóa Thôn Phong Hậu	1.150	805	575	345
-		Hết cổng văn hóa Thôn Phong Hậu	Ranh giới xã Đồng Xuân (Đoạn hết cổng văn hóa Thôn Phong Hậu đến ranh giới huyện Đồng Xuân cũ)	920	690	460	290
3	Đường ĐT 650	Cầu Cây Cam	Giáp ranh xã Tuy An Tây (Đoạn từ cầu Cây Cam đến giáp ranh xã An Nghiệp cũ)	460	345	290	170
4	Châu Kim Huệ						
-		Đường Trần Rịa	Nhà máy xay xát cũ	2.400	1.600	1.200	800
-		Nhà máy xay xát cũ	A20	1.200	900	500	300
5	Hải Dương	Quốc lộ 1	Ngã tư đường Lê Thành Phương	6.600	4.300	2.600	1.700
6	Đường Hòn Đồn đi An Lĩnh cũ	Đường sắt	Cầu Bà Chưa	690	460	345	230
7	Đường Lê Thành Bình (Đường Lê Thành Phương: Đoạn từ Ga Chí Thạnh đến QL1 cũ)			2.520	1.785	1.260	735
8	Lê Thành Phương						
-		QL1	Giếng nông sản	8.000	4.000	3.000	2.000
-		Giếng nông sản	Giáp ranh xã An Định cũ	4.000	2.700	1.800	1.100
9	Lưu Văn Liêu (Đường DH 38: Đoạn từ đường Quốc lộ 1A đến giáp xã An Định cũ)						
-		Đầu kê Ngân Sơn giáp Quốc lộ 1	Miếu bà Trang	2.700	1.800	1.200	800

-		Miếu bà Trang	Cầu Nhất Trí	450	300	250	200
10	Mậu Thân (Đường ĐH 33 cũ)						
-		Đường Trần Phú	Bến Ngựa (quán Khánh Nguyên)	2.700	1.800	1.200	800
-		Bến Ngựa (quán Khánh Nguyên)	Giáp ranh xã An Linh cũ	1.400	900	600	300
11	Ngân Sơn Chí Thạnh			6.200	3.800	2.300	1.500
12	Nguyễn Tất Thành (Quốc lộ 1: Đoạn từ điểm giao phía nam cầu vượt đến chân cầu vượt phía Bắc cũ)			7.500	4.500	3.000	1.500
13	Nguyễn Hoa			2.700	1.800	1.200	800
14	Nguyễn Mỹ			6.500	3.900	2.600	1.500
15	Nguyễn Thị Loan			2.600	1.700	1.100	600
16	Ô Loan			6.800			
17	Phạm Ngọc Thạch (Đường từ Quốc lộ 1 đến cống nhà máy nước (KP-Trường Xuân) cũ)			3.780	2.100	1.470	945
18	Trần Phú						
-		QL1 (thôn Trường Xuân)	Ngân Sơn - Chí Thạnh	10.000	7.000	4.900	3.400
-		Ngân Sơn - Chí Thạnh	Trần Rịa	10.000	7.000	4.900	3.400
-		Trần Rịa	Cổng hộp (thôn Long Bình)	9.000	6.300	4.400	3.000
-		Cổng hộp (thôn Long Bình)	QL 1 (thôn Chí Đức)	9.000	6.300	4.400	3.000
19	Trần Rịa						
-		Lê Thành Phương	Trần Phú	4.600	2.900	1.900	1.200
-		Trần Phú	Quốc lộ 1	6.000	3.400	2.600	1.700
20	Đường Trần Rịa - chùa Long Bình đến đường Trần Phú						
-		Đường Trần Rịa	Dốc Mít (nhà bà Lý Thị Mỹ)	2.625	1.890	1.260	735
-		Dốc Mít (nhà bà Lý Thị Mỹ)	Đường Trần Phú	1.470	945	735	420
21	Trần Suyền (Đường số 7 cũ)			5.000	2.700	1.800	1.200
22	Võ Trứ						
-		Quốc lộ 1	Hải Dương	5.405	3.450	2.070	1.380
-		Hải Dương	Ngân Sơn Chí Thạnh	5.520	3.450	2.070	1.380
-		Ngân Sơn - Chí Thạnh	Lê Thành Phương	6.210			
23	Võ Trung (Đoạn từ Quốc lộ 1 đến cầu Lò Gốm mới)			4.410	2.520	1.890	1.260
24	Tuyến đường dẫn cao tốc	Trần Suyền	Nhà điều hành (trạm thu phí)	5.000	2.700	1.800	1.200
25	Đường xã lộ						
-		Chùa Thanh Long	Công chào Mỹ Long	420	315	210	160
-		Công chào Mỹ Long	Giáp ranh xã Đồng Xuân (Đoạn từ công chào Mỹ Long đến giáp ranh xã Xuân Sơn Bắc cũ)	420	315	210	160
26	Các đường liên thôn						
-		Quốc lộ 1 (Phú Mỹ)	Ngã ba Cây Đa thôn Bình Hòa	1.050	790	580	370

-		Ngã ba Cây Da thôn Bình Hòa	Cổng văn hóa thôn An Thổ	580	470	370	210
-		Cổng văn hóa thôn An Thổ	Phía Nam cầu Cửa Tà	790	580	370	210
-		Cổng thôn Long Uyên	Miếu thờ Lê Thánh Tông	420	315	210	160
-		QL1 (kê sông Vết)	Đập Đồng Kho	735	525	315	210
-		QL1 (cổng thôn Bình Chính)	Bắc cầu Cửa Tà	420	315	210	160
-		Đường ĐT 641 (thôn Phong Hậu)	Ngã ba đi Long Hòa	575	460	345	230
27	Đường liên thôn (Đường ĐH 38 cũ)						
-		Đường ĐT 641	Cầu Nhứt Trí (Đường từ đường ĐT 641 đến khu dân cư cũ)	520	345	290	230
-		Miếu bà Trang	Ngã ba đi Long Hòa (Đường giáp Thị trấn chí thành (cầu Ngân Sơn) đi đến trường tiểu học cũ)	460	345	290	170
28	Đường khu tái định cư đi vào giáp chợ Ngân Sơn			3.600			
29	Đường từ Quốc lộ 1 (Ngã ba cây Keo) đến cầu Lò Gốm (cũ)	Quốc lộ 1 (Ngã ba cây Keo)	Cầu Lò Gốm (cũ)	1.680	1.155	735	420
30	Khu dân cư đồng Gò Méc						
-	Đường rộng ≥ 6 mét			5.600			
-	Đường rộng < 6 mét			4.000			
31	Khu dân cư đường Trần Phú						
-	Đường số 3			5.000			
-	Đường số 4			5.000			
-	Đường số 14			5.500			
-	Đường số 13			5.000			
-	Đường số 10; đường số 11 và đường số 16			5.000			
32	Khu dân cư xưởng cưa Liên Thành: Đường rộng 5m			6.000			
33	Khu đô thị mới Ánh Dương (sau khi đầu tư xây dựng xong cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được duyệt)						
-	Đường quy hoạch D4, D5, N5 rộng 19,25m			3.000			
-	Đường quy hoạch N1 rộng 19m			3.000			
-	Đường quy hoạch D1, D2, D3, N2, N3, N4, N6, N7 rộng 11,5m			2.000			
-	Đường quy hoạch N8 rộng 4m			1.000			
34	Khu tái định cư thôn Chí Đức						
-	Đường số 1			3.000			
-	Đường số 2			2.250			
-	Đường số 3			2.250			
-	Đường số 4			2.250			
-	Đường số 5			2.250			
-	Đường số 6			2.250			
35	Khu tái định cư thị trấn Chí Thành (thôn Chí Đức)						

-	Đường số 3, Đường D1, Đường D2, Đường D3, Đường N1, Đường N2			5.000			
36	Khu dân cư N23-N24						
-	Đường QH DS15, rộng 12,5m			8.500			
-	Đường QH DS18, rộng 12,5m			8.500			
-	Đường QH DS41, rộng 12m			7.500			
-	Đường QH DS28, rộng 12m			7.500			
37	Khu tái định cư thôn Cần Lương						
-	Đường số 1			400			
-	Đường số 2, 3			350			
-	Đường số 4			300			
38	Khu tái định cư Đồng Đèo, thôn Cần Lương						
-	Đường số 1			1.200			
-	Đường số 1A			1.000			
-	Đường số 2 và số 6			1.000			
-	Đường số 3			800			
-	Đường số 4, 5 và 7			600			
39	Khu tái định cư đồng Cây Khế, thôn Bình Chính						
-	Đường số 4			1.800			
-	Đường số 2 và số 5			1.200			
-	Đường số 1 và số 3			1.000			
40	Khu tái định cư xã An Định cũ						
-	Đường N1, Đường D2			805			
-	Đường N2, Đường D1, Đường D3			575			
A77	XÃ TUY AN ĐÔNG						
1	Đường Quốc lộ 1 - Gành Đá Đĩa						
-		Giáp ranh xã An Ninh Tây cũ	Ngã 3 đường đi đèo biển	2.250	1.250	750	550
-		Ngã 3 đường đi đèo biển	Giáp thôn Phú Hạnh	1.400	900	650	400
-		Giáp thôn Phú Hạnh	Giáp Gành Đá Đĩa	1.600	1.000	650	450
-		Cổng Sơn Chà	Ngã ba đi Hội Phú	1.750	950	600	400
-		Ngã ba đi Hội Phú	Giáp ranh xã An Ninh Đông cũ	3.150	1.650	1.000	650
-		Cầu Lò Gốm	Cổng Sơn Chà (giáp An Ninh Tây cũ)	2.300	1.250	800	600
-		Kênh mương KC4 (Từ đường 42m)	Giáp ngã tư đường đi Hòa Hậu	500	350	300	200
-		Giáp ngã tư đường đi Hòa Hậu	Đường ĐH 31 (Đập Tam Giang)	450	300	250	200
2	Đường Gom khu dân cư Đồng Thủy (rộng 10m)			6.000			
3	Đường ngã 3 Bà Ná đến đèo Đẳng						
-		Ngã ba Bà Ná	Cổng văn hóa thôn Phú Thịnh	850	550	450	300
-		Cổng thôn Phú Thịnh	Đèo Đẳng	550	450	350	250

4	Đường phía Bắc Cầu An Hải	Ngã ba đi Gành Đá Đĩa (trường Ngô Máy)	Giáp ngã ba đường xuống thôn 7 đầu nối Tuyến đường ven biển mới	2.150	1.200	700	500
5	Đường từ cầu Lò Gốm đến hết đường bê tông thôn Hà Yên						
-		Cầu Lò Gốm	Bờ đê thôn Quảng Đức	850	650	500	350
-		Bờ đê thôn Quảng Đức	Cuối đường bê tông thôn Hà Yên	550	450	350	250
-		Đường bê tông thôn Hà Yên	Đèo Đẳng	500	400	350	250
-		Bê đê thôn Quảng Đức	Đập ông Tấn	600	450	350	250
6	Đường từ Tuyến đường ven biển đoạn 42m từ giáp ĐH đến ngã ba thôn Phú Lương	Tuyến đường ven biển đoạn 42m từ giáp ĐH	Ngã ba thôn Phú Lương	2.500	2.000	1.500	1.000
7	Đường từ Tuyến đường ven biển đoạn 52m từ ngã ba thôn Phú Lương đến giáp Cầu An Hải	Tuyến đường ven biển đoạn 52m từ ngã ba thôn Phú Lương	Giáp Cầu An Hải	3.100	2.500	2.000	1.500
8	Các đường liên thôn						
8.1	Đường từ cổng bộ 6 đến cuối Xóm Chín						
-		Ngã ba ĐH31 nhà ông Hoài	Đỉnh dốc Đá Đen thôn Phú Hội	1.500	900	650	450
-		Đỉnh dốc Đá Đen	Nhà ông Hiến	1.200	900	650	450
-		Nhà ông Hiến	Cuối xóm 9 thôn 6 - Nhà ông Phạm Cu	550	400	350	250
-		Ngã ba đường ĐT 649	Nhà ông Nguyễn Hữu Sáng	500	350	300	200
-		Ngã ba đường ĐH 31 (Thôn 6)	Khu tái định cư An Vũ	550	400	350	250
-		Nhà ông Bình	Nhà bà Hương (thôn 5)	550	400	350	250
-		Trạm y tế xã	Giáp đường ĐH 31 (nhà ông Phạm Văn Toán)	550	400	350	250
-		Ngã ba đường đi đèo biển	Nhà ông Lợi thôn Phú Lương	750	550	400	300
-		Ngã 3 nhà bà Lương	Giáp đường 42m, và đoạn từ đường 42m đến nhà ông Khoảng xóm Phú Nhuận, thôn Phú Hội (ĐT69)	550	450	400	300
-		Ngã 3 nhà ông Cảnh	Nhà Nhiều thôn 6	500	400	350	250
-		Nhà ông Nghị (ĐH31)	Nhà ông Ngân thôn Phú Hạnh	500	400	350	250
-		Nhà ông Phạm Lược (ĐH31)	Cuối xóm Bãi Bàng (nhà ông Cao Hùng)	700	500	400	250
-		Phạm Văn Sơn (Thôn Phú Hạnh)	Nhà ông Cao Giấy	650	450	350	250
8.2	Đường từ ngã ba đường 773 đến cuối đường thôn 7						
-		Ngã ba đường 773 thôn 7	Giáp Miếu thôn 7	750	550	400	300
-		Miếu thôn 7	Cuối đường thôn 7	750	550	400	300
-		Miếu thôn 7	Khu tái định cư Lễ Thịnh	750	550	400	300
-		Ngã ba xóm Cát Đường 773 (đường 52m)	Nhà ông Lê Hân thôn 7	500	400	350	200
8.3	Đường từ ngã 3 Mã Đạo đến bến đò thôn 8		Bến đò thôn 8				
-		Ngã 3 Mã Đạo	Cầu Am	800	550	400	300
-		Cầu Am (nhà ông Trinh)	Bến đò thôn 8	750	550	400	300

8.4	Đường từ HTXNN Nam An Ninh Đông cũ đến giáp An Cư	Đường HTXNN Nam An Ninh Đông cũ	Giáp An Cư	600	500	350	200
8.5	Đường từ chợ Đăng cũ thôn 8 đến giáp ngã ba đường 773	Chợ Đăng cũ thôn 8	Giáp ngã ba đường 773	500	400	350	200
8.6	Đường từ giáp đường ĐH31 (đầu đường chùa Thiên Hái) đến nhà ông Nguyễn Quang thôn Phú Hạnh	Giáp đường ĐH31 (đầu đường chùa Thiên Hái)	Nhà ông Nguyễn Quang thôn Phú Hạnh	500	400	350	200
8.7	Đường từ nhà ông Hón thôn Phú Hạnh đến chợ cây bàng thôn Phú Lương	Nhà ông Hón thôn Phú Hạnh	Chợ cây bàng thôn Phú Lương	500	450	300	200
8.8	Đường từ ĐT649 từ nhà ông Trịnh Thế đến giáp đường bê tông chợ Đăng mới	ĐT649 từ nhà ông Trịnh Thế	Giáp đường bê tông chợ Đăng mới	500	400	350	250
9	Các đường liên thôn						
-		Chợ Thủy	Ngã ba Xóm Giã	1.800	900	700	500
-		Chợ Thủy	Ngã ba cuối thôn Tiên Châu - Bình Thạnh	1.200	800	600	400
-		Dốc Bà Tron	Cảng cá thôn Tiên Châu	2.300	1.200	700	450
-		Ngã ba Đội thuế	Tiếp giáp đường vào chùa Hưng Thiện	1.650	950	700	450
-		Ngã ba cây xăng HTXNN	Cửa Bà Chi	1.550	950	700	450
-		Ngã ba cuối thôn Tiên Châu	Cổng thôn Bình Thạnh (cầu gỗ)	1.100	850	550	400
-		Ngã ba Xóm Giã	Bến Cá cũ thôn Tiên Châu	950	700	450	300
-		Ngã ba cuối thôn Tiên Châu	Dốc Miếu Bình Thạnh	950	700	450	300
-		Ngã ba Bà Thưng	Bờ tràn Sơn Chà thôn Diêm Điền	950	700	450	300
-		Ngã ba Cảng cá Tiên Châu	Đi cầu gỗ Bình Thạnh (Đường nội bộ vùng nuôi tôm)	1.100	850	550	400
-		Cổng trường tiểu học số 1	Nhà ông Chút, Xuân Phú	850	550	450	300
-		Nhà ông Cương	Nhà bà Cúc, Xuân Phú (khu vực chợ Giã)	1.650	950	700	450
-		Ngã ba cầu Lắm	Nhà ông Trần Mai	650	450	400	300
-		Ngã ba trạm xá	Trường TH số 2, Tiên Châu	700	550	450	300
-		Buru điện	Nhà ông Tâm, Xuân Phú	850	550	450	300
-		Ngã ba sân kho cây khế	Nhà ông Đường (Đội 3)	700	550	450	300
-		Nhà trẻ Hội Phú	Đường liên xã	700	550	450	300
-		Đường liên xã	Khu tái định cư (đội 17 – Diêm Điền)	700	550	450	300
-		Đường bê tông Hội Phú (Cây Gòn)	Cầu gỗ Bình Thạnh	700	550	450	300
-		Ngã ba Trường cấp 2,3 Võ Thị Sáu	Nhà bà Phú (Giáp ranh xã An Thạch cũ)	700	550	450	300
-		Cửa bà Chi	Nhà ông Trần Ngọc Liên	700	550	450	300
-		Chùa Hưng Thiện	Khu chăn nuôi tập trung	700	550	450	300
-		Nhà ông Trần Mai	Nhà ông Dương	700	550	450	300
-		Nhà ông Nhựt	Giáp đường cây gòn Cầu gỗ	700	550	450	300
-		Nhà ông Tôn Tấn Hào	Giáp đường cây gòn Cầu gỗ	700	550	450	300
-		Ngã ba nhà ông Bằng	Ngã ba nhà bà Hồng	700	550	450	300
10	Khu dân cư An Vũ: Các đường trong khu dân cư			900			

11	Khu dân cư Đồng Thủy - Tiên Châu						
-	Đường số 1 rộng 16m			4.500			
-	Đường số 2, 4 rộng 10m			3.600			
-	Đường số 3 rộng 10m			3.200			
12	Khu dân cư Đèo Đăng (sau khi đã đầu tư hạ tầng): Các trục đường trong khu dân cư			300			
13	Khu dân cư Lễ Thịnh: Các đường trong khu dân cư			600			
14	Khu dân cư thôn Phú Hội: Các tuyến trong khu dân cư			600			
15	Khu tái định cư thôn Phú Hội, xã An Ninh Đông cũ						
-	Đường QH: N2, D1			1.500			
-	Đường QH: N1, N3, D2, D3, D4			1.400			
16	Khu tái định cư thôn Phú Lương, xã An Ninh Đông cũ						
-	Đường QH: N2, D1			1.400			
-	Đường QH: N1, N3, D2, D3			1.300			
A78	XÃ Ô LOAN						
1	Quốc lộ 1						
-		Giáp ranh xã An Hiệp cũ	Cổng qua đường QL1 (đường vào nhà ông Phạm Tấn Đức)	2.600	1.600	1.000	600
-		Cổng qua đường QL1 (đường vào nhà ông Phạm Tấn Đức)	Đỉnh dốc Chùa	3.000	1.600	1.000	600
-		Đỉnh Dốc Chùa	Giáp ranh giới thôn Phước Lương	4.000	2.200	1.400	1.000
-		Đầu thôn Phước Lương (phía nam)	Đường đi Đồng Cháy	3.400	1.800	1.000	600
-		Đường đi Đồng Cháy	Giáp ranh thị trấn Chí Thạnh cũ	3.200	1.600	1.000	600
-		Giáp ranh xã An Hòa Hải cũ	Giáp phía Bắc đường lên Mộ Lê Thành Phương (Đoạn từ giáp ranh xã An Hòa đến giáp phía Bắc đường lên Mộ Lê Thành Phương cũ)	3.900	2.000	1.200	900
-		Phía Bắc đường lên Mộ Lê Thành Phương	Giáp ranh xã An Cư cũ	2.200	900	600	500
-		Giáp An Mỹ	Phía Bắc cầu Chùa Hang	3.500	1.800	1.100	700
-		Phía Bắc cầu Chùa Hang	Giáp ranh xã An Hiệp cũ	3.200	1.700	1.000	700
2	Đường ĐT 649						
-		Giáp An Mỹ	Phía bắc chợ Diêm Hội	2.500	1.400	800	600
-		Đường phía bắc chợ Diêm Hội	Ngã ba đường bê tông Đồng Môn đi Xóm Cát (Nhà ông Huỳnh Kim Thanh)	1.800	800	700	400
-		Ngã ba đường bê tông Đồng Môn đi Xóm Cát (Nhà ông Huỳnh Kim Thanh)	Trường Mầm non An Hải	1.700	1.000	700	400
-		Trường Mầm non An Hải	Phía nam cầu An Hải	2.400	1.300	700	400
3	Đường từ An Hiệp cũ đi An Lĩnh cũ						

-		QL 1	Hết phần trường TH Tuy Dương	1.000	700	500	300
-		Phân trường TH Tuy Dương	Giáp ranh xã An Lĩnh cũ	420	300	240	180
4	Đường từ ngã ba Phú Diễm đi thôn Hội Sơn						
-		Quốc lộ 1	Cầu Suối Ré	2.500	1.400	800	500
-		Cầu Suối Ré	Giáp đường ĐT 649	1.700	1.100	800	500
-		Đường ĐT 649	Nhà Văn hóa thôn Nhơn Hội	2.700	1.500	900	600
-		Nhà Văn hóa thôn Nhơn Hội	Cổng chào thôn Hội Sơn	2.500	1.400	800	500
5	Đường từ Phú Xuân đi An Lĩnh cũ	Phú Xuân	An Lĩnh cũ	400	300	200	180
6	Đường từ Quốc lộ 1 đến cổng Cụm công nghiệp Tam Giang	Quốc lộ 1	Cổng Cụm công nghiệp Tam Giang	1.365	945	735	420
7	Đường từ Quốc lộ 1 đi Đầm Ô Loan						
-		Quốc lộ 1	Cầu đường sắt	945	735	420	315
-		Cầu đường sắt	Giáp ranh xã An Cư cũ	735	525	420	315
8	Đường xung quanh chợ Phiên Thử mới			1.200			
9	Cụm công nghiệp Tam Giang						
-	Đường rộng 16m			1.200			
-	Đường rộng 14m			1.000			
10	Đường từ nhà thờ Đồng Cháy đến giáp đập Ông Tấn, thôn Phước Lương	Nhà thờ Đồng Cháy	Giáp đập Ông Tấn, thôn Phước Lương	700	550	400	300
11	Quốc lộ 1 đi Phước Hậu						
-		Giáp QL 1	Cầu Cây Gạo thôn Phong Phú	1.365	945	735	420
-		Cầu Cây Gạo	Ngã ba Đá Bàn thôn Phước Hậu	945	735	420	315
12	Đường từ ĐT 649 đến chợ thôn Xuân Hòa	Đường ĐT 649	Chợ thôn Xuân Hòa	1.500	1.100	800	500
13	Tuyến đường ĐH36 từ cầu sắt đến giáp xã An Hòa Hải cũ	Đường ĐH36 từ cầu sắt	Giáp xã An Hòa Hải cũ	1.200			
14	Đường liên xã						
-		Ngã 3 đường liên xã (nhà ông Đào)	Đường dẫn phía Nam cầu Long Phú	3.000	1.700	1.100	800
-		Phía Bắc cầu Long Phú	Ngã ba đường đi xóm Đá	1.500	1.100	800	500
15	Các đường liên thôn						
-		Quốc lộ 1	Ngã ba Xóm Chuối				
+		QL1	Ngã ba đường đi liên xã (nhà ông Đào)	2.300	1.200	800	500
+		Ngã ba đường đi liên xã (nhà ông Đào)	Trường Môm cũ (nhà ông Lực)	1.700	1.100	800	500
+		Trường Môm cũ (nhà ông Lực)	Ngã ba Xóm Chuối	1.100	800	500	300
-		Quốc lộ 1	Nhà thờ Đồng Cháy				
+		QL1 (Phước Lương)	Đường sắt	1.100	800	500	300
+		Đường sắt	Nhà thờ Đồng Cháy	800	600	500	300
-		Cổng trường mầm non thôn Tân Long	Giáp đường ven đầm				

+		Cổng trường mầm non thôn Tân Long	Cổng ông Thượng	1.100	800	500	300
+		Cổng ông Thượng	Cổng nhà ông Nghi	800	600	500	300
+		Cổng nhà ông Nghi	Giáp đường ven đầm	500	400	300	200
-		Ngã 3 sân khấu đua thuyền thôn Tân Long	Giáp ranh xã An Ninh Đông cũ (Đường từ cổng thôn Tân Long đến giáp ranh xã An Ninh Đông cũ)				
+		Ngã 3 sân khấu đua thuyền thôn Tân Long - Xóm Đá	Chùa Phước Đồng	1.100	800	500	300
+		Chùa Phước Đồng	Giáp ranh xã An Ninh Đông cũ	800	600	500	300
-		Ngã ba nhà ông Hồ Hiệp (giáp đường dẫn cầu Long Phú)	Ngã ba nhà ông Thành				
+		Ngã ba nhà ông Hồ Hiệp (giáp đường dẫn cầu Long Phú)	Nhà ông Đỗ Minh Đệ	1.100	800	500	300
+		Nhà ông Đỗ Minh Đệ	Ngã ba nhà ông Thành	800	600	500	300
+		Nhà ông Thành	Giáp ranh xã An Hiệp cũ	800	600	500	300
-		Đường xung quanh xóm gỗ		525	420	315	210
-		Trường tiểu học	Gò Giam	525	420	315	210
-		Chợ Gành (thôn Phú Tân 2)	Hết khu dân cư Hòa Thạnh	525	420	315	210
-		Ngã tư nhà ông Huỳnh Hữu Trang	Trường mẫu giáo Đội 5 thôn Phước Lương	525	420	315	210
-		Nhà ông Phùng Vàng	Giáp thôn Hòa Hậu (xã An Thạch cũ) (Đường từ nhà ông Vàng đến Hòa Tú cũ)	525	420	315	210
-		Ngã ba Công viên (chợ Yến cũ)	Nhà Tiền Hiền thôn Phú Thưởng				
+		Ngã ba Công viên (chợ Yến cũ)	Cổng chào thôn Phú Thưởng	2.415	1.365	840	525
+		Cổng chào thôn Phú Thưởng	Nhà Tiền Hiền thôn Phú Thưởng	2.205	1.365	840	525
-		Nhà tiền hiền thôn Phú Thưởng	Giáp đường ĐT 649	2.205	1.365	840	525
-		Ngã ba nhà ông Võ Kim Hùng	Giáp ngã ba tuyến đường từ nhà tiền hiền đến đường ĐT 649	2.205	1.365	840	525
-		Ngã ba đường bê tông thôn Diêm Hội	Cuối đường thôn Diêm Hội	1.785	840	525	420
-		Ngã 3 cổng chùa Linh Sơn	Giáp ranh giới xã An Hiệp cũ (thuộc 1 phần đường từ ngã ba cổng chùa Linh Sơn đến thôn Tân Hòa cũ)	1.050	840	525	315
-		Ngã 3 đường ngắn mận An Hòa - An Hiệp	Hết thôn Tân Hòa (thuộc 1 phần còn lại của đường từ ngã ba cổng chùa Linh Sơn đến thôn Tân Hòa cũ)	1.050	840	525	315
-		Ngã ba thôn Nhơn Hội	Lăng Ông thôn Nhơn Hội	1.680	945	735	420
-		Ngã 3 Tân Quy (nhà ông Phạm Xuân Kính) đi Phước Đồng (đường nhựa)		2.100	1.050	735	420
-		Ngã 3 thôn Đồng Môn	Khu dân cư thôn Phước Đồng (Giáp đường Tân Quy đi Phước Đồng)	840	525	420	315
-		Giáp ngã ba đường Tân Quy đi Phước Đồng	Nhà ông Lành thôn Xuân Hòa	945	735	420	315
-		Khu dân cư Tân Quy	Phía bắc trụ sở UBND xã An Hải cũ	1.470	945	735	420

-		Giáp khu TĐC Phước Đồng	Công chào Phước Đồng đi Xóm Cát	1.260	945	735	420
16	Khu dân cư Phong Phú: Các thửa đất giáp 2 mặt đường nội bộ rộng 2,5m			2.100			
17	Khu dân cư Phong Phú: Các thửa đất còn lại tiếp giáp đường nội bộ			1.900			
18	Khu dân cư Hòa Thạnh						
-	Đường số 1, rộng 7,5m			700			
-	Đường số 2, rộng 9m			600			
-	Đường số 3, 5 rộng 7,5m			400			
-	Đường số 4 rộng 7,5m			500			
-	Đường số 6 rộng 7,5m			400			
19	Khu dân cư Nhơn Hội (khu dân cư Tân An cũ)						
-	Đường rộng > 16m			3.400			
-	Đường rộng 10m			2.600			
-	Đường rộng 9m			2.400			
-	Đường rộng 7,5m			1.800			
-	Đường rộng 6m			1.400			
20	Khu dân cư Nhơn Hội (giai đoạn 2) (khu dân cư Tân An (giai đoạn 2) cũ)						
-	Đường số 1 (rộng 10,5m)			2.600			
-	Đường số 2, 7, 8 (rộng 11m)			2.700			
-	Đường số 3 (đoạn rộng 5,75m)			1.400			
-	Đường số 3 (đoạn rộng 8,5m)			2.000			
-	Đường số 3 (đoạn rộng 11,6m)			2.600			
-	Đường số 4 (rộng 18m)			3.000			
-	Đường D3 (rộng 10,5m)			2.600			
21	Khu dân cư Tân Định						
-	Đường số 1 và số 2 rộng 6m			1.100			
-	Đường số 3 rộng 4m			1.000			
22	Khu quy hoạch dân cư thôn Phú Tân						
-	Đường rộng 10m			1.200			
-	Đường rộng 8m			800			
-	Đường rộng 6m			500			
23	Khu tái định cư Đồng Gia Điền						
-	Đường số 3 rộng 9m			3.400			
-	Đường số 2 rộng 12m			2.700			
-	Đường số 1 rộng 12m			3.000			
24	Khu tái định cư Gò Điều						
-	Đường số 4			1.900			
-	Đường số 1			1.800			
-	Đường số 2, 3			1.600			
-	Đường số 5			1.500			

25	Khu tái định cư thôn Phú Tân 2: Đường rộng 9m (giáp Quốc lộ 1)			2.000			
26	Khu tái định cư xã An Hiệp cũ						
-	Đường N1			420			
-	Đường D1, Đường N2			450			
-	Đường D2, Đường N3			400			
27	Tái định cư đồng Cây Đông			950			
28	Tái định cư Đồng Cây Gạo						
-	Đường số 1			1.800			
-	Đường số 2			1.400			
-	Đường số 3, 6			1.100			
-	Đường số 4, 5			900			
A79	XÃ TUY AN NAM						
1	Quốc lộ 1						
-		Giáp xã An Phú	Đường bê tông đi nhà ông Lê Xuân Thế	4.840	2.420	1.650	770
-		Đường đi mỏ đá Phú Thạnh	Giáp ranh xã An Mỹ	3.300	1.540	880	660
-		Giáp ranh xã An Chấn cũ	Giáp ranh xã Ô Loan	4.620	2.640	1.540	1.100
2	Đường ĐT 643						
-		Quốc lộ 1	Hết nhà máy ô tô JRD	6.930	4.180	2.530	1.650
-		Nhà máy ô tô JRD	Ngã tư chính tuyến	4.950	2.860	1.650	1.210
-		Ngã tư chính tuyến - cầu sắt	Giáp ranh xã An Thọ cũ	990	660	550	330
-		Ngã tư chính tuyến	Giáp ranh xã An Thọ cũ (đường cứu hộ - cứu nạn)	990	660	550	330
-		Giáp ranh xã An Mỹ cũ	Cuối thôn Quảng Đức	900	750	600	450
-		Cuối thôn Quảng Đức	Giáp Vân Hòa	750	600	450	360
3	Đường ĐT 649						
-		Cầu Đồng Nai	Cổng chào thôn Phú Phong, Phú Quý	4.950	2.750	1.870	1.100
-		Cổng chào thôn Phú Phong, Phú Quý	Giáp ranh xã An Mỹ cũ	3.850	2.200	1.100	770
		Giáp ranh xã An Chấn cũ	Giáp ranh xã Ô Loan	3.520	1.870	1.100	770
4	Đất khu trưng bày sản phẩm làng nghề An Chấn						
-	Tiếp giáp Quốc lộ 1			2.750			
-	Tiếp giáp đường nội bộ			1.650			
5	Đoạn đường xung quanh chợ An Mỹ			8.470			
6	Đường từ ngã ba Giai Sơn đến đường sắt Phú Hòa (Đường từ ngã ba Giai Sơn đến trường tiểu học Số 2 cũ + Khu vực 1 cũ)						
-		Ngã ba Giai Sơn	Trường tiểu học Số 2	1.210	880	550	330
-		Trường tiểu học số 2	Giáp đường sắt thôn Phú hòa	990	660	550	330
7	Đường từ ngã ba Giai Sơn đến giáp thôn Hội Sơn - Ô Loan	Ngã ba Giai Sơn	Giáp thôn Hội Sơn - Ô Loan	2.860	1.100	770	440
8	Đường từ Quốc lộ 1 đến cuối xóm mới thôn Hòa Đa	Quốc lộ 1	Cuối xóm mới thôn Hòa Đa	1.155	810	580	350

9	Các đường liên thôn						
-		Đường HTXNN An Chấn	Ngã ba nhà Cô Thương	1.760	990	770	440
-		Khe nước bầu Đồng Nai	Giáp tuyến đường vào công khu du lịch Bãi Xếp	3.190	1.540	880	660
-		Ngã ba nhà ông Nguyễn Minh Cảnh	Giáp khu dân cư Phú Phong	1.320	990	770	440
-		Trường Nguyễn Hữu Thọ	Giáp nhà ông Trục	1.760	1.100	770	440
-		Ngã ba khu dân cư thôn Phú Thạnh N1, N2 đi	Tuyến đường ĐT 649 (nhà ông Nguyễn Tử Hải)	1.760	1.100	770	440
-		Ngã ba (nhà ông Dàng)	Nhà ông Tài	990	770	550	440
-		Ngã ba nhà ông Đặng Xuân Dương	Quán Hương Cau	1.760	990	770	440
-		Cổng chào thôn Phú Phong	Giáp ngã ba nhà ông Chi	2.120	1.210	605	425
-		Quốc lộ 1	Đường ĐT 649				
+		Quốc lộ 1	Trạm y tế xã	5.060	2.860	1.870	1.100
+		Trạm y tế xã	Đường cơ động	2.640	1.430	880	660
-		Chợ cũ	Cầu Hầm và từ Chợ cũ đến Núi Một	2.970	1.210	660	440
-		Chợ mới đi qua trường Nguyễn Thái Bình	Cuối đường bê tông Xóm 5 thôn Hòa Đa	2.860	1.540	990	770
-		Nhà hát nhân dân cũ	Ngã ba cuối Xóm 4 thôn Phú Long	2.860	1.540	990	770
-		Ngã ba xóm 4 Phú Long	Ngã ba nhà ông Lê Thắng giáp sân vận động	1.760	880	660	440
-		Nhà ông Nguyễn Dương Hiền	Nhà ông Nguyễn Thơ	880	660	440	220
-		Giáp Quốc lộ 1	Cuối xóm 6 thôn Phú Long	770	550	440	220
10	Các đường thôn						
-		Quốc lộ 1	Đi mỏ đá Phú Thạnh	1.210	880	660	440
-		Ngã ba đi Mỏ đá Phú Thạnh	Hết đường bê tông (Áp Lý)	1.100	770	550	330
-		Ngã ba đường Cơ Động (ĐT 649)	Cuối đường bê tông thôn Phú Phong	1.210	880	660	440
11	Các đường xã lộ						
-		Đường sắt	Ngã tư đường ĐT 649	3.960	1.980	1.210	880
-		Ngã tư ĐT 649	Hết tuyến đường kè Biển	4.510	2.530	1.540	990
-		Dốc Súc thôn Phú Cần	Đầu Dốc Lầy thôn Phú Cần	400	320	240	190
-		Chòm Bắc thôn Phú Cần	Cầu Lỗ Găng thôn Phú Mỹ	350	280	240	190
-		Trăng Hòn Gió	Giáp đường ĐT 643	300	280	230	190
-		Ngã ba Dốc Súc	Giáp đường ĐT 643	500	400	250	150
-		Ngã ba Giồng Tò	Trăng Hòn Gió	380	300	220	160
12	Khu vực xung quanh sân vận động			1.870			
13	Khu dân cư phía Tây xã Tuy An Nam (xã An Mỹ cũ)						
-	Đường 20m			8.000			
-	Đường 16m			7.000			
-	Đường 14,5m			6.500			
-	Đường 13,5m			6.000			
14	Khu dân cư Thị Tứ						

-	Đường quy hoạch rộng 30m			4.500			
-	Đường quy hoạch rộng 16m			3.800			
-	Đường quy hoạch rộng 12,5m			3.000			
A80	XÃ TUY AN TÂY						
1	Đường ĐH 32	Giáp ranh xã Tuy An Bắc	Giáp ranh xã Tuy An Nam (<i>xã An Thọ cũ</i>)	320	260	160	130
2	Đường ĐH 37	Giáp ranh đường ĐH 32	Chợ Phong Thái	310	250	150	120
3	Đường ĐT 650						
-		Giáp ranh xã Tuy An Bắc	Trảng (cũ) vùng 9 thôn Trung Lương 1	700	470	315	210
-		Trảng (cũ) vùng 9	Cầu Ông Tài thôn Trung Lương 1	1.300	840	630	315
-		Cầu ông Tài	Dốc quán bà Ráo	700	470	315	210
-		Dốc quán bà Ráo	Vùng 5 (<i>cây me</i>)	700	470	315	210
-		Vùng 5 (<i>cây me</i>)	Dốc bà Nghề, Xuân Thành	700	470	315	210
-		Dốc bà Nghề, Xuân Thành	Giáp ranh xã Vân Hòa	1.100	840	630	315
4	Các đường liên thôn						
-		Đường ĐH 33: Từ cổng thôn Phong Lãnh	Dốc Chùa thôn Phong Lãnh (<i>giáp Long Đức Chí Thạnh</i>)	310	250	150	120
-		Đường ĐH 34: Từ đầu thôn Phong Thái	Cuối thôn Quang Thuận	310	250	150	120
-		Ngã ba xã cũ (<i>Thái Long</i>)	Vùng 2 xóm cổng	300	250	150	120
-		Ngã ba xã cũ (<i>Thái Long</i>)	Vùng 8 Hòn Mò	300	250	150	120
-		Ngã ba Hòn Dung (<i>Vùng 8</i>)	Vùng 8 Lỗ Thờ	300	250	150	120
-		DX 32	Xóm Cây Cui	300	250	150	120
-		Đầu xóm Gò	Cuối xóm Tiếng thôn Tư Thạnh	240	200	165	130
-		Đường ĐT 650, ngã ba nhà bà Liên Phi	Vùng 3 nhà ông Sỹ	520	345	230	170
-		Đường ĐT 650 (<i>ngã ba vùng 10</i>)	Vùng 5 Thế Hiến	460	345	290	170
+		<i>Đường ĐT 650 (dốc quán bà Ráo)</i>	<i>Vùng 12, vùng 13</i>	345	290	230	170
+		<i>Đường ĐT 650 (quán ông Quận)</i>	<i>Vùng 9 Hóc Bò, Hóc Tạ</i>	345	290	230	170
-		Cầu Hòn Ngang	Nhà ông Nguyễn Thanh; đoạn từ Cầu Hòn Ngang đến nhà ông Hùng Phê (<i>giáp đường ĐH 32</i>)	345	290	230	170
-		Cầu bà Kéo (<i>ĐT 650</i>)	Ruộng ông Trần Ngọc Châu	710	610	410	310
-		Đường ĐT 650 (<i>ruộng ông Cù Thanh Sơn</i>)	Nhà ông Nguyễn Văn Mão	460	345	290	170
-		Giáp đường ĐT 650 (từ trụ sở Đảng ủy - UBND xã)	Nhà văn hóa thôn Xuân Trung	500	350	270	200
-		Đường ĐT 650	Cuối thôn Xuân Hòa				
+		<i>Đường ĐT 650</i>	<i>Chùa Hậu Sơn, thôn Xuân Bình</i>	290	230	170	140

+		Đường ĐT 650	Nhà ông Nguyễn, thôn Xuân Hòa	290	230	170	140
5	Đường liên thôn, xóm						
-		Đường ĐH 32 (cây Dông)	Nhà ông Bội vùng 2 Đình Phong	345	290	230	170
-		Đường ĐT 650 (tiệm ông Huân vùng 8)	Nhà ông Lộc, vùng 8, Trung Lương 1	330	280	220	170
-		Đường ĐT 650 (nhà bà Lại vùng 8)	Nhà ông Hùng vùng 8, Trung Lương 1	330	280	220	170
-		Tiệm ông Dục	Nhà ông Cảnh, vùng 7, Thế Hiển	330	280	220	170
-		Ngã 3 Bảng Tin	Nhà hợp xóm, vùng 7, Thế Hiển	330	280	220	170
-		Ngã bản tin thôn Thế Hiển	Đập Thế Hiển	400	320	280	200
6	Khu tái định cư Giếng Đông: Các đường quy hoạch rộng 3,5m			300			
A81	XÃ SÔNG HÌNH						
1	Quốc lộ 19C						
-		Ranh giới xã Đức Bình	Ngã ba Tuy An	810	580	400	290
-		Cầu Ea Bĩa	Cầu Đưng Gia	1.500	1.000	700	400
-		Cầu Đưng Gia	Cầu suối Thuồng Hra (Buôn Thu)	600	500	400	300
-		Cầu suối Thuồng Hra	Cầu suối Ea Trol (Cầu Sắt)	900	600	450	300
-		Cầu suối Eatrol	Ngã 3 thôn kinh tế 2	600	450	300	200
-		Ngã 3 thôn kinh tế 2	Giáp xã EaTrol và xã Sông Hình (cũ)	350	220	190	180
-		Ranh giới xã EaTrol và xã Sông Hình (cũ)	Giáp ranh giới xã Ea Riêng	190	150	140	120
2	Quốc lộ 29						
-		Cầu Sông Hình	Cầu Suối Dù	550	400	300	250
-		Cầu Suối Dù	Cổng chào thôn 1	1.400	1.000	700	400
3	Trần Hưng Đạo						
-		Cổng chào	Thôn 1 đến giáp cổng nhà thờ Sông Hình	1.700	1.300	900	600
-		Cổng nhà thờ Sông Hình	Ngã ba đi buôn 2Klốc	2.500	1.500	1.000	700
-		Ngã ba đi buôn 2Klốc	Chi nhánh điện Sông Hình	3.000	1.800	1.200	750
-		Chi nhánh điện Sông Hình	Giáp BCH phòng thủ khu vực 6	4.500	3.000	1.800	1.200
-		BCH phòng thủ khu vực 6	Ngã tư đường Hoàng Hoa Thám và đường Võ Trứ	8.500	5.100	3.400	1.700
-		Ngã tư đường Hoàng Hoa Thám và đường Võ Trứ	Nhà khách UBND xã	11.000	5.500	4.100	2.750
-		Nhà khách UBND xã	Đường Hồ Xuân Hương (Gộp đoạn từ ranh nhà số 44 Trần Hưng Đạo (nhà ông Vượng) đến ngã ba đường Trần Phú và đoạn từ ngã ba đường Trần Phú đến đường Hồ Xuân Hương)	10.500	5.250	3.750	2.250
4	Lê Lợi						
-		Ngã tư đường Trần Hưng Đạo	Giáp ngã ba đường Hai Bà Trưng	11.000	5.500	4.100	2.750

-		Ngã ba đường Hai Bà Trưng	Giáp ngã ba đường Hoàng Văn Thụ	8.400	4.900	3.500	2.100
-		Ngã ba đường Hoàng Văn Thụ	Giáp Trụ sở Quản lý đường bộ	3.500	2.300	1.750	1.150
-		Trụ sở Quản lý đường bộ	Nhà văn hóa thôn 9	3.200	2.400	1.600	800
-		Nhà văn hóa thôn 9	Ngã ba đi Buôn Ken (Quốc lộ 29 cũ)	1.500	1.000	700	400
-		Ngã ba đi Buôn Ken	Giáp ranh giới xã Ea Bả (Quốc lộ 29 cũ)	1.000	700	400	250
5	Hoàng Hoa Thám						
-		Ngã tư Trần Hưng Đạo	Giáp đường Nguyễn Đình Chiểu	4.500	3.000	1.500	1.000
-		Nguyễn Đình Chiểu	Cổng chào buôn Hai Riêng	3.800	2.550	1.400	800
-		Cổng chào buôn Hai Riêng	Cầu Ea Bia	2.000	1.350	900	600
6	Nguyễn Thái Học (Đường đi buôn 2Klóc, xã EaBia cũ)						
-		Ngã ba Trần Hưng Đạo	Giáp Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị	1.500	1.350	1.000	700
-		Ranh Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị	Khu giãn dân Buôn 2Klóc	1.100	1.000	900	700
7	Đường từ trần suối Bệnh viện đến Quốc lộ 19C	Trần suối Bệnh viện	Quốc lộ 19C	1.400	1.100	800	400
8	Đường từ ngã ba Buôn Dành đến ngã Ba đường Buôn Ly đi Buôn Thu	Ngã ba Buôn Dành	Ngã Ba đường Buôn Ly đi Buôn Thu	350	300	200	150
9	Bà Triệu			4.300	2.900	2.050	1.550
10	Y Nộ (buôn Thô đi Suối Máy)			1.900	1.300	850	500
11	Chu Văn An			2.700	1.800	1.200	750
12	Hai Bà Trưng						
-		Ngã ba Lê Lợi	Giáp ngã tư Lương Văn Chánh	7.700	5.100	3.400	1.700
-		Ngã tư Lương Văn Chánh	Giáp đường Hồ Xuân Hương	4.000	3.500	2.000	1.500
13	Hồ Xuân Hương			4.500	3.000	1.800	1.200
14	Hoàng Văn Thụ			4.300	2.900	2.050	1.550
15	Lê Hồng Phong			3.000	2.250	1.800	1.500
16	Lê Quý Đôn						
-		Nguyễn Đình Chiểu	Chu Văn An	2.300	1.500	1.050	600
-		Chu Văn An	Giáp đường Hoàng Hoa Thám	2.100	1.400	1.000	550
17	Lê Thành Phương			4.300	2.900	2.050	1.550
18	Lương Văn Chánh						
-		Nguyễn Công Trứ	Giáp đường Trần Hưng Đạo	11.000	5.500	4.100	2.750
-		Trần Hưng Đạo	Ngã tư đường Ngô Quyền	8.400	4.900	3.500	2.100
-		Ngã tư đường Ngô Quyền	Giáp ngã tư đường Hai Bà Trưng	5.900	3.900	2.600	1.300
-		Ngã tư Hai Bà Trưng	Cổng số 2	2.400	1.700	1.100	700
-		Cổng số 2	Giáp ngã ba đường đi buôn La Bách	1.500	1.000	700	400
19	Lý Thường Kiệt			3.800	2.550	1.800	1.350
20	Ngô Quyền			3.500	2.500	1.700	1.300

21	Nguyễn Công Trứ						
-		Nguyễn Văn Cừ	Lương Văn Chánh	5.500	4.100	2.750	2.000
-		Ngã ba Lương Văn Chánh	Ngã ba Nguyễn Trãi	11.000	5.500	4.100	2.750
-		Nguyễn Trãi	Giáp bến xe	4.800	3.200	2.400	1.600
22	Nguyễn Du			3.500	2.250	1.800	1.500
23	Nguyễn Đình Chiểu			4.300	2.900	2.050	1.550
24	Nguyễn Huệ			4.000	2.900	2.000	1.450
25	Nguyễn Thị Minh Khai			3.000	2.250	1.800	1.500
26	Nguyễn Trãi						
-		Ngã tư đường Trần Hưng Đạo	Giáp đường Nguyễn Công Trứ	10.500	6.000	4.500	3.000
-		Đường Nguyễn Công Trứ	Nguyễn Đình Chiểu	7.500	4.500	3.000	1.500
-		Nguyễn Đình Chiểu	Giáp ngã ba đường Nơ Trang Long	5.300	3.750	2.250	1.500
-		Ngã ba đường Nơ Trang Long	Giáp đường Nguyễn Huệ	4.000	2.700	1.900	1.450
27	Nguyễn Văn Cừ			3.000	2.250	1.800	1.500
28	Nguyễn Văn Trỗi			4.800	3.200	2.400	1.600
29	Nơ Trang Long			4.000	2.900	2.000	1.450
30	Tuệ Tĩnh			2.900	2.300	1.500	1.000
31	Đường từ ngã ba Tuệ Tĩnh đến giáp đường Nơ Trang Long (Khu mới quy hoạch)	Ngã ba Tuệ Tĩnh	Giáp đường Nơ Trang Long	2.500	1.800	1.500	1.000
32	Đường nội thị: đoạn nối liền Hoàng Văn Thụ vào quy hoạch khu dân cư phố 6			2.200	1.350	1.200	1.000
33	Trần Phú						
-		Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Văn Trỗi	8.500	5.100	3.400	1.700
-		Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Huệ	5.600	4.000	2.400	1.600
-		Ngã ba Nguyễn Huệ	Cầu trần suối Bệnh viện	2.200	1.700	1.100	700
34	Đường từ ngã ba đường Nguyễn Văn Trỗi đến giáp đường Hồ Xuân Hương	Ngã ba đường Nguyễn Văn Trỗi	Giáp đường Hồ Xuân Hương	4.800	3.200	2.400	1.600
35	Võ Trứ			4.000	2.900	2.000	1.450
36	Khu dân cư thôn 3 mới QH						
-	Đường Cao Bá Quát			2.600	1.700	1.400	1.200
-	Đường Nguyễn Dữ			2.200	1.350	1.200	1.000
-	Đường Tân Đà			2.000	1.100	900	800
37	Khu dân cư thôn 7 cũ						
-	Đường Phan Bội Châu			2.700	1.900	1.300	800
-	Đường Huyền Trân Công Chúa			2.700	1.900	1.300	800
38	Đường Trần Quang Khải (Quốc lộ 19C)	Khu dân cư thôn 1	Giáp đường quốc lộ 29	1.400	1.000	700	400
39	Khu dân cư thôn 8						
-	Các đường Khu dân cư thôn 8: Đường từ ngã ba Lê Lợi đi hướng đường Lương Văn Chánh nối dài đến nhà bà Ngân (tính hết đường Bê Tông)			1.900	1.300	850	500

-	Đường Nguyễn Anh Hào (Các đường Khu dân cư thôn 8: Đường từ ngã ba Lê Lợi đi khu vực Lam Sơn đến nhà ông Báu (tính hết đường Bê Tông) cũ)			2.100	1.400	1.000	550
40	Huỳnh Thúc Kháng			1.900	1.300	850	500
-		Ngã ba Quốc lộ 29	Đường Y Nộ	2.650	2.100	1.500	1.000
-		Đường Y Nộ	Giáp ranh giới xã Đức Bình	1.100	800	600	400
41	Đường trung tâm xã Sông Hình (cũ)						
-		Quốc lộ 19C (Đường ĐT 649 cũ)	Cuối trường THCS xã Sông Hình	160	130	120	110
-		Trường THCS xã Sông Hình	Hết đường bê tông	150	120	110	100
A82	XÃ ĐỨC BÌNH						
1	Quốc lộ 29						
-		Cầu Sông Nhau	Cầu Suối Biều	550	450	350	250
-		Cầu Suối Biều	Hết thôn Suối Biều	400	300	250	150
-		Thôn Suối Biều	Giáp ranh giới xã Đức Bình Đông	300	250	200	150
-		Ranh giới xã Sơn Giang	Hết nhà ông Thân	400	250	200	150
-		Nhà ông Thân	Điểm trường TH Tân Lập	500	350	270	200
-		Điểm trường TH Tân Lập	Cầu Suối Cạn	800	600	400	300
-		Cầu Suối Cạn	Cầu Sông Hình	550	400	300	230
2	Đường từ Quốc lộ 29 đến thôn Hà Giang						
-		Quốc lộ 29	Hết kênh T20	400	300	250	150
-		Kênh T20	Hết thôn Hà Giang	300	250	200	150
3	Đường 20 tháng 7						
-		Quốc lộ 29	Niệm Phật đường Sơn Giang	350	300	250	200
-		Niệm Phật đường Sơn Giang (chùa Phước Quang)	Hết thôn Hà Giang	300	250	200	150
4	Đường từ ngã tư Quốc lộ 29 đi cây xăng Bình Giang						
-		Ngã tư Quốc lộ 29	Trạm điều hành mỏ đá Hòn Gộp	500	400	300	200
-		Trạm điều hành mỏ đá Hòn Gộp	Hết cây xăng Bình Giang	400	350	250	150
5	Đường từ Ngã Tư Tân Lập đến Trường mầm non Đức Bình Đông	Ngã Tư Tân Lập	Trường mầm non Đức Bình Đông	400	300	250	200
6	Quốc lộ 19C (Đường ĐT 649 cũ)						
-		Điểm đầu cầu sông ba	Ngã ba thôn An Hòa (bùng binh)	750	500	400	300
-		Ngã ba thôn An Hòa	Hết đất cây xăng Hataco	700	600	500	400
-		Cây xăng Hataco	Ngã ba buôn Quang dù (đi thủy điện)	650	550	450	350
		Ngã ba buôn Quang Dù	Hết đất nhà máy đá Granit Tú Mai	400	300	250	200
-		Nhà máy Granit Tú Mai	Giáp ranh giới thị trấn	400	300	200	150
7	Đường đi thôn Tuy Bình						

-		Quốc lộ 19C (đường ĐT 649 cũ)	Ngã 3 nhà ông Hồng	400	300	250	150
-		Ngã 3 nhà ông Hồng	Giáp nhà bà Bùi Thị Toàn	350	250	200	130
8	Đường chợ	Quốc lộ 19C	Giáp cây xăng Hataco	400	300	250	150
9	Đường thôn An Hòa	Ngã tư Quốc lộ 19C (Đường ĐT 649 cũ)	Giáp đường số 9	400	270	220	150
10	Đường đi đập chính thủy điện sông Ba Hạ						
-		Ngã ba QL19C (nhà bà Huế)	Giáp ngã ba đường nhựa (đoạn qua nhà Văn hóa buôn Quang Dù)	450	300	200	180
-		Ngã ba QL19C	Giáp cầu suối tre (đoạn qua nghĩa địa buôn Quang dù)	450	300	200	180
-		Cầu suối tre đi đập thủy điện	Giáp ranh giới thị trấn	350	250	200	170
11	Khu dân cư thôn An Hòa						
-	Đường liên thôn rộng 12m: Đoạn từ Quốc lộ 19C đến giáp đường D4			500			
-	Đường D4 (đoạn từ giáp đường liên thôn rộng 12 m đến giáp đường Quốc lộ 19C), đường N3 (đoạn từ giáp đường D4 đến giáp đường Quốc lộ 19C) và đường N5 (đoạn từ giáp đường D4 đến giáp đường Quốc lộ 19C) rộng 6m			400			
-	Các đường rộng 6m còn lại			300			
12	Đường số 9	Tuy Bình	Giáp Quốc lộ 19C	350	250	200	170
13	Khu dân cư thôn Bình Giang			850	750	650	550
A83	XÃ EA LY						
1	Quốc lộ 29						
-		Cầu Buôn trung	Trần Thanh niên xung phong	1.700	1.500	1.200	1.000
-		Trần Thanh niên xung phong	Nga ba trường sơn đông (thôn Tân Yên)	1.350	1.100	900	700
-		Ngã ba đường Trường Sơn Đông (thôn Tân Yên)	Cầu EaLy	900	700	500	400
-		Cầu EaLy giáp	Cầu Erong Reng (thôn Đăk Phú)	550	400	300	200
-		Quốc lộ 29 (cổng chào thôn Tân An)	Hết nhà văn hoá khu thể thao thôn Tân An	900	700	500	400
-		NVH thôn Tân An	Hết đường trục chính thôn Tân An (giáp thôn Tân Bình)	350	250	200	150
-		Quốc lộ 29 (nhà ông Thanh Khôi)	Hết trường Tiểu học Tân Lập	1.200	1.000	800	600
-		NVH Tân lập	Hết khu dân cư thôn Tân Bình	350	250	200	150
-		Ngã ba Thôn Tân Lập	Thôn Tân Sơn dọc trục đường nhựa	350	250	200	150
-		Nga ba trường sơn đông (thôn Tân Yên)	Nhà ông Thừa	650	500	400	300
-		Giáp Quốc lộ 29 đi Buôn Zô	Hết nhà máy đá Nhát Lam	650	500	400	300
-		Nhà máy đá Nhát Lam	Hết xóm Dao buôn Zô	450	300	200	150
-		Giáp Quốc lộ 29	Đường Suối đá thôn 2/4	450	300	200	150
2	Trường Sơn Đông						

-		Ngã ba Quốc lộ 29 (nhà ông Nguyễn Văn Ba)	Ngã ba đường Cream đi xã EaBá	1.300	1.050	800	600
-		Ngã ba đường Cream đi xã EaBá	Xã Ea Dré tỉnh Gia Lai	550	400	300	200
-		Ngã ba Quốc lộ 29	Km492 (Trường Sơn Đông)	800	600	400	250
-		Km492 (TSD)	Ranh giới cầu Erong reng (thôn đắk phú)	550	400	300	200
3	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã						
-		Cổng chào Buôn Bai	Giáp ranh giới Buôn Gao	450	300	200	150
-		Ngã 3 đường Trường Sơn Đông	Ngã 4 (trạm y tế xã EaLam)	450	300	200	150
-		Ngã tư buôn Bưng A	Khu dân cư buôn Bưng B (phía đi ra bờ sông)	180	150	100	80
-		Buôn Gao	Khu dân cư buôn Học	180	150	100	80
A84	XÃ EA BÁ						
1	Quốc lộ 29						
-		Cây xăng thôn 10 xã Sông Hinh	Cổng hợp Suối Phên	480	320	240	160
-		Cổng hợp Suối Phên	Ngã ba buôn Ken	480	320	240	160
-		Ngã ba đi buôn Ken	Ngã ba đi Suối buôn Chung	650	500	350	210
-		Ngã ba đi suối buôn Chung	Cầu buôn Chung	450	380	300	200
2	Khu quy hoạch mới khu dân cư Buôn Trinh						
-	Đường gom song song Quốc Lộ 29			450	300	210	147
-	Các đường và đoạn đường còn lại trong khu quy hoạch			370	250	179	126
3	Đường từ Quốc lộ 29 cây xăng đến ngã 3 thôn EaDin	Quốc lộ 29 cây xăng	Ngã 3 thôn EaDin	350	290	230	180
4	Đường từ ngã tư cây xăng thôn 10 xã Sông Hinh đến bãi rác	Ngã tư cây xăng thôn 10 xã Sông Hinh	Bãi rác	300	220	140	110
5	Đường từ bãi rác đến ngã ba Buôn Bàu	Bãi rác	Ngã ba Buôn Bàu	240	190	140	110
6	Đường từ ngã ba Buôn Bàu đến ngã tư Buôn Ken (Nghĩa địa Buôn Ken)	Bãi rác	Ngã tư Buôn Ken (Nghĩa địa Buôn Ken)	240	190	140	110
7	Đường từ ngã tư Buôn ken (Nghĩa địa Buôn Ken) đến Cây Xăng (Buôn Bá)	Ngã tư Buôn ken (Nghĩa địa Buôn Ken)	Cây Xăng (Buôn Bá)	270	210	150	120
8	Đường từ Cây xăng Buôn Bá đến nhà văn hóa Buôn Chao	Cây xăng Buôn Bá	Nhà văn hóa Buôn Chao	240	190	140	110
A85	XÃ SON HÒA						
1	Quốc lộ 19C						
-		Cầu Sông Ba	Giáp ranh xã Suối Bạc cũ	800	600	400	300
-		Quốc lộ 19C đi qua địa bàn xã Suối Bạc cũ					
+		Giáp ranh thị trấn Cùng Sơn cũ	Quốc lộ 25 - 200 m	800	550	400	300
+		Quốc lộ 25 -200 m	Quốc lộ 25 +200 m	1.300	900	650	450
+		QL25 +200 m	Cầu Hiệp Lai	800	550	400	300

-		Quốc lộ 19C đi qua địa bàn xã Sơn Phước cũ					
+		Cầu Hiệp Lai	Ngã 3 đường bê tông đi Cây Da Ma Đen	650	550	325	234
+		Giáp ngã 3 đường bê tông đi Cây Da Ma Đen	Ranh giới xã Tây Sơn	440	370	320	220
2	Quốc lộ 25						
-		Quốc lộ 25 đoạn đi qua địa bàn xã Suối Bạc cũ					
+		Trạm biến áp 35KV Tân Phú	Hết chợ Suối Bạc	3.000	2.100	1.450	1.000
+		Chợ Suối Bạc	Giao đường Suối Bạc 1	2.300	1.600	1.100	800
+		Giao đường Suối Bạc 1	Giao đường Quốc lộ 19C + 200m	1.800	1.200	950	650
+		Đường Quốc lộ 19C+200m	Giáp ranh xã Suối Trai	1.000	800	550	350
-		Quốc lộ 25 đoạn đi qua địa bàn xã Sơn Hà cũ					
+		Giáp ranh xã Phú Hòa I	Cột Km36	840	630	420	315
+		Cột Km36	Cầu Sông Con	1.050	790	580	370
+		Cầu Sông Con	Đường vào chùa Phước Điền	2.100	1.470	1.050	735
+		Đường vào chùa Phước Điền	Trạm biến áp 35kV Tân Phú	1.650	1.210	880	660
3	Đường ĐT 650						
-		Đường ĐT 650 đoạn qua địa bàn xã Sơn Hà cũ					
+		Từ giao QL25 +100 mét về hướng Bắc		1.700	1.200	850	600
+		Giao QL25 +100 m về hướng Bắc	Cầu Ngã 2	900	600	500	350
-		Đường ĐT 650 đoạn qua địa bàn xã Sơn Nguyên cũ					
+		Cầu Ngã 2	Nhà cơ khí Thành Đạt	1.200	850	600	400
+		Nhà cơ khí Thành Đạt	UBND xã Sơn Nguyên cũ+ 150 m	1.150	900	650	450
+		Hết UBND xã Sơn Nguyên cũ +150m	Cầu Vực Cui	600	500	400	300
+		Cầu Vực Cui	Ranh giới xã Vân Hòa	400	250	200	100
4	Đường 24 tháng 3						
-		Đường Quốc lộ 19C (ĐT 646 cũ)	Đường vào bến nước Ông Đa	1.300	900	650	450
-		Đường vào bến nước Ông Đa	Trụ sở UBND thị trấn cũ	1.800	1.200	800	500
-		Trụ sở UBND thị trấn cũ	Hết cầu Móng	1.800	1.300	1.100	1.000
-		Cầu Móng	QL 25 (Đoạn từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến ranh giới xã Suối Bạc cũ)	1.200	1.100	900	700
5	Hai Bà Trưng	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi	2.000	1.400	1.000	700
6	Hùng Vương						
-		Lê Lợi	Giao đường Trần Hưng Đạo	2.100	1.500	1.050	700
-		Trần Hưng Đạo	Giao đường Hồ Suối Bùn I	1.800	1.300	950	650
7	Lê Lợi						

-		lên Hòn Ngang	Trần Phú	2.000	1.400	1.000	700
-		Trần Phú	Giao đường Hùng Vương	3.000	2.100	1.450	1.000
-		Hùng Vương	Đường số 11	2.400	1.700	1.200	850
-		Đường số 11	Đường 24 tháng 3	1.700	1.200	850	600
8	Nguyễn Chí Thanh						
-		Đường lên Hòn Ngang	Trần Phú				
+		Hòn Ngang	Hai Bà Trưng	2.000	1.400	1.000	700
+		Hai Bà Trưng	Trần Phú	2.100	1.500	1.050	750
-		Trần Phú	Giao đường Hùng Vương	3.300	2.500	1.600	1.200
-		Hùng Vương	Giao đường số 11	2.200	1.600	1.100	800
9	Nguyễn Thị Minh Khai						
-		Chân đồi Hòn Ngang	Võ Thị Sáu	2.400	1.700	1.200	850
-		Võ Thị Sáu	Hết khu Thỏ Đá	1.800	1.300	950	650
10	Đường số 11	Lê Lợi	Giao đường Trần Hưng Đạo	2.100	1.700	1.200	750
11	Đường Suối Bạc 4						
-		Ngã Tư công viên (đường Trần Phú)	Hồ Suối Bùn 2	5.000	4.400	2.400	1.800
-		Hồ suối Bùn 2	Ngã 4 Suối Bạc 3	4.600	3.500	2.000	1.000
-		Giáp ranh Suối Bạc 3	QL25	3.500	2.000	1.700	1.450
12	Trần Hưng Đạo						
-		Chân đồi Hòn Ngang	Võ Thị Sáu	2.400	1.800	1.200	900
-		Võ Thị Sáu	Hết khu Thỏ Đá	1.600	1.250	900	650
13	Trần Phú						
-		Bờ Sông Ba	Giao đường 24 tháng 3	2.500	1.900	1.300	1.000
-		Ngã giao đường 24 tháng 3	Mương thủy lợi nhà ông Bính	3.000	2.100	1.450	1.000
-		Mương thủy lợi (nhà ông Hạnh)	Đường Trần Hưng Đạo	4.000	3.000	2.000	1.400
-		Giao đường Trần Hưng Đạo	QL 25	2.800	1.900	1.300	900
14	Võ Thị Sáu						
-		Lê Lợi	Giao đường Trần Hưng Đạo	2.000	1.400	1.000	700
-		Trần Hưng Đạo	Đường Hồ Suối Bùn I	1.700	1.200	900	700
15	Đường DH 56	Suối Thá	QL 19C	450	320	250	180
16	Đường DH 53	Giáp ranh xã Ea Chà Rang	Đường 24/3 (thị trấn Củng Sơn cũ)	295	210	150	105
17	Đường DH54						
-		Đường DH54 đoạn qua địa bàn xã Suối Bạc cũ					
+		Ngã 3 khu giãn dân Nguyễn Xuân	DH 52	400	250	200	100
-		Đường DH 54 đoạn qua địa bàn xã Sơn nguyên cũ					
+		Ngã ba (giao đường ĐT 650) thôn Nguyễn An	Hết khu dân cư thôn Nguyễn Cam	500	350	250	200

+		Hết khu dân cư thôn Nguyễn Cam	Giáp ngã 3 khu giãn dân Nguyễn Xuân	400	250	200	100
18	Đường quy hoạch dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng sạt lở dọc sông Ba giai đoạn 2	Đường 24/3	Vào 500m	800	600	400	300
19	Đường ĐS6						
-		Đường 24 tháng 3	Vào 400m	2.250	1.500	900	600
-		Đường 24 tháng 3 vào 400 m	Giao đường Quy hoạch DS9	2.000	1.000	800	600
-		Giao đường Quy hoạch DS9	Giao đường Quy hoạch DS8	3.850	2.000	1.000	800
-		Giao đường Quy hoạch DS8	Giao đường Suối Bạc 4	4.350	3.000	1.200	800
20	Đường nội bộ khu Thể dục thể thao	Giao đường Võ Thị Sáu	Hùng Vương	1.700	1.200	850	600
21	Các đường còn lại Xã Suối Bạc cũ						
21.1		Đường Suối Bạc 1					
-		Giáp đường Trần Phú	Ngã 3 Suối Bạc 2	1.600	1.250	900	650
-		Ngã 3 Suối Bạc 2	QL25	1.300	900	650	450
21.2		Đường Suối Bạc 2		1.100	800	500	350
21.3		Đường Suối Bạc 3					
-		Giáp ranh đường Trần Phú	Giáp ranh Suối Bạc 4	2.500	1.900	1.300	1.000
-		Giáp ranh Suối Bạc 4	Giáp ranh 24/3	2.000	1.000	800	600
21.4		Đường DH 52 (Đường đi thôn Suối Bạc cũ)					
-		Ngã tư (giao QL25)	Hết ranh trường Tiểu học Suối Bạc + 250m	1.500	1.000	800	550
-		Hết ranh trường Tiểu học Suối Bạc + 250m	Cầu Suối Ba Võ	900	600	500	350
-		Cầu Suối Ba Võ	Giáp ranh hồ Suối Vực	600	450	350	300
21.5		Tuyến đường Từ QL25 đi ngã 3 Sáu Kham					
-		Đoạn từ QL25+200m		600	450	350	300
-		QL25+200m	Ngã 3 Sáu Kham	500	350	250	200
22	Các đường giao thông còn lại xã Sơn Hà cũ						
22.1		Đường 24 tháng 3 (Từ ranh giới thị trấn Củng Sơn đến Quốc lộ 25)		1.050	630	420	315
22.2		Đường DH 51					
-		Giáp Quốc lộ 25	Cầu Hai (thôn Thạnh Hội)	600	500	400	300
-		Cầu Hai (thôn Thạnh Hội)	Ngã tư thôn Thạnh Hội	500	400	300	200
-		Ngã tư thôn Thạnh Hội	Ngã ba đường vào thôn Hòa Sơn	500	400	300	200
-		Ngã ba đường vào thôn Hòa Sơn	Ngã tư nhà Ông Phụng	500	400	300	200
-		Ngã tư nhà Ông Phụng	Giáp đường 24 tháng 3	600	500	400	300
22.3		Đường Từ ngã tư Trụ sở UBND xã tới ngã ba Trảng Sim					
-		Ngã tư Trụ sở UBND xã tới cầu H		1.100	800	600	400
-		Cầu Hòa Sơn	Đường vào Hồ Giếng Tiên	600	500	400	300
-		Đường vào Hồ Giếng Tiên	Ngã ba Trảng Sim	500	400	300	200

22.4		Đường liên thôn Đốc Cát					
-		Quán cơm Thanh Tâm	Nhà văn hóa thôn Đốc Cát	1.000	800	550	350
-		Nhà văn hóa thôn Đốc Cát	Nhà ông Thái	600	500	400	300
22.5		Tuyến từ giao Quốc lộ 25 đến nhà ông Nguyễn Ngọc Dư	Nhà ông Nguyễn Ngọc Dư	1.050	840	630	420
22.6		Tuyến từ ngã ba sân banh đến nhà ông Nguyễn Ngọc Quyền	Nhà ông Nguyễn Ngọc Quyền	890	680	525	420
23	Đường giao thông nông thôn xã Sơn Nguyên cũ						
-		Giao từ ngã ba ĐT650	Khu sinh thái Hoà Nguyên	250	200	150	100
-		Ngã tư chợ Nguyên Cam	Hết Suối Mè	300	200	150	100
-		Giao từ ngã ba ĐT650 (Nhà ông Lê Thanh Hải)	Hết đường bê tông (Thôn Nguyên Trang)	250	200	150	100
24	Đường bê tông từ nhà ông Ma Thành đến Cây Đa Ma Đen xã Sơn Phước cũ	Nhà ông Ma Thành	Cây Đa Ma Đen xã Sơn Phước cũ	340	260	250	180
A86	XÃ VĂN HÒA						
1	Quốc lộ 19C						
-		Giáp ranh xã Xuân Phước	Hết thôn Hòa Ngãi	285	205	145	105
-		Giáp thôn Hòa Ngãi	Hết thôn Hòa Thuận	415	315	215	165
-		Giáp thôn Hoà Thuận	Ngã tư giao với đường ĐT 643 (thôn Hoà Nghĩa) - 250m	440	330	220	165
-		Ngã 4 giao với đường ĐT 643 -250m	Ngã 4 giao với đường ĐT 643	660	495	385	275
-		Ngã tư giao đường ĐT 643	Ngã 3 giao đường trục thôn Hoà Bình (ĐT 643 cũ, trạm dừng chân Tâm Thành Đạt)	2.750	2.200	1.650	1.430
-		Ngã 3 giao đường trục thôn Hoà Bình (ĐT 643 cũ, trạm dừng chân Tâm Thành Đạt)	Giáp ranh xã Tây Sơn	315	265	215	165
2	Đường ĐT 643 mới						
-		Ranh xã Tuy An Nam	Ngã 3 giao với đường trục thôn Văn Hoà (ĐT 643 cũ)	765	565	415	315
-		Ngã 3 giao với đường trục thôn Văn Hoà (ĐT 643 cũ)	Ngã 4 giao với đường ĐT 650 (cây xăng Văn Hoà) - 200m	800	650	550	500
-		Ngã 3 giao với đường trục thôn Văn Hoà (ĐT 643 cũ)	Ngã 3 giao với đường ĐT 650 (cây xăng Văn Hoà) - 200m đến ngã 4 giao với đường ĐT 650 (cây xăng Văn Hoà)	1.000	800	500	300
-		Ngã 4 giao với đường ĐT 650 (cây xăng Văn Hoà)	Hết Hồ Văn Hòa (vị trí ngã 3 giao với đường liên thôn số 01)	1.000	800	500	300
-		Hết Hồ Văn Hòa (vị trí ngã 3 giao với đường liên thôn số 01)	Hết Hồ Suối Phên (vị trí ngã 3 giao điểm đầu của đường liên thôn số 02)	2.800	2.500	2.300	2.000
-		Hết Hồ Suối Phên (vị trí ngã 3 giao điểm đầu của đường liên thôn số 02)	Ngã 3 giao với đường liên thôn số 2 (điểm cuối), xóm Phong Cao, thôn Phong Hậu	860	630	400	290
-		ngã 3 giao với đường liên thôn số 2 (điểm cuối), xóm Phong Cao, thôn Phong Hậu	Hết khu dân cư xóm Phong Cao	690	345	290	210
-		Hết khu dân cư xóm Phong Cao	Giao với đường vào bãi rác Sơn Long cũ	400	290	200	140

-		Giao đường vào bãi rác Sơn Long cũ	Ngã 4 giao với Quốc lộ 19C	2.500	2.000	1.500	1.300
3	Đường ĐT 650						
-		Ranh giới xã Sơn Hoà	Trụ sở Công an xã Vân Hoà - 150m	230	170	115	80
-		Trụ sở Công an xã Vân Hoà - 150m	Đầu Dốc Đỏ	460	320	230	170
-		Đầu Dốc Đỏ	Ngã 4 giao với đường ĐT 643 (cây xăng Vân Hoà) - 300m	350	250	200	150
-		Ngã 4 giao với đường ĐT 643 (cây xăng Vân Hoà) - 300m	Ngã tư giao với đường ĐT 643	1.000	800	500	300
-		Giao đường ĐT 643 giáp ranh giới xã Tuy					
+		Giao đường ĐT 643	Hết khu dân cư thôn Suối Phên (Km 19+850)	700	600	500	400
+		Hết khu dân cư thôn Suối Phên (Km 19+850)	Ngã 3 giao đường vào mỏ đá Sơn Long (Km 16+100)	450	350	200	150
+		Ngã 3 giao đường vào mỏ đá Sơn Long (Km 16+100)	Giáp xã Tuy An Tây	400	300	170	150
4	Đường liên thôn						
-		Giao ĐT 643 (hồ Vân Hoà), thôn Vân Hoà	Giao ĐT 643 (hồ Suối Phên), thôn Suối Phên	650	480	345	230
-		Ngã 3 giao ĐT 643 (hồ Suối Phên), thôn Suối Phên	Giao với đường ĐT 643 (xóm Phong Cao), thôn Phong Hậu				
+		Ngã 3 giao ĐT 643 (hồ Suối Phên), thôn Suối Phên	Ngã 4 giao với đường thôn (từ hết thôn Trung Trinh đến giao ĐT 643 (UBND xã Vân Hoà)) - 500m	800	580	420	290
+		Ngã 4 giao với đường thôn (từ hết thôn Trung Trinh	Giao ĐT 643 (UBND xã Vân Hoà) - 500m đến đường ĐT 643 (xóm Phong Cao), thôn Phong Hậu	850	630	470	350
-		Hết thôn Trung Trinh	Giao ĐT 643 (thôn Phong Hậu)				
+		Hết thôn Trung Trinh	Ngã 4 giao đường liên thôn số 02 (UBND xã Vân Hoà) -200m	350	250	200	100
+		Ngã 4 giao đường liên thôn số 02 (UBND xã Vân Hoà) -200m	Giao ĐT 643 (thôn Phong Hậu)	420	290	190	120
5	Đường nội thôn						
5.1	Thôn Vân Hòa						
-		Ngã 3 giao ĐT 643	Hồ Vân Hòa	460	320	230	170
-		Ngã 3 giao với đường từ ngã 3 giao ĐT 643	Hồ Vân Hòa đến giao đường ĐT 643 (hồ Vân Hoà)	460	320	230	170
-		Ngã 3 giao với đường nội thôn (ngã 3 Chợ Đồn)	Giao đường ĐT 643 (cây xăng Vân Hoà)	690	460	345	230
5.2	Thôn Suối Phên						
-		Nhà văn hóa thôn Suối Phên	Ngã 3 giao với đường ĐT650	550	450	350	250
5.3	Thôn Hòa Bình						
-		Ngã 3 giao ĐT 643 mới	Ngã 3 giao QL 19C				
+		Giao ĐT 643 (mới)	Ngã Tư thôn Hòa Bình - 100m	520	370	250	170

+		Ngã Tư thôn Hòa Bình - 100m	Ngã tư Hòa Bình +100m	580	360	230	160
+		Ngã tư Hòa Bình +100m	Giao QL 19C	470	340	230	160
-		Ngã 4 giao QL 19C	Hết khu dân cư Gò Ông Dư				
+		Ngã 4 giao QL 19C	Ngã tư Hòa Bình	600	400	300	200
+		Ngã tư Hòa Bình cũ	Hết khu dân cư Gò Ông Dư	350	250	200	100
A87	XÃ TÂY SON						
1	Quốc lộ 19C						
-		Ranh giới xã Sơn Phước	Cổng qua đường (ruộng lúa nước)	250	180	130	90
-		Cổng qua đường (ruộng lúa nước)	Ngã tư chợ Trà kê +200m	500	350	250	180
-		Ngã tư Chợ Trà Kê +200m	Trạm kiểm soát lâm sản của Ban quản lý rừng phòng hộ	320	230	160	120
-		Trạm kiểm soát lâm sản của Ban quản lý rừng phòng hộ	Ranh giới xã Sơn Định	280	200	140	100
2	Đường ĐT646						
-		Quốc lộ 19C (ngã ba địa chất)	Ngã tư đi thôn Tân Thuận (Trường La Văn Cầu)	385	275	198	143
-		Ngã tư đi thôn Tân Thuận (Trường La Văn Cầu)	Đường vào đập hồ Tân Lương	190	140	90	60
-		Đường vào đập hồ Tân Lương	Ngã 3 Tổng Bình	210	150	100	70
-		Ngã 3 Tổng Bình	Nhà ông Sô Minh Cảnh	220	150	105	70
-		Ranh nhà ông Sô Minh Cảnh	Hết ranh nhà ông Sô Đồng	230	160	120	80
-		Nhà ông Sô Đồng	Hết ranh xã Tây Sơn (giáp xã Phú Mỹ)	198	143	99	77
3	Đường ĐH55						
-		Ngã tư chợ Trà Kê	Hết ranh nhà ông Trần Quốc Mỹ	460	320	230	160
-		Nhà ông Trần Quốc Mỹ	Trạm cân bà Nguyễn Thị Hoa Hậu	230	170	115	80
-		Trạm cân bà Nguyễn Thị Hoa Hậu	Trạm cân nhà ông Nguyễn Đức Nông	265	180	140	90
-		Trạm cân nhà ông Nguyễn Đức Nông	Sông Cà Lúi	210	150	100	80
4	Đường ngã tư Trà Kê-Thôn Tân Thuận						
-		Ngã tư Chợ Trà Kê	Hết UBND xã	575	403	288	207
-		UBND xã	Giao đường ĐT 646	460	322	230	161
5	Đường từ ĐT 646 (ngã ba Suối Tre) đến ĐH 55 (nhà ông Ba Bình)	ĐT 646 (ngã ba Suối Tre)	ĐH 55 (nhà ông Ba Bình)	400	290	200	140
6	Đường từ giao đường ĐH 55						
-		Nhà rừng văn hóa thôn Ma Nhe	Đất sản xuất Ông Ma Linh	160	120	90	70
-		Nhà ông Ma Thơ	Nhà ông Ma Đường thôn Ma Lăng	160	120	90	70
-		Nhà bà Đầy	Nhà rừng văn hóa thôn Ma Thìn	160	120	90	70
-		Nhà bà Xoan	Nhà ông Ma Đó thôn Ma Lăn	160	120	90	70

-		Trường mầm non	Nhà văn hóa xã Cà Lúi	160	120	90	70
-		Nhà ông Ma Bép	Nghĩa địa thôn Ma Lưn	160	120	90	70
-		UBND xã	Nghĩa địa thôn Ma Đĩa	160	120	90	70
-		Nhà ông Ma Hương	Nghĩa địa thôn Ma Đĩa	160	120	90	70
-		Nhà ông Hưng	Nhà Ông Loan thôn Ma Thìn	160	120	90	70
7	Đường Liên thôn						
-		Đường Ma Y-Suối Đá		150	120	90	70
-		Giáp ngã tư cầu Cà boong	Hết trường tiểu học - trung học cơ sở (<i>cấp 2</i>)	160	120	90	70
-		Trường tiểu học - trung học cơ sở (<i>cấp 2</i>) đi	Hết Lê Mo Thảo	150	110	80	60
-		Ngã ba (<i>giao DT646</i>)	Gia Trụ	150	120	90	70
-		Đường Ma Y	Giáp ranh với xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai	150	120	90	70
-		Giáp cầu Ca Boong	Hết nghĩa địa thôn Ma Y	180	130	100	80
-		Giáp nghĩa địa thôn Ma Y	Giáp ranh xã Đất Bàng, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	180	130	100	80
-		Nhà Mí Bình	Nhà Mí Sỏi, thôn Ma Y	130	90	60	50
-		Nhà Oi Hồ	Ma Tiễn, thôn Ma Y	130	90	60	50
-		Giao Mí Bình - Mí Sỏi	Giao Oi Hồ - Ma Tiễn, thôn Ma Y	130	90	60	50
-		Giao Oi Hồ - Ma Tiễn	Giao đường Mí Bình - Mí Sỏi	130	90	60	50
-		Giao đường Mí Bình - Mí Sỏi	Nhà ông Ma Khỏe, thôn Ma Y	130	90	60	50
-		Giao đường trục xã	Giao đường từ Ma Y - Suối Đá (14), thôn Ma Y	130	90	60	50
-		Giao đường xã	Nhà rông Ma Giấy, thôn Ma Giấy	130	90	60	50
-		Giao đường xã	Đất nông nghiệp nhà Ma Triều, thôn Ma Giấy	130	90	60	50
-		Nhà Ma Hòa - Nhà Ma ẻo, thôn		130	90	60	50
-		Nhà Ma Tiêm	Nhà Ma Xuyên, Gia Trụ	130	90	60	50
-		Ma Huyền	Sông Cà Lúi, Gia Trụ	130	90	60	50
-		Nhà O Máy	Nhà La O Thơm, thôn Gia Trụ	130	90	60	50
-		Tuyến nhà ông Hiếu	Nhà Mố Mâm	130	90	60	50
-		Nhà Y Đĩa	Nhà ông Hiếu - Mố Mâm	130	90	60	50
-		Nhà Ma Khẹo	Nhà Ma Tình	130	90	60	50
-		ĐT 646 (trạm cân)	Hết đường bê tông thôn Tổng Bình	110	80	60	50
-		QL 19C nhà ông Trần Ngọc Chánh	Giáp đường ĐH 55	150	110	80	60
-		QL 19C	Hết đường Bê tông (<i>đường đi Hồ Cây Đa</i>)	140	100	70	50
-		ĐT 646 ngã tư Trường La Văn Cầu	Hết đường bê tông thôn Tân Thuận	110	80	60	50
-		Nhà ông Lê Văn Thanh	Nhà ông Phan Tịnh	110	80	60	50
-		ĐT 646 trạm y tế Tân Lương	Hết thôn Tân Hiệp (<i>dầu dốc Lết</i>)	110	80	60	50

-		ĐH 55 thôn Tân Hợp (Nhà ông Lê Văn Trung)	Cổng qua ruộng lúa nước	110	80	60	50
-		QL 19C nhà ông Y Giáp	Nhà ông Lê Văn Thiểu	110	80	60	50
-		ĐH 55 thôn Tân Hội nhà ông Nguyễn Tấn Hoàng	Nhà ông Nghè	140	110	80	60
A88	XÃ SUỐI TRAI						
1	Quốc lộ 25						
-		Quốc lộ 25 qua địa bàn xã Eachà Rang cũ					
+		Ranh giới xã Sơn Hòa	Cầu Suối Tre	460	230	160	115
+		Cầu Suối Tre	Cầu Eachà Rang	690	480	330	230
+		Cầu Eachà Rang	Cầu Hà Lan	400	280	200	140
-		Quốc lộ 25 qua địa bàn xã Krông Pa cũ					
+		Cầu Hà Lan	Ngã tư thôn Phú Sơn - 200m (Đoạn từ ranh giới xã Eachà Rang đến ngã tư -200m cũ)	500	350	250	150
+		Ngã tư -200 m	Hết ranh trường Trung học cơ sở	700	500	350	250
+		Hết ranh trường Trung học cơ sở	Cầu Cà Lúi (giáp ranh xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai)	450	400	250	200
2	Đường ĐH 53						
-		Đường ĐH 53 qua địa bàn xã Eachà Rang cũ					
+		Đường Quốc lộ 25	Ranh giới xã Sơn Hòa (Đoạn từ đường Quốc lộ 25 đến ranh giới xã Suối Trai (đường vào Trụ sở văn phòng làm việc của Công ty Cổ phần Thủy điện sông Ba Hạ) cũ)	290	210	150	100
+		Đường Quốc lộ 25	Đường nội đồng (nhà ông Trần Văn Định)	300	220	150	100
+		Đường nội đồng (nhà ông Trần Văn Định)	Cầu Ma Va	230	160	115	80
+		Cầu Ma Va	Ranh giới xã Suối Trai cũ	150	115	90	70
-		Đường ĐH 53 qua địa bàn xã Suối Trai cũ					
+		Ranh giới xã Ea Chà Rang cũ và Sơn Hòa	Ngã ba Hà Đò	300	200	150	100
+		Ngã ba Hà Đò	Ngã ba đi thôn Hoàn Thành	500	350	250	200
+		Ngã ba đi thôn Hoàn Thành	Ranh giới xã Ea Chà Rang cũ	300	200	150	100
3	Các đường còn lại trong xã						
-		Giao Quốc lộ 25	Điểm trường chính mầm non Ea Chà Rang (xã Ea Chà Rang cũ)	310	220	150	100
-		QL25	Hết đường bê tông buôn Khăm mới (xã Krông Pa cũ)	250	200	150	100
-		Tuyến đường từ Quốc lộ 25 (ngã tư thôn Phú Sơn) đi Buôn Học (xã Krông Pa cũ)					
+		QL25	Kênh mương	350	300	230	170

+		Kênh mương	Hết Buôn Học	250	200	150	100
-		Quốc lộ 25	Buôn Lê A (nhà H-Lem) (xã Krông Pa cũ)	350	300	230	170
-		Quốc lộ 25	Nghĩa địa thôn Phú Sơn (xã Krông Pa cũ)	350	300	230	170
-		UBND xã Suối Trai	Nhà ông Nguyễn Văn Bình (xã Suối Trai cũ)	300	250	200	150
-		Nhà ông Cao Quốc Lập	Giao đường ĐH 53 (xã Suối Trai cũ)	200	180	150	100
-		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Xã Suối Trai	Nhà Ông Ma Lim (xã Suối Trai cũ)	200	180	150	100
-		Nhà ông Ma Nga	Nhà bà KPá Hờ Ân (xã Suối Trai cũ)	200	180	150	100
-		Ngã Ba Thôn Hoàn Thành (giao đường ĐH 53)	Nhà ông Ma Thoại (xã Suối Trai cũ)	200	180	150	100
-		Nhà ông Ngô Trung Điền	Nhà Ông Ksor Y Tiên (xã Suối Trai cũ)	200	180	150	100